

Nâng tầm
CHẤT LƯỢNG
CUỘC SỐNG



MỤC LỤC

01

THÔNG điệp TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

02

THÔNG TIN TỔNG QUAN

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro
6. Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi

03

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc
3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của công ty

04

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Giao dịch cổ phiếu của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

05

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Tầm nhìn bền vững
2. Các hoạt động tiêu biểu & Giải thưởng bền vững
3. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc về các mục tiêu tăng trưởng bền vững
4. Chiến lược phát triển bền vững

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
2. Báo cáo kiểm toán độc lập
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Thông điệp

TỪ CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa Quý Cổ Đông và Quý Nhà Đầu Tư!
Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Tập đoàn, trân trọng gửi tới Quý Cổ Đông và Quý Nhà Đầu Tư lời chúc sức khỏe và lời chào trân trọng nhất.
Kính thưa Quý vị,

Năm 2022, thế giới chứng kiến một sự phục hồi toàn diện sau đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, quá trình này diễn ra chậm và khó khăn hơn so với kỳ vọng của tất cả chúng ta. Kinh tế toàn cầu năm 2022 đối mặt với hàng loạt những thách thức lớn, bao gồm sức ép lạm phát và kinh tế tăng trưởng chậm lại do tác động của các biến động kinh tế, địa - chính trị thế giới, như xung đột chính trị giữa Nga và Ukraine, chính sách Zero-Covid của Trung Quốc và xu hướng thắt chặt tiền tệ ứng phó với lạm phát tăng cao. Tại Việt Nam, bằng các chủ trương đúng đắn và sự điều hành quyết liệt của Chính phủ, kinh tế Việt Nam mặc dù không tránh khỏi những tác động bất lợi, nhưng đã lấy lại đà tăng trưởng vốn có của một thị trường đang phát triển và phục hồi mạnh mẽ vào nửa cuối 2022.

Đứng trước bối cảnh kinh tế trong và ngoài nước có nhiều biến động, doanh thu thuần cả năm 2022 của Tập đoàn F.I.T vẫn ghi nhận đạt 1.917 tỷ đồng, tăng 697 tỷ đồng so với cùng kỳ. So sánh với mục tiêu đã thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022ĐHĐCĐ, kết quả này cho thấy sự tăng trưởng vượt bậc về doanh thu khi vượt 40% kế hoạch đặt ra, gấp 1.57 lần so với năm ngoài. Lợi nhuận gộp cũng ghi nhận đạt 459 tỷ đồng, tăng 50% so với năm 2021. Tổng tài sản tăng từ 5.984 tỷ đồng năm 2021 lên 6.905 tỷ đồng năm 2022, tăng 921 tỷ đồng.

Chúng ta đã từng bước khẳng định bản lĩnh, vị thế của một Tập đoàn đa ngành thịnh vượng và gặt hái nhiều thành tích ấn tượng trong các lĩnh vực hoạt động chủ lực, bao gồm: Dược phẩm, Kinh doanh nước uống, FMCG, Nông nghiệp và Bất động sản.

Trong lĩnh vực Dược Phẩm, năm 2022, sau 08 năm được Tập đoàn F.I.T tập trung đầu tư về tài chính và quản trị, lần đầu tiên Dược Cửu Long đạt thành tích xuất sắc khi đạt doanh thu 1.036 tỷ đồng, đây là mức doanh thu cao nhất của Công ty trong suốt 46 năm hoạt động kể từ khi thành lập. Ba mảng kinh doanh cốt lõi của Dược Cửu Long là dược phẩm, viên nang rỗng (capsule) và vật tư thiết bị y tế tiếp tục gặt hái những thành quả tích cực. Đối với mảng sản xuất và cung ứng viên nang rỗng các loại, Dược Cửu Long tiếp tục giữ



vững vị thế dẫn đầu về chất lượng và thị phần tại Việt Nam và hiện đang đầu tư mở rộng nhà máy viên nang rỗng (capsule giai đoạn 5) với tổng vốn đầu tư 232,5 tỷ đồng, công suất 2,8 tỷ nang/năm. Đối với mảng dược phẩm và thiết bị y tế, ngoài 02 nhà máy hiện đại, đạt tiêu chuẩn GMP – WHO, Dược Cửu Long tiếp tục đầu tư xây dựng thêm 01 nhà máy vật tư thiết bị y tế với vốn đầu tư xấp xỉ 15 triệu USD; và 01 nhà máy Dược phẩm theo tiêu chuẩn EU-GMP với quy mô 50.000 m2, tổng vốn đầu tư 1,035 tỷ đồng, công suất sản xuất đạt 1,6 tỷ sản phẩm/năm, giúp Dược Cửu Long tạo nên sự đột phá ở quy mô hoạt động và đẩy mạnh doanh thu vào các năm tiếp theo.

Về lĩnh vực kinh doanh nước uống, thời gian vừa qua, với sự đầu tư mạnh mẽ về tài chính và chiến lược từ Tập đoàn F.I.T, Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (Vikoda) đã được

tập trung nâng cấp dây chuyền hiện đại đóng chai trực tiếp tại nguồn, nhằm đưa nguồn nước quý giá bậc nhất thế giới với toàn bộ khoáng chất hoàn toàn thiên nhiên, độ kiềm PH 9.0 trực tiếp đến với người tiêu dùng, mang lại hiệu quả tối ưu cho chăm sóc hệ tiêu hóa và tăng cường sức khỏe mỗi ngày. Nhân hiệu Nước khoáng thiên nhiên Vikoda đã được nhận diện rộng rãi và khắc ghi trong tâm trí người tiêu dùng quốc tế và trong nước, truyền cảm hứng mạnh mẽ về tận hưởng cuộc sống với những sản phẩm chăm sóc sức khỏe vượt trội. Bên cạnh đó, Tập đoàn đã không ngừng kết nối, mở rộng thị trường thông qua các kênh phân phối trên toàn quốc, tạo tiền đề thúc đẩy doanh thu công ty tăng trưởng vượt bậc. Các kênh bán hàng hiện đại đạt 80% bao phủ, doanh thu ghi nhận tăng 300% so với cùng kỳ, đặc biệt kênh resort 5 sao có doanh số tăng gấp đôi so với trước đây. Ngoài tâm điểm thị trường khu vực miền Trung và miền Nam, thị trường phía Bắc đang ngày một mở rộng với mức tăng trưởng 45% so với 2021. Với lợi thế độc quyền từ mỏ khoáng kiềm, Công ty hiện đang tập trung cải thiện và đa dạng hóa các dòng sản phẩm, mở rộng kênh phân phối và các tệp khách hàng, đặc biệt là nhóm khách hàng cao cấp nhằm khẳng định vị trí dẫn đầu trong thị trường nước khoáng kiềm đóng chai tại Việt Nam.

Về lĩnh vực FMCG, FIT Cosmetics đã nỗ lực qua từng ngày và đã đạt được những thành tích đáng khích lệ: Tăng trưởng toàn công ty năm 2022 đạt 33% so với cùng kỳ, các nhãn hàng trọng tâm như DrKool, TERO đều tăng trưởng trên 44% so với năm 2021. Công ty đã nghiên cứu và phát triển nhiều sản phẩm chất lượng hướng tới người tiêu dùng với 6 thương hiệu nổi tiếng thuộc ngành hàng chăm sóc cá nhân và gia đình như: Dr.Clean, Tero, Dr.KOOL, NuWhite, Rocket, Ocleen. Các sản phẩm của công ty được ghi nhận và sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại, dựa trên ý niệm vì sức khỏe cộng đồng, được đón nhận bởi cộng đồng người tiêu dùng thông thái. Đặc biệt, FIT Cosmetics được định hướng chiến lược rõ ràng với mục tiêu phát triển các dòng sản phẩm sinh học có nguồn gốc từ tự nhiên, mang lại cho người tiêu dùng các dòng sản phẩm cao cấp, thân thiện môi trường, đón đầu tiêu dùng Xanh của thị trường.

Về lĩnh vực nông sản, Trong năm 2022, Công ty CP Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây - Westfood đã không ngừng kết nối, mở rộng thị trường xuất khẩu, đặt những nền móng vững chắc để đưa công ty trở thành đại sứ hoa quả nhiệt đới Việt nam trên trường Quốc tế. Để đáp ứng nhu cầu thị trường ngày một gia tăng, Westfood tiếp tục đầu tư, mở rộng dự án vùng nguyên liệu. Một trong những vùng nguyên liệu nổi trội của Westfood là dứa MD2 hiện đã thí điểm thành công tại Hậu Giang với diện tích 120ha, trong đó có 33 ha đạt chứng chỉ Global Gap. Westfood đã đặt mục tiêu cho kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu dứa MD2 giai đoạn 2022 - 2030 với quy mô 2.000 hecta, mục tiêu đến cuối năm 2025 đạt 1.000 hecta và đến cuối 2027 đạt 2.000 hecta, trong đó diện tích đạt chuẩn Global Gap đạt 50% diện tích. Ngoài ra, công ty còn đầu tư, xây dựng dự án Nhà máy Westfood Hậu Giang đạt chuẩn Châu Âu tại trung tâm vùng nguyên liệu của khu vực ĐBSCL với tổng diện tích đất 70.000m2 và tổng chi phí đầu tư ban đầu ước tính khoảng 500 tỷ đồng. Sau khi hoàn thành dự án này sẽ trở thành Nhà máy chế biến nông sản lớn nhất tỉnh Hậu Giang, giúp Westfood tạo ra nhiều dòng sản phẩm mới tiêu chuẩn chất lượng cao bên cạnh những sản phẩm hiện có.

Về lĩnh vực bất động sản, ngày 25/2/2022, tại Phước Dinh, Thuận Nam, Ninh Thuận, Tập đoàn chính thức khởi công dự án Cap Padaran Mũi Dinh. Đây là dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng đẳng cấp quốc tế được xây dựng trên diện tích gần 800 ha chia làm nhiều phân khu bao gồm các chức năng khách sạn, resort, biệt thự biển, các khu tổ hợp căn hộ khách sạn, vui chơi giải trí và du lịch thể thao. Tổng mức đầu tư của

toàn dự án ước tính hơn 1 tỷ đô la Mỹ. Dự án Cap Padaran được nâng lên một tầm cao mới vào ngày 14/11/2022, khi Tập đoàn F.I.T chính thức kí hợp đồng hợp tác với Banyan Tree – Một trong những tập đoàn đầu tư và vận hành bất động sản bậc nhất châu Á. Sau khi ký kết, dự án Cap Padaran Mũi Dinh sẽ được tư vấn chiến lược, tư vấn kĩ thuật, thiết kế và quản lý vận hành một cách chuyên nghiệp, đúng tầm vóc của một đại dự án, trở thành điểm sáng trên bản đồ du lịch Việt Nam và Quốc tế. Tạo tiền đề để Cap Padaran Mũi Dinh trở thành nhà phát triển tổ hợp bất động sản, du lịch nghỉ dưỡng kết hợp vui chơi, giải trí, thể thao – sân golf hàng đầu của Việt Nam, thực hiện đúng sứ mệnh kiến tạo nên các khu du lịch độc đáo, đẳng cấp quốc tế, thu hút khách du lịch và nhà đầu tư trên toàn cầu.

Kính thưa Quý vị,
Khép lại một năm 2022 đầy biến động, bức tranh kinh tế toàn cầu năm 2023 có thể chưa sẵn sàng cho một sức tăng trưởng mạnh mẽ. Những khó khăn của thị trường tài chính vẫn sẽ tiếp diễn và vẫn là chướng ngại cho những kế hoạch phát triển. Tuy nhiên, những điểm này không phải và càng không thể khiến chúng ta chùn bước, ngược lại, việc tìm ra cơ hội trong thách thức luôn khiến chúng ta vững vàng hơn, đột phá hơn trong quá trình phát triển. Sau 16 năm hoạt động, đây chính là giai đoạn Tập đoàn F.I.T chuyển mình mạnh mẽ. Theo đó, Tập đoàn đã tái cấu trúc, thay đổi toàn bộ sứ mệnh, tầm nhìn và chiến lược dài hạn nhằm tập trung cho các lĩnh vực kinh doanh mũi nhọn, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đồng thời tối ưu hóa việc tổ chức quản trị tài lực, nhân lực, đảm bảo tính bền vững trong từng bước phát triển.

Vì thế, chúng tôi tin rằng, bằng tinh thần quyết tâm, tiềm lực vững vàng và chiến lược bài bản, cùng với sự ủng hộ của Quý vị cổ đông, Tập đoàn sẽ tiếp tục vững vàng vượt trên thách thức để đạt được những mục tiêu đã đề ra, xây dựng F.I.T trở thành Tập đoàn đa ngành, có các sản phẩm, dịch vụ khác biệt, đẳng cấp, dẫn đầu, mang lại chất lượng cuộc sống tốt đẹp hơn và là nơi hội tụ nhân tài, được xã hội tôn vinh.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!
Trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Văn Sang



Doanh thu thuần cả năm 2022 đạt 1.917 tỷ đồng, tăng 697 tỷ đồng so với cùng kỳ, vượt 40% kế hoạch đặt ra, gấp 1.57 lần so với năm ngoài. Lợi nhuận gộp cũng ghi nhận đạt 459 tỷ đồng, tăng 50% so với năm 2021. Tổng tài sản tăng từ 5.984 tỷ đồng năm 2021 lên 6.905 tỷ đồng năm 2022, tăng 921 tỷ đồng.



THÔNG TIN TỔNG QUAN

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro
6. Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi


1 ▶ THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T
Tên viết bằng tiếng nước ngoài	F.I.T GROUP JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	F.I.T GROUP, JSC
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	0102182140 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/03/2007 đăng ký thay đổi lần thứ 34 ngày 07/04/2023

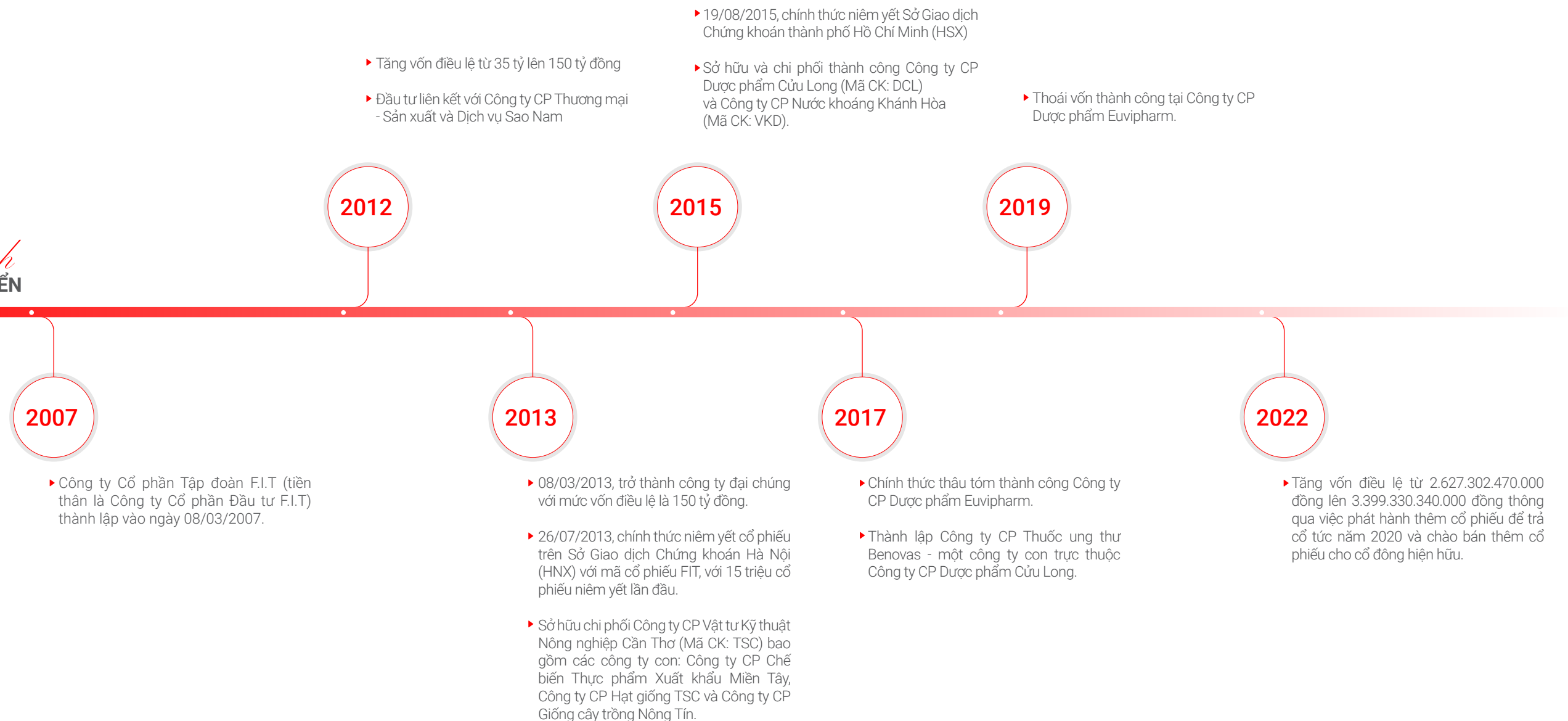
Vốn điều lệ	3.399.330.340.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.864.565.620.918 đồng

Địa chỉ	Tầng 5, tòa nhà Time Tower - HACCC 1 Complex Building, số 35 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Số điện thoại	024 73094688
Số fax	024 73094686
Website	https://fitgroup.com.vn/

Mã cổ phiếu	FIT
Sàn niêm yết	Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HSX)

Logo Công ty 

Quá trình HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



2 ▶ NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KD

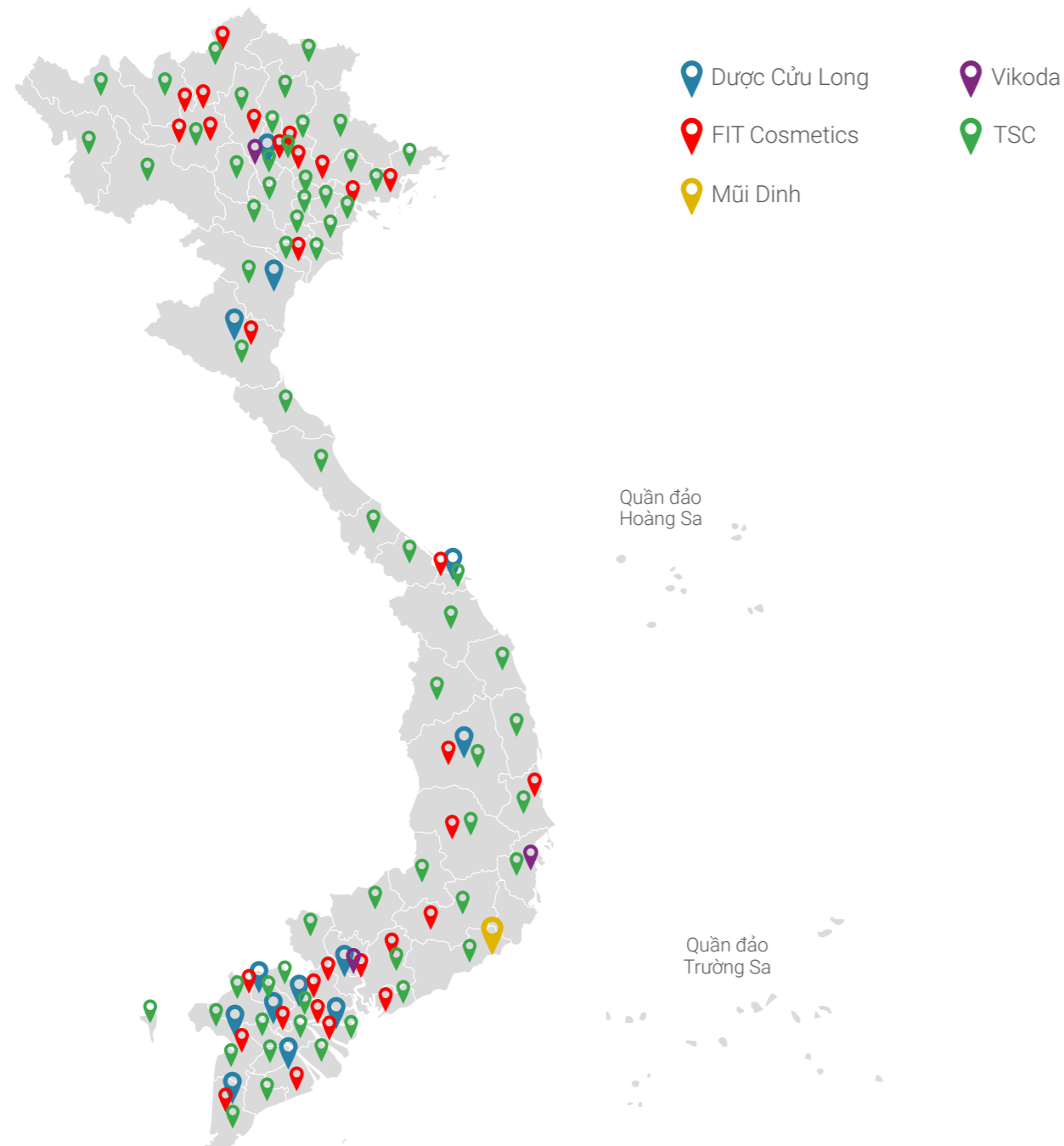
2.1 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Kinh doanh bất động sản
Quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chính). Chi tiết: Dịch vụ cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản

Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: tư vấn đầu tư, tư vấn mua bán doanh nghiệp (tư vấn M&A), tư vấn cổ phần hóa, tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn phát triển thị trường (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính)

Tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý kinh doanh, tư vấn phát triển nguồn nhân lực (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính).

2.2 ĐỊA BÀN KINH DOANH



3 ▶ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KD & BỘ MÁY QUẢN LÝ

3.1 MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

3.2 CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



3.3 CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÁC CÔNG TY CON

01 CÔNG TY CP VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ (*)

<p>1D, Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam</p> <p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp</p>	<p>Vốn điều lệ (VNĐ) 1.968.589.250.000</p> <p>Tại thời điểm 31/12/2022 Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này 41,07% Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty 41,07%</p>
---	---

02 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

<p>Số 150 đường 14 tháng 9, Phường 5, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam</p> <p>Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (Sản xuất dược phẩm, dược liệu, hóa chất, nguyên phụ liệu và các loại dược phẩm bào chế khác)</p>	<p>Vốn điều lệ (VNĐ) 730.410.300.000</p> <p>Tại thời điểm 31/12/2022 Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này 58,05% Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty 58,05%</p>
--	---

03 CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI F.I.T VIỆT NAM

<p>Tầng 5 - Tòa Times Tower, số 35 đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam</p> <p>Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Không bao gồm hoạt động bảo chi); Bán buôn tổng hợp (Trừ dược phẩm và loại Nhà nước cấm)</p>	<p>Vốn điều lệ (VNĐ) 100.000.000.000</p> <p>Tại thời điểm 31/12/2022 Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này 100% Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty 100%</p>
--	---

04 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN F.I.T

<p>Tầng 5 - Tòa Times Tower, số 35 đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam</p> <p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản - kinh doanh bất động sản hình thành trong tương lai</p>	<p>Vốn điều lệ (VNĐ) 965.904.990.000</p> <p>Tại thời điểm 31/12/2022 Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này 99,90% Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty 99,90%</p>
---	---

05 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN CHARLOTTE

<p>Tầng 5 - Tòa Times Tower, số 35 đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam</p> <p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</p>	<p>Vốn điều lệ (VNĐ) 233.000.000.000</p> <p>Tại thời điểm 31/12/2022 Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này 98,61% Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty 98,71%</p>
--	---

06 CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU MIỀN TÂY (**)

<p>Khu Công Nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam</p> <p>Chế biến và bảo quản rau quả, thu mua và chế biến nông sản, thực phẩm xuất khẩu...</p>	<p>Vốn điều lệ (VNĐ) 302.467.400.000</p> <p>Tại thời điểm 31/12/2022 Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này 18,48%(1) Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty 45,00%</p>
--	--

07 CÔNG TY CỔ PHẦN HẠT GIỐNG TSC

<p>1D, Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam</p> <p>Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng; nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp...</p>	<p>Vốn điều lệ (VNĐ) 190.000.000.000</p> <p>Tại thời điểm 31/12/2022 Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này 23,67%(1) Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty 98,68%</p>
--	--

08 CÔNG TY CỔ PHẦN FIT CONSUMER

<p>Số 1D Đường Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam</p> <p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp</p>	<p>Vốn điều lệ (VNĐ) 1.460.037.500.000</p> <p>Tại thời điểm 31/12/2022 Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này 50,60%(1) Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty 100,00%</p>
---	---

09 CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG NÔNG TÍN

<p>276 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam</p> <p>Xử lý hạt giống để nhân giống; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp</p>	<p>Vốn điều lệ (VNĐ) 30.000.000.000</p> <p>Tại thời điểm 31/12/2022 Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này 31,90%(1) Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty 77,67%</p>
---	---

10 CÔNG TY CỔ PHẦN WESTFOOD HẬU GIANG

<p>Khu Công nghiệp Sông Hậu - Giai đoạn 1, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam</p> <p>Chế biến và bảo quản rau quả (Chi tiết: Chế biến và đóng hộp rau quả; chế biến và bảo quản rau quả khác)</p>	<p>Vốn điều lệ (VNĐ) 70.000.000.000</p> <p>Tại thời điểm 31/12/2022 Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này 18,11% Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty 98,00%</p>
--	--

11 CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

<p>Thôn Cây Sung, Xã Diên Tân, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam</p> <p>Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Chi tiết: Sản xuất đồ uống không cồn. Sản xuất nước khoáng thiên nhiên đóng chai)</p>	<p>Vốn điều lệ (VNĐ) 124.999.880.000</p> <p>Tại thời điểm 31/12/2022 Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này 48,34%(3) Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty 95,53%</p>
---	--

12 CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC UNG THƯ BENOVAS

Vốn điều lệ (VNĐ) **100.000.000.000**

Tầng 5 - Tòa Times Tower, số 35 đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu
Chi tiết: Kinh doanh hóa chất

Tại thời điểm 31/12/2022
Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này **48,76%(4)**
Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty **84,00%**

13 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC PHẨM VPC - SÀI GÒN

Vốn điều lệ (VNĐ) **163.000.000.000**

Số 150, đường 14 tháng 9, Phường 5, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu
Chi tiết: Bán buôn hóa chất; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
Chi tiết: Bán buôn dụng cụ y tế

Tại thời điểm 31/12/2022
Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này **58,05%(4)**
Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty **100,00%**

14 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BENOVAS

Vốn điều lệ (VNĐ) **80.000.000.000**

Số 276 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
Chi tiết: Bán buôn dược phẩm, capsule (viên nang) các loại, dụng cụ cho ngành dược, ngành y tế, mỹ phẩm, dược liệu, nguyên phụ liệu và các loại dược phẩm bảo chế khác

Tại thời điểm 31/12/2022
Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này **58,04%(4)**
Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty **99,98%**

15 CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ BENOVAS

Vốn điều lệ (VNĐ) **100.000.000.000**

Số 150 đường 14 tháng 9, Phường 5, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng
Chi tiết: Sản xuất: dụng cụ, trang thiết bị y tế cho ngành dược, ngành y tế

Tại thời điểm 31/12/2022
Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này **58,05%**
Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty **100,00%**

16 CÔNG TY LIÊN DOANH SẢN XUẤT KINH DOANH, XUẤT NHẬP KHẨU DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ (LÀ CÔNG TY LIÊN DOANH GIỮA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG VÀ LAO MEDICAL SERVICES CO., LTD)

Vốn điều lệ (VNĐ)

Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Giới thiệu thuốc

Tại thời điểm 31/12/2022
Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này **29,61%(4)**
Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty **51,00%**

(* Tỷ lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông của F.I.T vào Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ chỉ đạt 41,07%, tuy nhiên F.I.T vẫn là Công ty mẹ Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ do F.I.T có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

(**) Tỷ lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông của F.I.T vào Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây chỉ đạt 45%, tuy nhiên F.I.T vẫn là Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây do F.I.T có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

- (1): Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ
- (2): Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây
- (3): Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty cổ phần FIT Consumer
- (4): Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long

• CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

01 CÔNG TY CỔ PHẦN FIT COSMETICS

Vốn điều lệ (VNĐ) **195.900.000.000**

Số 276, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Phân phối hóa mỹ phẩm; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu
Chi tiết:
- Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn sợi dệt; Bán buôn bột giấy.

Tại thời điểm 31/12/2022
Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này **24,79%(1)**
Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty **49,00%**

02 CÔNG TY CỔ PHẦN CAP PADARAN MŨI DINH

Vốn điều lệ (VNĐ) **368.000.000.000**

Thôn Sơn Hải 2, Xã Phước Dinh, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Tại thời điểm 31/12/2022
Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này **49,95%(2)**
Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty **50,00%**

- (1): Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty cổ phần FIT Consumer.
- (2): Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T



4 ▶ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Trong nền kinh tế toàn cầu hóa hiện nay, việc xây dựng và phát triển bền vững thị trường tài chính cũng như thị trường bất động sản là một xu thế tất yếu của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, là yêu cầu cơ bản để đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại. Những bước phát triển tiếp theo của thị trường tài chính và thị trường bất động sản sẽ có sự kết nối lẫn nhau giữa các thị trường này trên toàn cầu. Nhận thức được vấn đề đó, Việt Nam rất quan tâm chú trọng tới sự phát triển ngành và định hướng sự phát triển sát với xu thế phát triển chung của thế giới.

Trước xu thế hội nhập và phát triển, Việt Nam đang đứng trước những cơ hội để phát triển mạnh mẽ và đi cùng với sự phát triển đó là những cơ hội và thách thức đối với các công ty hoạt động trong các lĩnh vực này để phát triển bền vững.

Với tầm nhìn chiến lược và bề dày kinh nghiệm của Ban lãnh đạo, Tập đoàn F.I.T đã chú trọng nắm bắt quy luật và những yêu cầu tất yếu của thị trường để có chiến lược phát triển phù hợp với đường lối phát triển, quy mô hoạt động, dịch vụ sản phẩm và trình độ công nghệ trong nước và trên thế giới, nhằm tạo ra sức cạnh tranh với các công ty cùng ngành không chỉ trong nước mà còn trong khu vực.

Tập đoàn F.I.T đánh giá định hướng phát triển của công ty phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.



4.1 CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Năm 2023 được Tập đoàn F.I.T xác định là năm tiếp tục hoàn thiện quá trình tái cơ cấu tại các Công ty thành viên, tạo đà cho cả Tập đoàn bước sang giai đoạn phát triển bền vững. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng đặt ra mục tiêu tìm và lựa chọn các nhà đầu tư nhằm phát triển kinh doanh tại các mảng nhiều tiềm năng như dược phẩm, tiêu dùng nhanh và thực phẩm.



- 01** Tăng tiềm lực tài chính của Tập đoàn qua huy động vốn tại các Công ty thành viên.
- 02** Xây dựng các công ty con trở thành các công ty hàng đầu trong các ngành hàng: dược, tiêu dùng (nước), chế biến thực phẩm, hóa mỹ phẩm, bất động sản nghỉ dưỡng.
- 03** M&A các công ty tốt, tiềm năng, ưu tiên trong các lĩnh vực dược phẩm, thực phẩm, hàng tiêu dùng, mỏ, bất động sản, du lịch và vui chơi giải trí
- 04** Tạo dựng hình ảnh thương hiệu FIT & tăng cường quan hệ cổ đông.
- 05** Quản lý tập trung, chặt chẽ trên phạm vi toàn Tập đoàn
- 06** Các hoạt động quản trị rủi ro tiếp tục được chú trọng, trong đó, tập trung vào quản trị rủi ro tài chính của FIT, rủi ro tín dụng trong các dịch vụ tài chính, rủi ro hoạt động của công ty con, công ty liên kết
- 07** Xây dựng tổ chức tinh gọn và vận hành xuất sắc
- 08** Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu nguồn nhân lực và chính sách nhân sự, tăng cường công tác đào tạo nội bộ về nghiệp vụ và văn hóa doanh nghiệp
- 09** Khởi công dự án Mũi Dinh Padaran
- 10** Khởi công xây dựng nhà máy vật tư y tế Benovas; Nhà máy sản xuất dược phẩm theo tiêu chuẩn EU-GMP
- 11** Đưa vào thương mại hóa thuốc điều trị ung thư.

4.2 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Trong thời gian tới, Tập đoàn F.I.T sẽ tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động thông qua tăng trưởng tự thân cũng như đầu tư các công ty tiềm năng khác. Đồng thời duy trì và phát triển mối quan hệ đối tác với những doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy năng lực quản trị, công nghệ, kỹ thuật và thương mại.

Tập đoàn F.I.T đã bước đầu chuyển mình từ một công ty đầu tư và tư vấn tài chính thuần túy sang một Tập Đoàn hoạt động sản xuất kinh doanh. Với sứ mệnh Nâng tầm chất lượng cuộc sống bằng các sản phẩm và dịch vụ chất lượng, Tập đoàn F.I.T đặt tầm nhìn là Tập đoàn thịnh vượng, đa ngành, có các sản phẩm và dịch vụ khác biệt, đẳng cấp, dẫn đầu, mang lại chất lượng cuộc sống tốt đẹp hơn, là nơi hội tụ nhân tài được xã hội tôn vinh. Từ đó hướng tới mục tiêu trở thành công ty tỷ đô trong tương lai.



Tập đoàn F.I.T đã xây dựng bộ 05 giá trị cốt lõi: Thành tâm – Thực thi hoàn hảo – Cải tiến liên tục – Khát khao chiến thắng – Tuân thủ, là nền tảng, kim chỉ nam để mỗi người lao động trong tập thể F.I.T nỗ lực mỗi ngày. Để phát triển bền vững, Tập đoàn F.I.T xây dựng một hệ thống quản trị chặt chẽ xuyên suốt từ Tập đoàn đến Công ty con để có được sự nhất quán tạo nên sức mạnh tổng hợp.

Mục tiêu chính của Tập đoàn F.I.T là hoạt động hiệu quả trong các lĩnh vực, ngành hàng có quy mô lớn tạo ra các sản phẩm và dịch vụ phục vụ nhu cầu của tầng lớp trung lưu tại Việt Nam như Dược phẩm, Thực phẩm và Ngành hàng tiêu dùng nhanh. Đây đều là những ngành hàng thiết yếu và có xu hướng tăng trưởng trong tương lai. Những mặt hàng Tập đoàn F.I.T chọn lựa là nhằm hướng tới đáp ứng nhu cầu tăng nhanh của tầng lớp trung lưu đang gia tăng nhanh chóng tại Việt Nam. Tập đoàn F.I.T nghiên cứu đầu tư vào các Công ty tiềm năng thuộc các ngành hàng phát triển như nói ở trên và sẽ hỗ trợ doanh nghiệp rất nhiều về công tác quản trị điều hành, đầu tư vào sản phẩm khác biệt, thương hiệu mạnh, mở rộng hệ thống bán hàng, kênh phân phối để gia tăng giá trị cho doanh nghiệp và dần từng bước đưa các Công ty này dẫn đầu trong các ngành hàng tham gia.



Bên cạnh đó Bất động sản cũng là một lĩnh vực Tập đoàn F.I.T quan tâm để đầu tư vì đây là lĩnh vực có quy mô, tiềm năng tăng trưởng cao và đem lại mức lợi nhuận lớn. Tuy nhiên Tập đoàn F.I.T sẽ đầu tư một cách thận trọng kết hợp với việc nghiên cứu kỹ lưỡng và quản trị chặt chẽ để đem lại hiệu quả cao nhất cho nguồn vốn đầu tư.

Ngoài ra, Tập đoàn F.I.T vẫn tiếp tục duy trì một danh mục đầu tư ngắn hạn để nắm bắt các cơ hội trên thị trường và tạo ra mức sinh lời cao.



4.3 CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

(môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Tăng cường công tác nghiên cứu và dự báo thị trường trên cơ sở thường xuyên theo dõi, cập nhật sát sao tình hình biến động về các mặt hàng mà Tập đoàn F.I.T và các công ty thành viên đang sản xuất, kinh doanh: mùa vụ, cây trồng, thời tiết, dịch bệnh, giá nông sản; vật tư y tế, nguyên liệu thuốc, Từ đó đánh giá áp lực cạnh tranh từ trong nước và quốc tế để nâng cao khả năng dự báo giá; đánh giá và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đề xuất xây dựng các kịch bản, phương án ứng phó hữu hiệu trong bối cảnh môi trường vĩ mô có thể biến động lớn trong thời gian tới.

01



02

Tập đoàn F.I.T nghiên cứu sử dụng tài nguyên hiệu quả và lựa chọn các giải pháp kỹ thuật - công nghệ giúp tiết giảm cao nhất tiêu thụ năng lượng. Các sản phẩm, dịch vụ đều phải có giá trị tích cực với đời sống của người dân, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và phù hợp với sự phát triển của địa phương và thân thiện với môi trường.



03

Tập đoàn F.I.T luôn hướng tới một môi trường làm việc nhân văn, liên tục cải thiện các chính sách dành cho người lao động, từ lương thưởng đến chế độ phúc lợi. Công ty cũng tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động được phát huy hết tiềm năng thông qua chính sách tuyển dụng linh hoạt và các chương trình đào tạo chuyên sâu. Bên cạnh phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp, chăm sóc tốt cho nhân viên, Tập đoàn F.I.T còn hướng tới việc sẻ chia với những hoàn cảnh khó khăn trong xã hội, ưu tiên các chương trình hỗ trợ giáo dục và thường xuyên tài trợ các chương trình nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của dân cư địa phương.



5 ▶ CÁC RỦI RO

5.1 RỦI RO VỀ KINH TẾ

• RỦI RO VỀ KINH TẾ

Bức tranh kinh tế thế giới năm 2022 phân chia thành hai nửa rõ rệt: 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm 2022. Bước vào đầu năm 2022, kinh tế toàn cầu phục hồi và tăng trưởng mạnh mẽ sau một năm suy thoái vì đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, kể từ giữa năm 2022, khi xung đột Nga - Ukraine gia tăng, kết hợp chính sách "Zero Covid" của Trung Quốc làm chậm lại đà phục hồi kinh tế toàn cầu, gia tăng tình trạng gián đoạn nguồn cung và đẩy giá hàng hóa thế giới tăng mạnh. Giá hàng hóa thế giới tăng (bao gồm giá dầu, lương thực, thực phẩm) cùng với sự gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu làm gia tăng chi phí sản xuất, khiến lạm phát toàn cầu tăng lên nhanh chóng, nhiều quốc gia chứng kiến mức lạm phát kỷ lục trong nhiều năm.

Hàng loạt thách thức trong năm 2022 sẽ tiếp tục tác động và kéo dài sang năm 2023, có thể kể đến như: Cuộc chiến tại Ukraine kéo dài; chính sách Zero Covid và suy giảm tăng trưởng tại Trung Quốc; tình trạng đứt gãy các chuỗi cung ứng toàn cầu; chính sách tăng lãi suất của Mỹ và phản ứng các ngân hàng trung ương lớn khác; khủng hoảng năng lượng tại Liên minh châu Âu và đặc biệt là vòng xoáy lạm phát và nguy cơ suy thoái tại các nền kinh tế lớn.

• RỦI RO LẠM PHÁT

Các rủi ro tài chính của doanh nghiệp thường gắn liền với xu hướng lạm phát trong nền kinh tế. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào của doanh nghiệp tăng cao, ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp.

Trong những năm gần đây, Chính phủ luôn đề ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao đi kèm với kiểm soát lạm phát ở mức dưới 4% bằng việc thực hiện các chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ linh hoạt.

Năm 2019, lạm phát được kiểm soát với mức tương đối thấp, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2019 chỉ tăng 2,79%. Trong 2020, mặc dù giá thực phẩm tăng mạnh (đặc biệt là giá thịt lợn) nhưng tác động của dịch Covid -19 khiến cầu hàng hoá suy giảm mạnh trong những tháng cuối năm 2020. Kết thúc 2020, chỉ số CPI đạt mức 3,23% so với năm trước.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số lạm phát bình quân năm 2021 (CPI) tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016.

Bình quân năm 2022, lạm phát cơ bản tăng 2,59% so với năm 2021, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,15%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực, xăng, dầu và gas tăng.

	2018	2019	2020	2021	2022
Lạm phát cơ bản tháng 12 so với tháng trước	0,09	0,68	0,07	0,16	0,33
Lạm phát cơ bản tháng 12 so với cùng kỳ năm trước	1,70	2,79	0,99	0,67	4,99
Lạm phát cơ bản bình quân năm so với năm trước	1,48	2,01	2,31	0,81	2,59

Đơn vị tính: %

• RỦI RO VỀ LÃI SUẤT

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Yếu tố lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch kinh doanh cũng như tác động mạnh đến doanh thu và chi phí hoạt động tài chính. Tuy nhiên, trên thực tế, để tiếp cận được nguồn vốn vay với lãi suất hấp dẫn là một vấn đề còn khó khăn đối với Công ty nói riêng và các doanh nghiệp nói chung.

• RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật, chính sách và các quy định tại Việt Nam như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thương mại, Luật Đầu tư... Các hoạt động kinh doanh của Công ty cần nhiều loại giấy phép và chấp thuận từ các cơ quan nhà nước, các giấy phép này trong một số trường hợp nhất định sẽ cần nộp xin cấp, sửa đổi, cấp mới hoặc gia hạn. Việc mất, hoặc không thể sửa đổi, xin cấp mới hoặc gia hạn bất kỳ giấy phép hoặc chấp thuận quan trọng nào cần phải có để thực hiện hoạt động kinh doanh của Công ty đều có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng Công ty.

Hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, vì thế, các luật và văn bản hướng dẫn có thể sẽ còn được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Những thay đổi của hệ thống pháp luật, chính sách trong nước có thể ảnh hưởng đến kế hoạch và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, kết thúc năm 2022, các quy định hỗ trợ doanh nghiệp do ảnh hưởng của đại dịch cũng dần hết thời hạn áp dụng. Ví dụ: không còn áp dụng mức thuế giá trị gia tăng 8%, hết thời hạn giảm tiền đóng quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho Người sử dụng lao động.... Điều này phần nào có tác động đến hoạt động của Công ty, khi các quy định hỗ trợ doanh nghiệp không còn đồng nghĩa với việc Công ty phải tăng chi phí cho các hoạt động này.

5.2 RỦI RO ĐẶC THÙ

• RỦI RO TRONG MẢNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đây là lĩnh vực kinh doanh có hệ số rủi ro cao. Thị trường chứng khoán tăng, giảm phụ thuộc vào nhiều nhân tố: sự phát triển của kinh tế vĩ mô, vi mô, của từng ngành, từng doanh nghiệp... kể cả tâm lý của nhà đầu tư. Đặc biệt trong năm 2022, thị trường chứng khoán Việt Nam chứng kiến sự biến động vô cùng mạnh.

Sự biến động đặc biệt lớn này đã tạo ra sự không ổn định trong doanh thu và lợi nhuận của Công ty nên đối với lĩnh vực này. Để hạn chế rủi ro, Công ty đã thực hiện kế hoạch kinh doanh đa dạng hóa danh mục đầu tư, tập trung đầu tư vào nhóm cổ phiếu có tính thanh khoản cao, ở các ngành nghề trọng điểm và có nhiều cơ hội tăng trưởng trong tương lai. Việc lựa chọn ngành, cổ phiếu, xác định thời điểm đầu tư và phân bổ nguồn vốn đầu tư được tiến hành trên cơ sở lập kế hoạch kinh doanh dài hạn trên cơ sở đã phân tích đánh giá kỹ lưỡng biến động kinh tế và thị trường tiền tệ cũng như xem xét cân nhắc với các rủi ro có thể gặp phải.

5.3 RỦI RO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông như rủi ro về quản trị tài sản và nguồn vốn, rủi ro về nguồn nhân lực, rủi ro về quy trình và hệ thống... Tuy nhiên, Công ty đã luôn chủ động giảm thiểu tối đa các rủi ro về quản trị công ty thông qua việc tăng cường xây dựng tính hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro, thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và kế toán... Trên thực tế, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt được sự tăng trưởng ổn định, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đề ra và duy trì ổn định sản xuất kinh doanh.

• RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN

Công ty là doanh nghiệp chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực đầu tư và tư vấn đầu tư tài chính và bất động sản. Đảm bảo chất lượng tốt nhất cho các dịch vụ tư vấn đối với khách hàng là trọng tâm trong hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty. Do đó, các rủi ro có thể phát sinh liên quan đến tính chính xác và hiệu quả của dịch vụ tư vấn, trình độ chuyên môn, sự chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ nhân viên sẽ có những ảnh hưởng đáng kể. Ý thức được rủi ro này, Công ty tập trung đào tạo chuyên môn cho nhân viên, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện, có chính sách đãi ngộ tốt để thu hút và duy trì một đội ngũ nhân sự ổn định.

5.3 RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG, THỜI TIẾT, DỊCH BỆNH

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

6 ▶ SỨ MỆNH - TẦM NHÌN GIÁ TRỊ CỐT LÕI

SỨ MỆNH

Nâng tầm chất lượng cuộc sống bằng sản phẩm và dịch vụ vượt trội

TẦM NHÌN

Tập đoàn thịnh vượng, đa ngành với các sản phẩm và dịch vụ khác biệt, đẳng cấp, dẫn đầu, mang lại chất lượng cuộc sống tốt đẹp hơn. Nơi hội tụ nhân tài, được xã hội tôn vinh.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc
3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của công ty

1 ▶ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TRONG NĂM

1.1 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

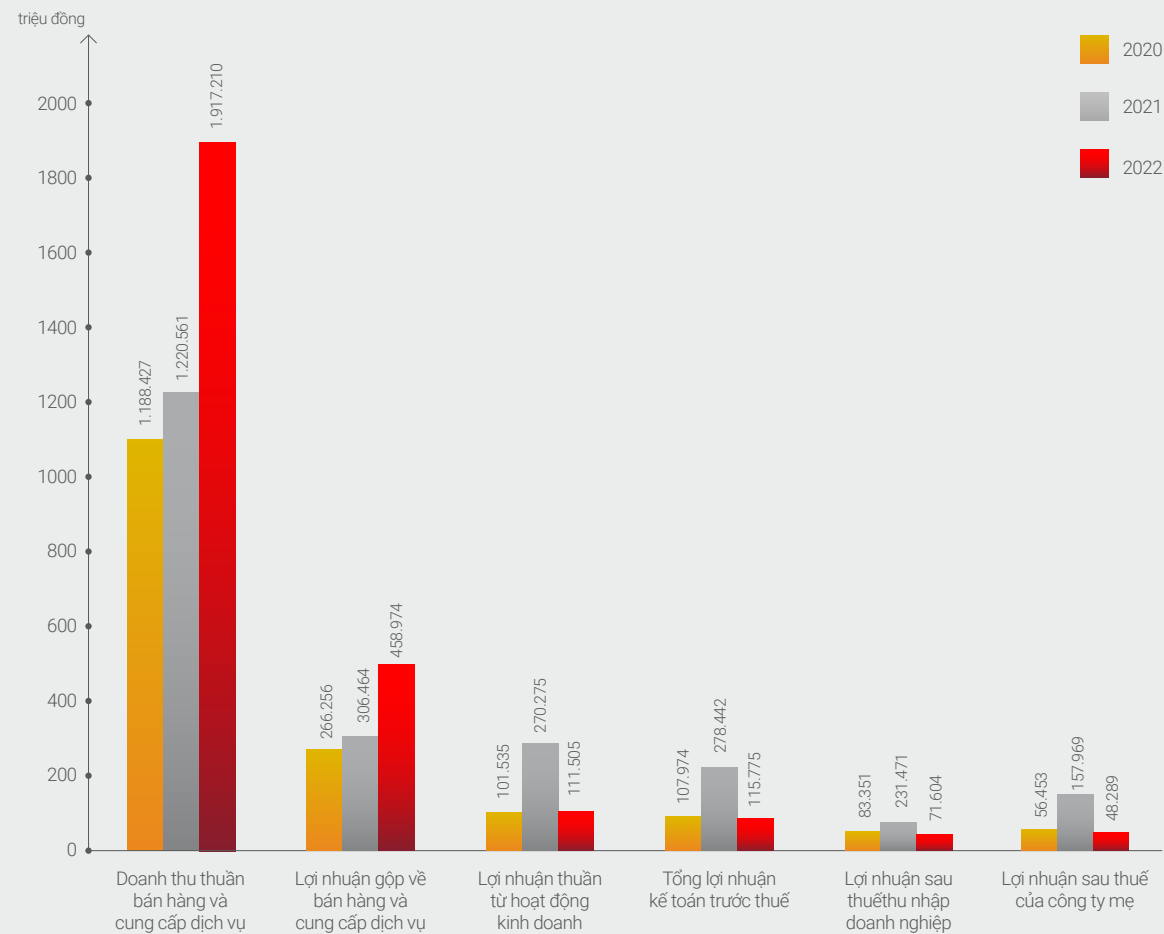
• KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Năm 2022, Tập đoàn F.I.T cũng bị ảnh hưởng bởi những khó khăn chung của kinh tế, đặc biệt là đối với các lĩnh vực hoạt động chủ chốt của Công ty như bất động sản, dược phẩm, vật tư y tế... Đặc biệt là chi phí logistics, nhiên liệu, biến động nhân sự sau đại dịch... dẫn đến chi phí vận hành, sản xuất, bán hàng tăng. Mặc dù doanh số bán hàng hóa dịch vụ tăng đáng kể so với cùng kỳ nhưng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm.

Với tinh thần hành động quyết liệt, khẩn trương, Ban lãnh đạo Công ty đã kịp thời, chủ động đưa ra các giải pháp với những diễn biến bất thường của nền kinh tế. Nhờ các giải pháp toàn diện, đúng đắn, cùng với tinh thần quyết liệt, ý chí quyết tâm,

đồng lòng của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên, dù khó khăn nối tiếp khó khăn nhưng kết thúc năm 2022, Công ty đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Theo đó doanh thu hợp nhất của Công ty năm 2022 đạt 1.917 tỷ đồng, tăng 57,1% so với năm 2021, lợi nhuận sau thuế đạt 71,604 tỷ đồng.

Năm 2023, Tập đoàn F.I.T chủ yếu tập trung đầu tư sâu rộng vào lĩnh vực dược phẩm, thực phẩm đồ uống, bất động sản và cơ cấu lại mô hình quản lý. Hướng tới tạo ra các sản phẩm, dịch vụ vượt trội, đẳng cấp, dẫn đầu, mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn.

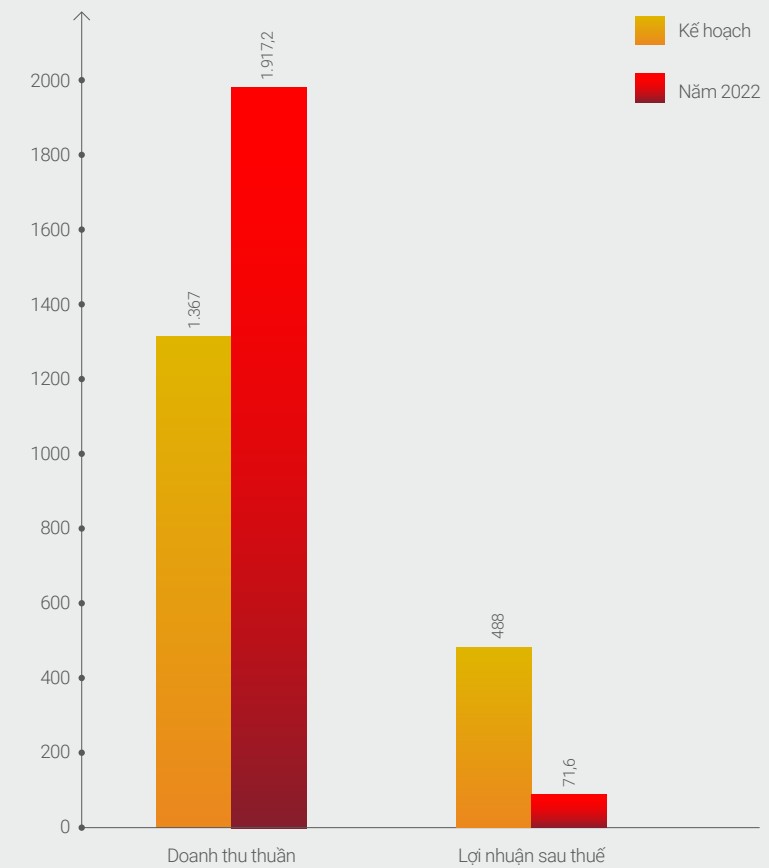


Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022.

1.2 TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Năm 2022, Công ty gặp rất nhiều khó khăn do giá nguyên vật liệu đầu vào biến động, chi phí logistics tăng cao, khủng hoảng năng lượng... Tình trạng sản xuất hàng giả, hàng nhái vẫn chưa được kiểm soát chặt chẽ, các sản phẩm kém chất

lượng vẫn xuất hiện tràn lan trên thị trường. Đặc biệt là các khó khăn nối tiếp trên thị trường vào nửa cuối năm 2022. Vì vậy, Công ty không đạt các chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra.



1.2 TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

• DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH



Nguyễn Ngọc Bích
Tổng Giám đốc

Trình độ văn hóa:
Đại học

Trình độ chuyên môn:
Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại Công ty
Tổng giám đốc Công ty

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ và được ủy quyền đại diện:
0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ



Vũ Thị Minh Hoài
Phó Tổng giám đốc thường trực

Trình độ văn hóa:
Đại học

Trình độ chuyên môn:
Kế toán và Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại Công ty
Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ và được ủy quyền đại diện:
0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ



Nguyễn Ngọc Thăng
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ văn hóa:
Đại học

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Khoa học

Chức vụ hiện nay tại Công ty
Phó Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ và được ủy quyền đại diện:
23,600 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ



Nguyễn Văn Bản
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ văn hóa:
Đại học

Trình độ chuyên môn:
Kế toán - Tài chính

Chức vụ hiện nay tại Công ty
Phó Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ và được ủy quyền đại diện:
0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ



Lê Việt Cường
Kế toán trưởng

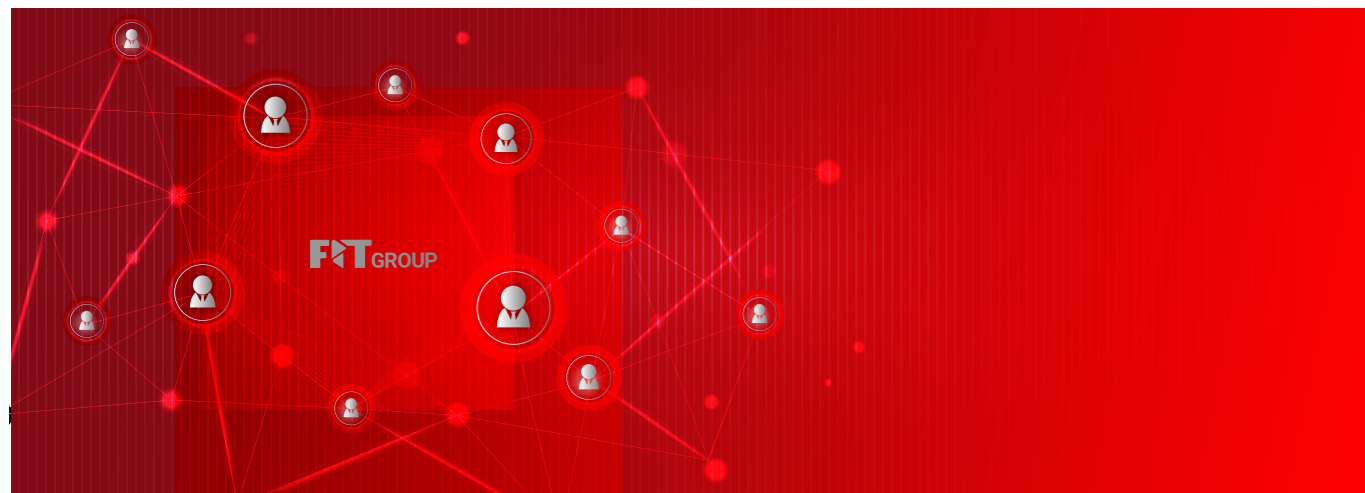
Trình độ văn hóa:
Đại học

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay tại Công ty
Kế toán trưởng Công ty

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ và được ủy quyền đại diện:
4.600 cổ phần, chiếm 0,0014% vốn điều lệ

Trong đó:
+ Sở hữu cá nhân: 4.600 cổ phần, chiếm 0,0014% vốn điều lệ
+ Được ủy quyền đại diện: Không có



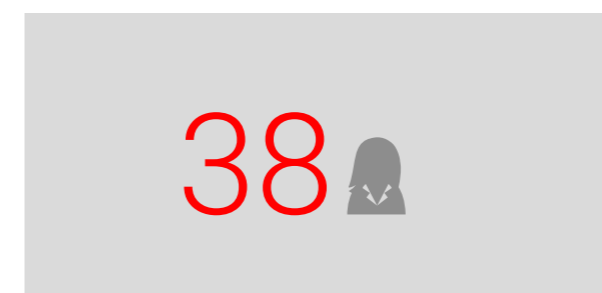
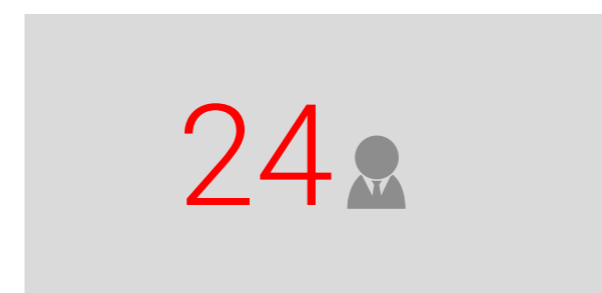
• NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

STT	NỘI DUNG THAY ĐỔI	NGÀY THAY ĐỔI
1	Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	05/01/2022
2	Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Ngọc Bích	05/01/2022
3	Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Ngọc Bích	04/04/2022
4	Miễn nhiệm chức vụ Quyền Giám đốc tài chính đối với ông Đỗ Thế Cao	04/04/2022
5	Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với bà Nguyễn Thị Hoài	04/04/2022
6	Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Nguyễn Thị Nga	19/04/2022
7	Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Ninh Thị Phương	19/04/2022
8	Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Ninh Thị Phương	05/09/2022
9	Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với ông Lê Việt Cường	05/09/2022
10	Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với ông Nguyễn Ngọc Thăng	01/10/2022
11	Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với ông Nguyễn Văn Bản	14/03/2023
12	Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với bà Nguyễn Thị Hoài	04/04/2023
13	Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Ngọc Bích	04/04/2023

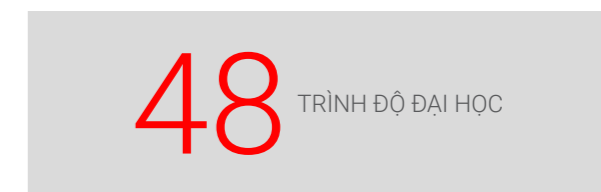
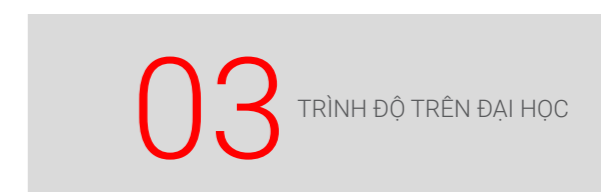
• SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN. TÓM TẮT CHÍNH SÁCH VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng cán bộ, nhân viên

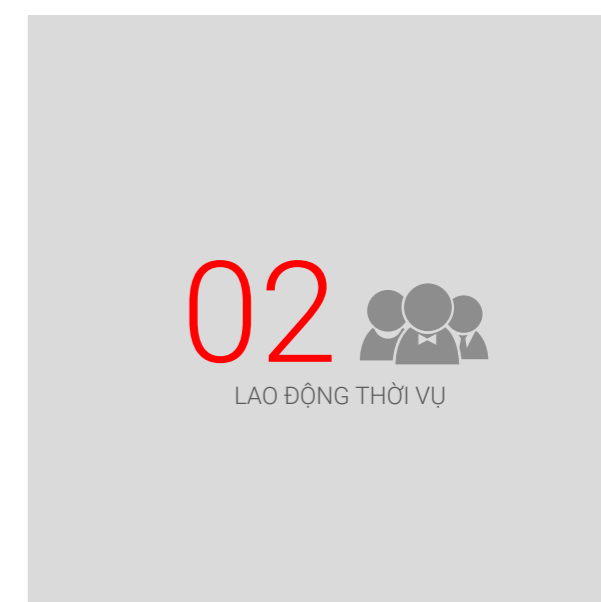
- Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty thành viên tại thời điểm 31/12/2022 là: **1.976** người.
- Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2022 là **62** người, cụ thể như sau:



Phân theo giới tính



Phân theo trình độ học vấn



Phân theo lao động thường xuyên/thời vụ

Chính sách đối với người lao động



Chế độ làm việc

Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần. Ngoài ra, khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, F.I.T có thể yêu cầu nhân viên làm thêm giờ, đồng thời thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng và đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước;

Tất cả nhân viên đều được nghỉ phép năm theo chế độ của Nhà nước hiện hành và được xét lên lương khi đến kỳ hạn hoặc có thành tích xuất sắc;

Điều kiện làm việc: Công ty cung cấp đầy đủ trang thiết bị làm việc cho nhân viên. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và luôn tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Hàng năm, các phòng/bộ phận Công ty lập kế hoạch tuyển dụng, xác định chức danh, số lượng nhân sự cần tuyển và thời điểm tuyển dụng, để làm cơ sở thực hiện.

Trong trường hợp phát sinh nhu cầu nhân sự đột xuất do: công việc phát sinh, nhân sự thôi việc, điều chuyển, cử đi học hoặc thăng tiến ... thì phòng/ bộ phận Công ty lập kế hoạch tuyển dụng đột xuất.

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và nhu cầu thực tế gắn với kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Công ty để



Chính sách lương thưởng và phúc lợi

Tất cả nhân viên của Công ty đều được ký hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định. Chính sách đãi ngộ hợp lý thể hiện qua quy chế tiền lương, tiền thưởng được xây dựng theo hướng mở, linh hoạt, phản ánh đúng kết quả người lao động.

Tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, Công ty còn có thưởng thêm cho nhân viên vào các dịp lễ, tết. Ngoài ra, hàng năm Công ty còn trích một phần lợi nhuận để giúp đỡ những cán



đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong từng thời kỳ. Căn cứ định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty đề ra, Phòng Hành chính – Nhân sự lập kế hoạch đào tạo gắn với kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Công ty, trình Tổng giám đốc xem xét, phê duyệt. Kế hoạch đào tạo của Phòng Hành chính – Nhân sự lập ra phải theo nhu cầu đào tạo cán bộ, nhân viên của các Phòng, Ban, Bộ phận công tác; đồng thời phải mang tính chất tiên liệu, dự báo nhu cầu đào tạo nhân sự như một nguồn lực để hỗ trợ cho Công ty hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh hàng năm đề ra.



bộ công nhân viên gặp hoàn cảnh khó khăn và có các chế độ ưu đãi về nhà ở cho tất cả nhân viên Công ty.

Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động: Công ty không có quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động chung. Tuy nhiên, với mỗi lần phát hành cổ phiếu cho người lao động, HĐQT Công ty sẽ phê duyệt và ban hành quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động tùy từng thời điểm.



1.3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

• CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trong năm 2022, Công ty tiếp tục triển khai các dự án thông qua các Công ty thành viên, theo đó hiện tại chưa có dự án nào không đạt tiến độ. Cụ thể như sau:



01 Dự án Nhà máy sản xuất thiết bị y tế Benovas thuộc Công ty cổ phần Thiết bị y tế Benovas (Công ty con của Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long)

Dự án Nhà máy sản xuất thiết bị y tế Benovas thuộc Công ty cổ phần Thiết bị y tế Benovas khởi công trong quý 01/2021 và đang tiếp tục được xây dựng. Nhà máy với công suất thiết kế 300 triệu sản phẩm/năm tạo ra thêm dòng sản phẩm trang thiết bị y tế mới đáp ứng nhu cầu phục vụ chữa bệnh trong nước và xuất khẩu và góp phần cung cấp thiết bị y tế cho thị trường trong nước. Đặc biệt trong bối cảnh năm 2022 là năm thị trường phải trải qua sự thiếu hụt trầm trọng về thuốc và thiết bị y tế.

Ngoài ra Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long còn đầu tư thêm: Đầu tư các sản phẩm tương đương sinh học; đầu tư

mới tại các nhà máy sản xuất, phòng kiểm tra chất lượng các máy móc, thiết bị hiện đại, cao tốc nâng công suất, tăng chất lượng sản phẩm. Mua sắm bổ sung máy móc thiết bị cho Phòng sản xuất thuốc sủi Nhà máy sản xuất dược phẩm, làm tăng công suất hiện tại từ 17 triệu viên/năm lên thành 67 triệu viên/năm. Mục tiêu đáp ứng nhu cầu kinh doanh của các sản phẩm thuốc sủi, giúp đẩy mạnh quá trình thay đổi cơ cấu sản phẩm, góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận cho công ty.



02 Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất dược phẩm theo tiêu chuẩn EU-GMP thuộc Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long.

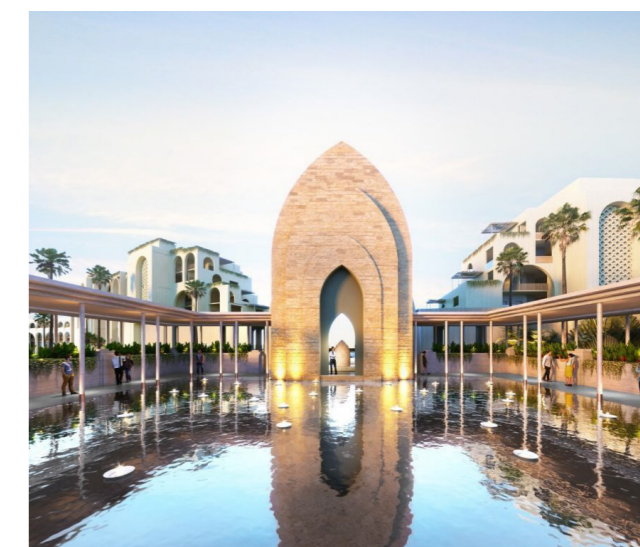
Dự án gồm gồm 2 nhà máy: Nhà máy sản xuất thuốc ung thư và Nhà máy sản xuất dược phẩm Non-Betalactam do Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long làm chủ đầu tư. Dự án hứa hẹn sẽ là Nhà máy sản xuất thuốc theo tiêu chuẩn EU-GMP để phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu/ gia công cho các đối tác nước ngoài; Nâng cao năng lực và vị thế của

Công ty trong lĩnh vực dược phẩm. Với tổng diện tích xây dựng dự kiến là 20.000 m² và tổng quy mô đầu tư dự kiến là 45.000.000 USD. Đến nay đã lựa chọn được đối tác thực hiện Dự án theo hình thức "Chìa khóa trao tay" và đang trong quá trình đàm phán và ký kết hợp đồng. Dự kiến sẽ khởi công trong Quý 2/2023.



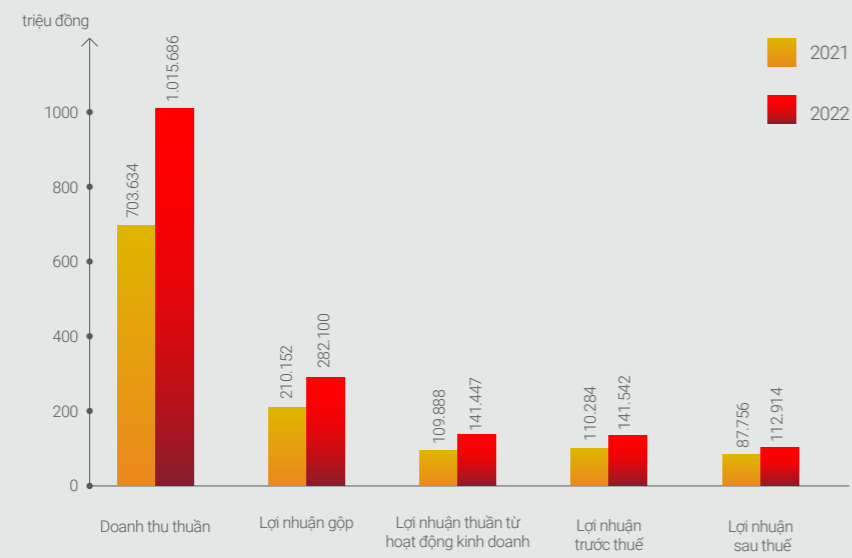
03 Dự án Cap Paradan Mũi Dinh thuộc Công ty Cổ phần Cap Padaran Mũi Dinh.

Dự án có tổng mức đầu tư hơn 1 tỷ USD với nhiều phân khu được bố trí theo các chủ đề và chức năng khác nhau. Nổi bật với khu phức hợp Khách sạn nghỉ dưỡng 5 sao có diện tích 63 ha và diện tích xây dựng lên đến gần 90.000 m², bao gồm 172 biệt thự, 402 phòng khách sạn, cùng khu giải trí và thư giãn rộng lớn như: Làng thương mại, trung tâm chăm sóc sức khỏe spa, trung tâm hội nghị, nhà hàng. Tòa khách sạn 12 tầng nổi, 1 tầng hầm và 300 chỗ đậu xe. Các công trình trong dự án được thiết kế mô phỏng kiến trúc Champa được



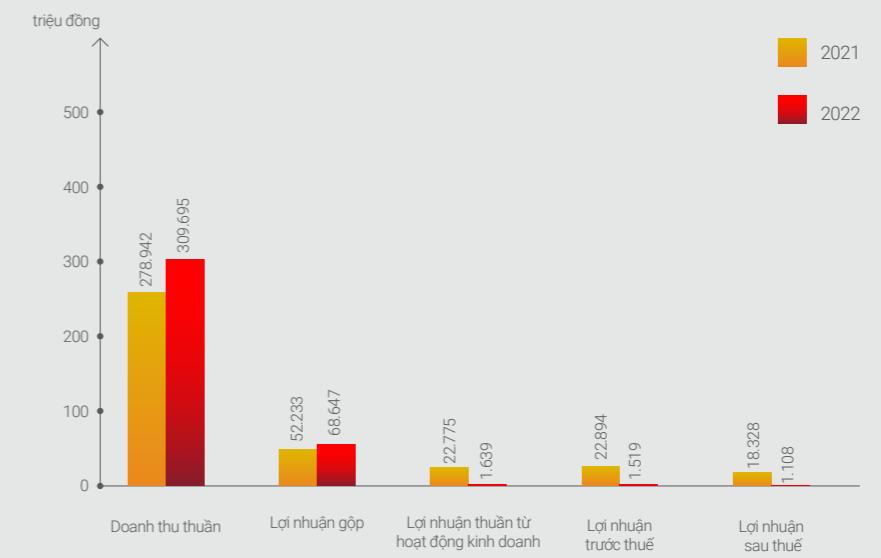
kết hợp khéo léo với cảnh quan thiên nhiên, để tạo nên một tuyệt phẩm kiến trúc mà không giống bất cứ nơi đâu. Trong năm 2022, Công ty Cổ phần Cap Padaran Mũi Dinh đã thành công ký kết hợp đồng với Tập đoàn Banyan Tree. Với kinh nghiệm quản lý và vận hành gần 100 khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp ở 30 quốc gia trên thế giới, Tập đoàn Banyan Tree hứa hẹn sẽ là đơn vị định hướng chiến lược, tư vấn kỹ thuật và quản lý vận hành dự án theo mô hình quản lý tiên tiến, quy trình kiểm soát chất lượng quốc tế.

• CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT



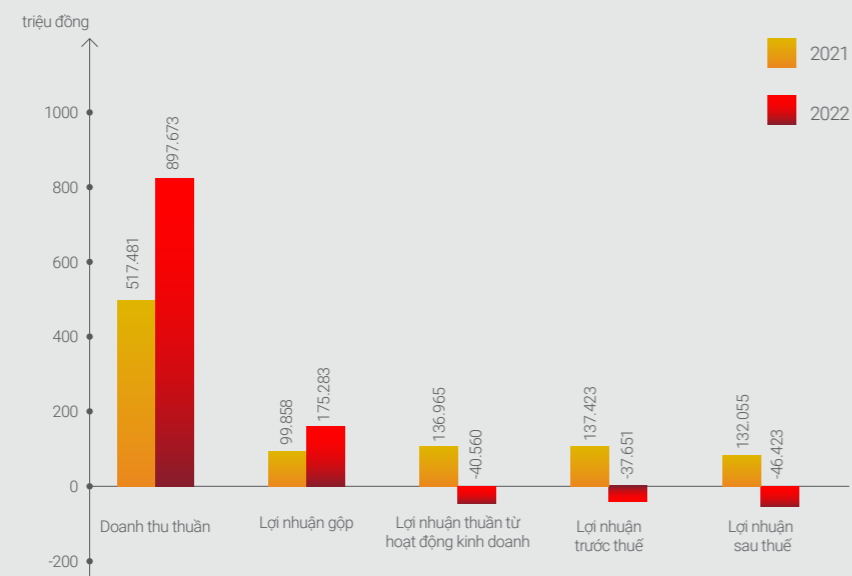
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG
(công ty con cấp 1)

Tình hình tài chính của doanh nghiệp giai đoạn năm 2021 – 2022



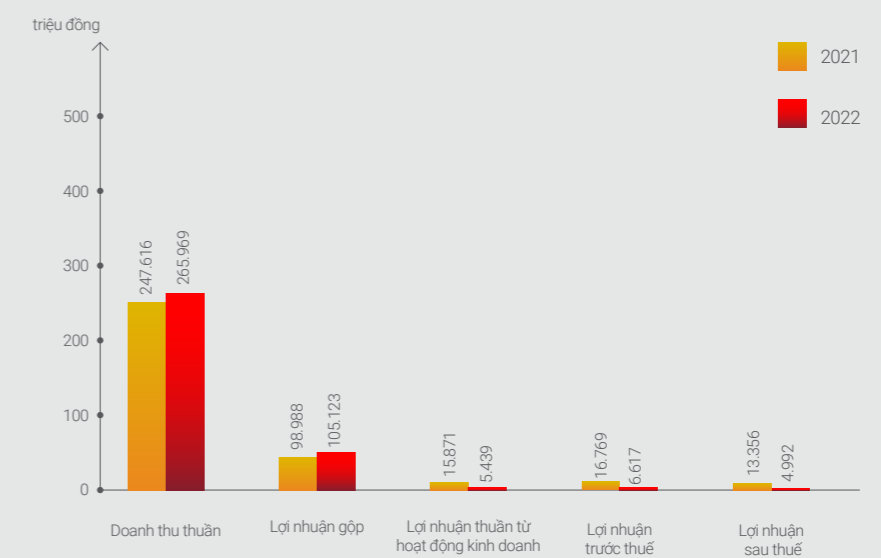
CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU MIỀN TÂY
(công ty con cấp 2)

Tình hình tài chính của doanh nghiệp giai đoạn năm 2021 – 2022



CÔNG TY CP VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
(công ty con cấp 1)

Tình hình tài chính của doanh nghiệp giai đoạn năm 2021 – 2022

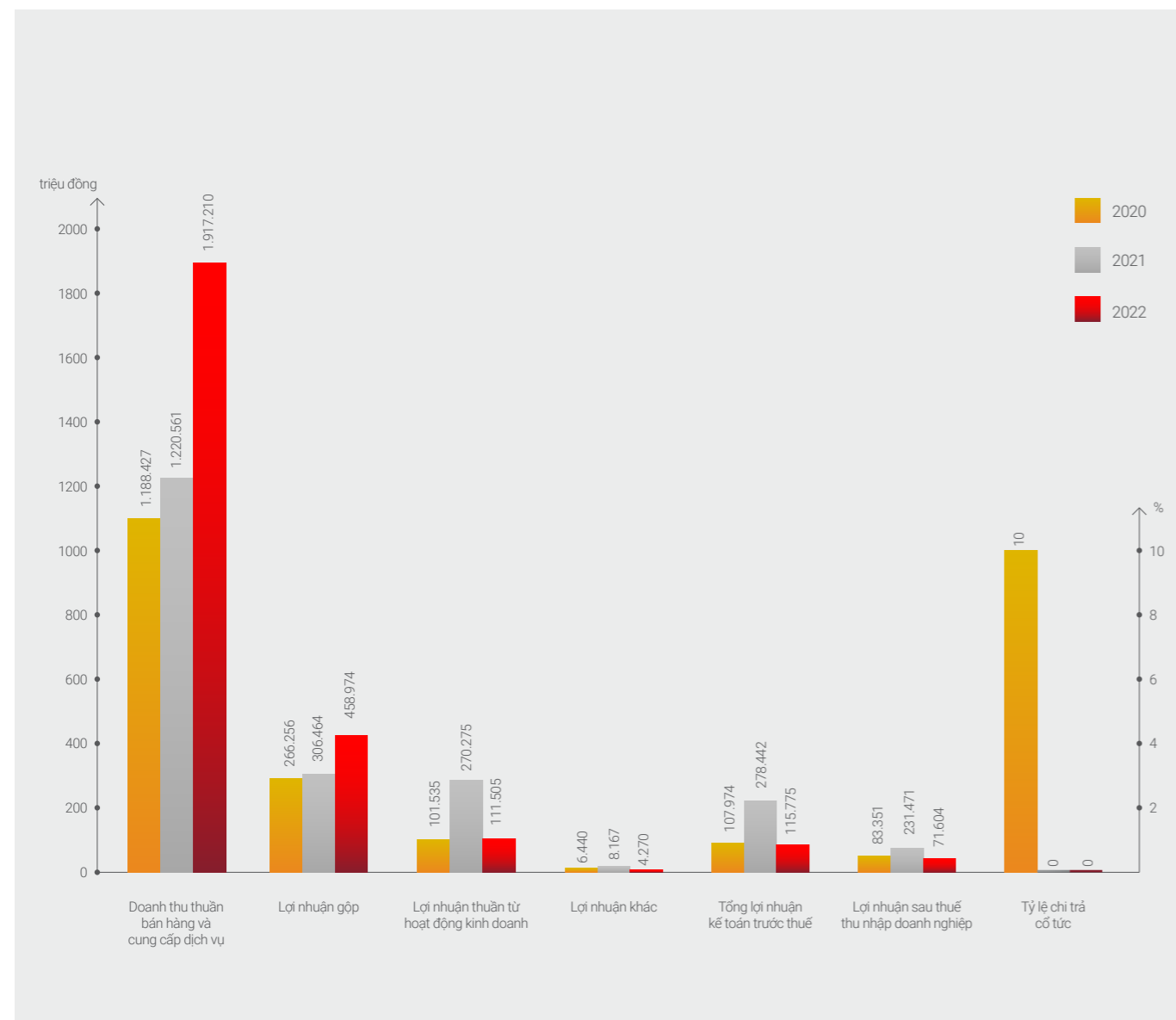
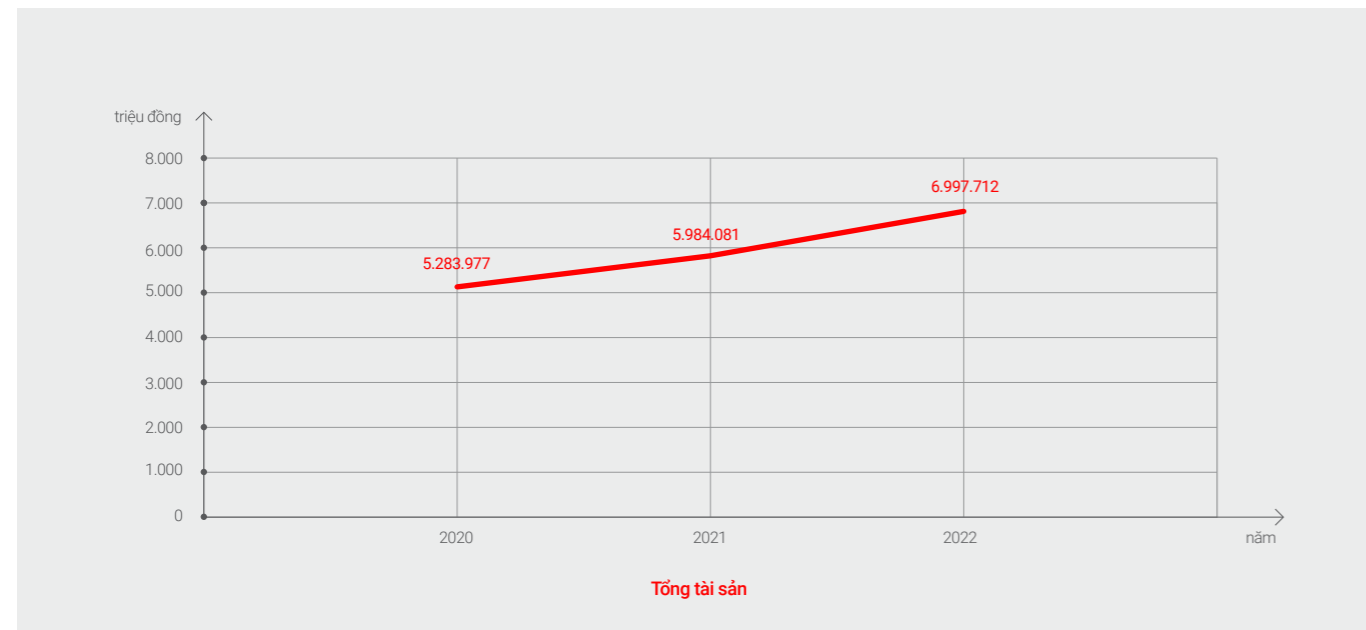


CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HOÀ
(công ty con cấp 2)

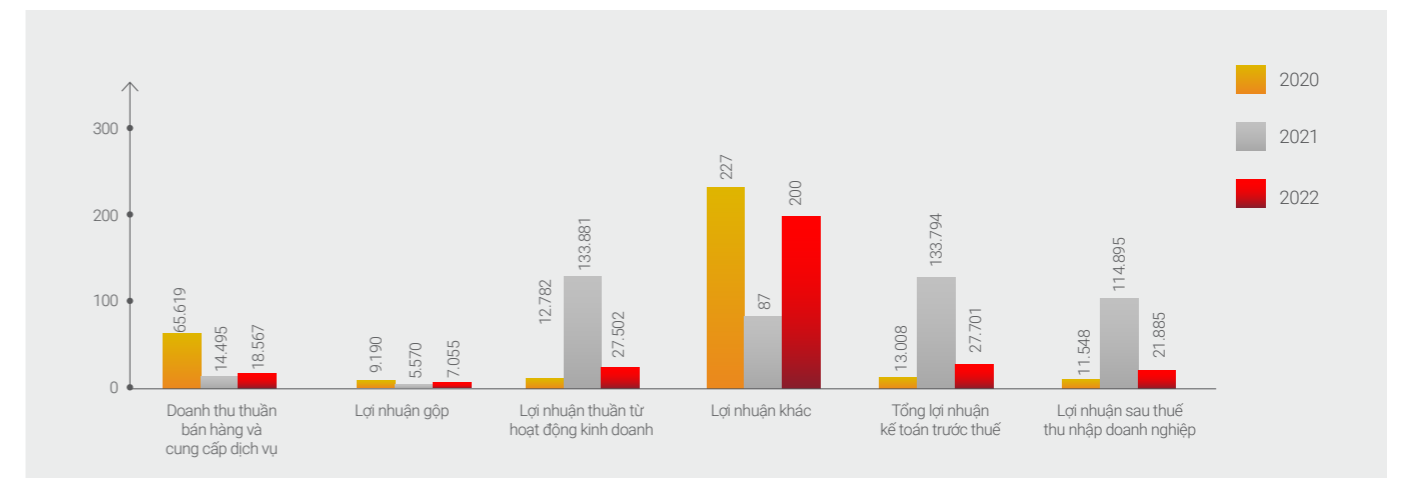
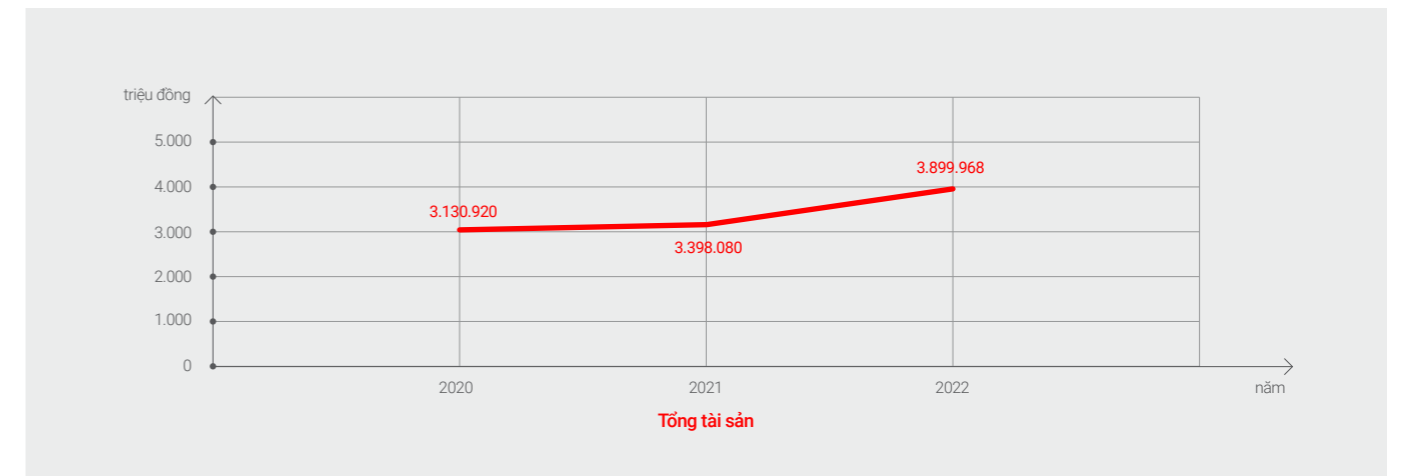
Tình hình tài chính của doanh nghiệp giai đoạn năm 2021 – 2022

1.4 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

- MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRONG GIAI ĐOẠN NĂM 2020 - 2022 CỦA CÔNG TY HỢP NHẤT



- MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRONG GIAI ĐOẠN NĂM 2020 - 2022 CỦA CÔNG TY MẸ

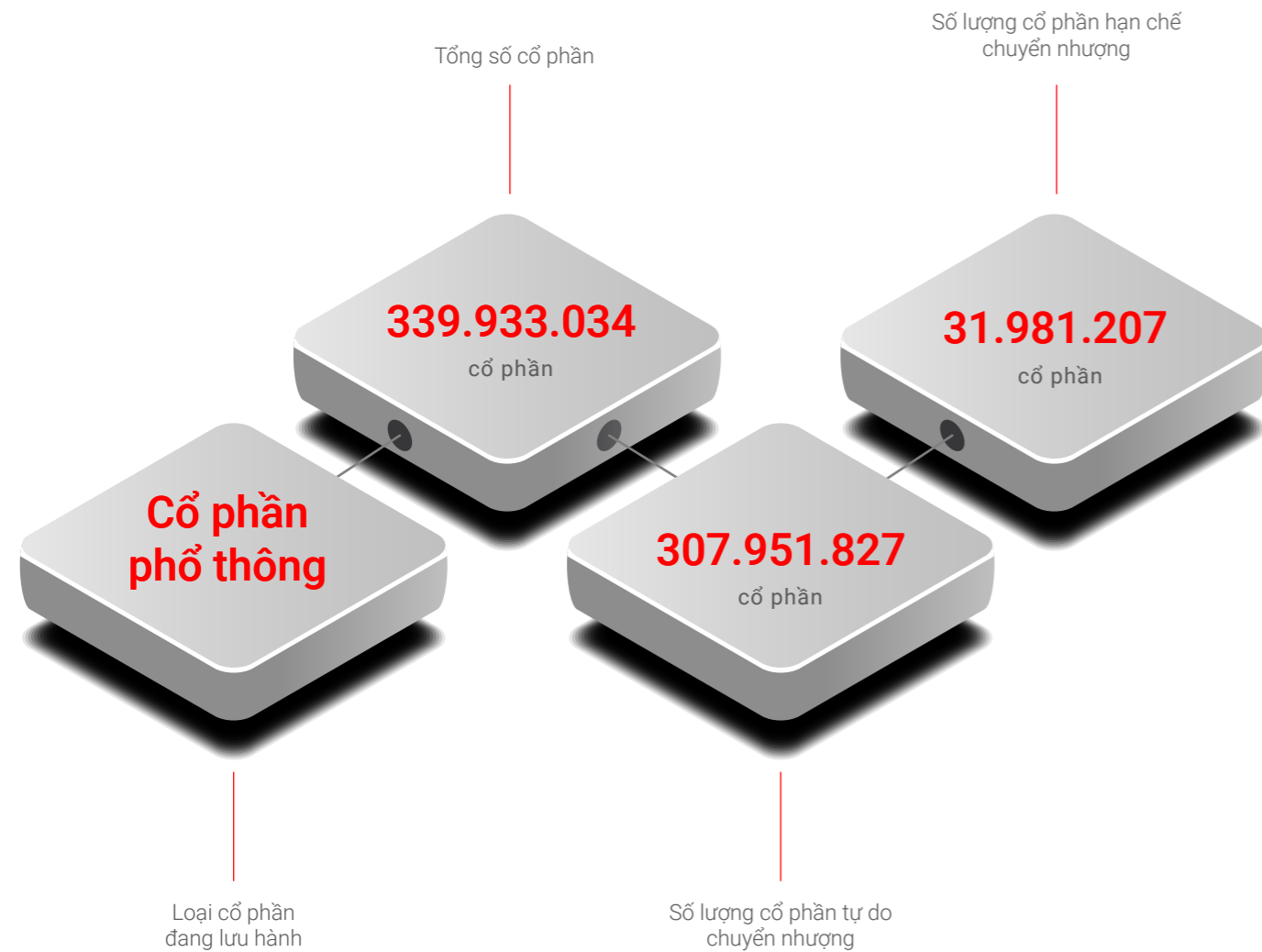


- CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	3,0	4,9	62,1%
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	2,7	4,5	65,3%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,22	0,16	-27,8%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,3	0,2	-33,2%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	2,8	3,9	35,8%
Vòng quay tổng tài sản			
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	0,2	0,3	36,3%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,2	0,4	-80,3%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,5	0,4	-75,5%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,4	0,4	-73,5%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,1	0,3	-73,7%

1.5 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

• CỔ PHẦN



• CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 13/05/2022

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập:	100.000	0,04%	1	0	1
	Trong nước	100.000	0,04%	1	0	1
	Nước ngoài	0	0	0	0	0
3	Cổ đông lớn:	79.912.423	30,42%	1	1	0
	Trong nước	79.912.423	30,42%	1	1	0
	Nước ngoài	0	0	0	0	0
4	Công đoàn Công ty:	0	0	0	0	0
	Trong nước	0	0	0	0	0
	Nước ngoài	0	0	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	0	0	0	0	0
7	Cổ đông khác:	182.717.824	69,55%	26.732	60	26.672
	Trong nước	182.589.465	69,50%	26.690	47	26.643
	Nước ngoài	128.359	0,05%	42	13	29
TỔNG CỘNG:		262.730.247	100%	26.734	61	26.673
Trong đó: Trong nước		262.601.888	99,95%	26.692	48	26.644
Nước ngoài		128.359	0,05%	42	13	29

• **TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T được thành lập với hình thức Công ty cổ phần từ năm 2007 với vốn điều lệ ban đầu là 35 tỷ đồng. Từ đó đến nay, Công ty đã có 14 lần tăng vốn và không có lần giảm vốn điều lệ nào. Cụ thể như sau:

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (triệu đồng)	Hình thức phát hành	Cơ quan chấp thuận
1	22/03/2011	75.000	110.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu: - Số lượng cổ đông: 33 - Tỷ lệ phân bổ quyền: 1:1 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần - Số lượng phát hành: 3.500.000 cổ phần Phát hành cho NĐT là đối tác chiến lược: - Số lượng đối tác chiến lược: 3 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần - Số lượng phát hành: 4.000.000 cổ phần	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 28/08/2010 - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 06 ngày 31/08/2011
2	10/02/2012	40.000	150.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu: - Số lượng cổ đông: 39 - Tỷ lệ phân bổ quyền: 11:4 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần - Số lượng phát hành: 4.000.000 cổ phần	- Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 01/11/2011 - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 08 ngày 27/08/2012
3	20/12/2013	7.500	157.500	Trả cổ tức năm 2012 bằng cổ phiếu: - Số lượng cổ đông: 238 - Tỷ lệ phân bổ quyền: 20:1 - Số lượng phát hành: 750.000 cổ phần	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 ngày 19/01/2013 - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 12 ngày 23/01/2014
4	05/05/2014	157.500	346.499,96	Trả cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu: - Số lượng cổ đông: 849 - Tỷ lệ phân bổ quyền: 5:1 - Số lượng phát hành: 3.149.999 cổ phần Phát hành cho cổ đông hiện hữu: - Số lượng cổ đông: 763 - Tỷ lệ phân bổ quyền: 100:65 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần - Số lượng phát hành: 10.237.497 cổ phần Phát hành cho NĐT là đối tác chiến lược: - Số lượng đối tác chiến lược: 1 - Giá phát hành: 12.000 đồng/cổ phần - Số lượng phát hành: 4.725.000 cổ phần Phát hành cho cán bộ công nhân viên: - Số lượng CBCNV: 33 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần - Số lượng phát hành: 787.500 cổ phần	- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2014 ngày 18/01/2014 - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 14 ngày 18/06/2014
5	01/08/2014	121.274,98	467.774,94	Phát hành cho cổ đông hiện hữu: - Số lượng cổ đông: 1.382 - Tỷ lệ phân bổ quyền: 100:35 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần - Số lượng phát hành: 12.127.498 cổ phần	- Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 18/01/2014 - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 16 ngày 02/10/2014
6	06/11/2014	32.225	499.999,94	Phát hành cho NĐT là đối tác chiến lược: - Số lượng đối tác chiến lược: 2 - Giá phát hành: 12.000 đồng/cổ phần - Số lượng phát hành: 3.225.500 cổ phần	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 ngày 26/04/2014; - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 17 ngày 25/12/2014
7	07/2/2015	392.124,94	892.124,88	Tạm ứng cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu: Số lượng cổ đông: 2.370 Tỷ lệ phân bổ quyền: 100:15 Số lượng phát hành: 7.499.999 cổ phần Phát hành cho cổ đông hiện hữu: Số lượng cổ đông: 2130 Tỷ lệ phân bổ quyền: 100:60 Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần Số lượng phát hành: 29.999.996 cổ phần	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 ngày 26/04/2014; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 19 ngày 05/03/2015

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (triệu đồng)	Hình thức phát hành	Cơ quan chấp thuận
8	20/05/2015	892.124,88	1.784.249,76	Phát hành cho cổ đông hiện hữu: - Tỷ lệ phân bổ quyền: 1:1 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần - Số lượng phát hành: 89.212.488 cổ phần - Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần Chứng khoán Đại Nam	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 ngày 28/02/2015; - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 21 ngày 20/06/2015
9	22/06/2015	7.875,01	1.792.124,77	Phát hành cho cán bộ công nhân viên (đợt 2 năm 2015): - Số lượng CBCNV: 16 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần - Số lượng phát hành: 787.501 cổ phần	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 ngày 26/04/2014; - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 22 ngày 20/07/2015
10	05/07/2016	143.364,85	1.935.489,62	Trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu: - Số lượng cổ đông: 4579 - Tỷ lệ phân bổ quyền: (100:8) - Số lượng phát hành: 14.336.485 cổ phần	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 ngày 22/04/2016 - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 24 ngày 01/08/2016
11	27/10/2016	300.000	2.235.489,62	Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu: - Ngày đáo hạn trái phiếu: 26/10/2016 - Ngày chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu: 27/10/2016 - Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu - Giá bán trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu - Số lượng trái phiếu phát hành: 3.000.000 trái phiếu - Tỷ lệ chuyển đổi: 1:10 (Một trái phiếu được chuyển đổi thành mười cổ phần) - Mệnh giá cổ phần đã được chuyển đổi: 10.000 đồng/cổ phần - Số lượng cổ phần đã được chuyển đổi: 30.000.000 cổ phần	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 26/04/2014 - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 26 ngày 20/12/2016
12	09/01/2017	311.812,85	2.547.302,47	Phát hành cho NĐT là đối tác chiến lược: - Số lượng đối tác chiến lược: 03 - Giá phát hành: 11.500 đồng/cổ phần - Số lượng phát hành: 31.181.285 cổ phần	- Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 22/9/2016; - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 27 ngày 13/02/2017
13	05/10/2021	80.000	2.627.302,47	Phát hành cho cán bộ công nhân viên: - Số lượng CBCNV: 70 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần - Số lượng phát hành: 8.000.000 cổ phần	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ngày 22/04/2021; - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 29 ngày 08/11/2021
14	26/04/2022	772.027,87	3.399.330,34	Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu: - Số lượng cổ đông: 27.018 - Tỷ lệ phân bổ quyền: 10:1 - Số lượng phát hành: 26.272.393 cổ phần Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: - Số lượng cổ đông: 734 - Tỷ lệ thực hiện: 100:19,39101 (cổ đông sở hữu 01 cổ phần tương ứng với 01 quyền, 100 quyền mua được mua 19,39101 cổ phiếu mới) - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần - Số lượng phát hành: 50.930.394 cổ phần	- Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2021 - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 33 ngày 29/06/2022

• **GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: KHÔNG CÓ**

• **CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: KHÔNG CÓ**

1.6 CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

• SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG, MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động: Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2022 là 62 người.

Mức lương bình quân của Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	22.972.420	21.578.902	21.018.123

• CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Văn phòng Tập đoàn F.I.T tự hào sở hữu nhiều hạng cơ sở hạ tầng hiện đại như: hệ thống các phòng họp trực tuyến với hệ thống âm thanh cao cấp, bếp ăn có sức chứa gần 100 người, phòng tập gym, máy móc thiết bị hiện đại khác, tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho cán bộ công nhân viên. Bên cạnh đó, Tập đoàn F.I.T luôn quan tâm đến sức khỏe của CBNV và đã thực hiện mua gói Bảo hiểm sức khỏe bổ sung và bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn bộ cán bộ công nhân viên. Điều đó tạo nên một trong những lợi thế cạnh tranh của F.I.T trên thị trường.

Năm 2022, Tập đoàn F.I.T duy trì và củng cố hiệu quả các hoạt động nhằm nâng cao năng lực cho CBNV thông qua các khóa đào tạo: kỹ năng thuyết trình, Mindfulness based transformation... Với mong muốn xây dựng Tập đoàn F.I.T trở

thành một môi trường học tập, F.I.T chú trọng triển khai các hoạt động FIT Club định kỳ trong năm và luôn thu hút sự tham gia đông đủ của CBNV. Không những quan tâm đến việc nâng cao năng lực chuyên môn, Tập đoàn F.I.T luôn chú trọng đến những hoạt động mang lại sự cân bằng sức khỏe cho CBNV như mở các lớp học yoga, tập nhảy, tập gym tại văn phòng.

Các hoạt động văn hóa gắn kết tại Tập đoàn F.I.T luôn diễn ra sôi nổi và sáng tạo. Với nhiều sự kiện lớn, nhỏ diễn ra trong năm như: tiệc chào mừng năm mới, sinh nhật công ty, team-building, ngày phụ nữ Việt Nam, tiệc cuối năm... Mỗi sự kiện đều luôn để lại những ấn tượng sâu sắc về tinh thần đoàn kết, sự sáng tạo và nhiệt tình của toàn thể CBNV.



• HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: 08 giờ/năm.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Đã lên kế hoạch để triển khai các chương trình.

Theo đó, trong năm 2022, phòng nhân sự đã kết hợp cùng các phòng ban xây dựng lộ trình thăng tiến IDP cho từng CBNV, đồng thời lên kế hoạch xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa, từ đó mỗi CBNV sẽ nhận được những năng lực cần bổ sung, bồi dưỡng để có thể phát triển theo đúng định hướng, mục tiêu nghề nghiệp của bản thân tại F.I.T.



2 ▶ BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

2.1 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

• TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2022, Tập đoàn F.I.T cũng bị ảnh hưởng bởi những khó khăn chung của kinh tế, đặc biệt là đối với các lĩnh vực hoạt động chủ chốt của Công ty như bất động sản, dược phẩm, vật tư y tế... Đặc biệt là chi phí logistics, nhiên liệu, biến động nhân sự sau đại dịch... tăng cao dẫn đến chi phí vận hành, sản xuất, bán hàng tăng. Mặc dù doanh số bán hàng hóa dịch vụ tăng đáng kể so với cùng kỳ nhưng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm. Bên cạnh đó, thị trường chứng khoán biến động mạnh cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động đầu tư tài chính của Công ty.

Với tinh thần hành động quyết liệt, khẩn trương, Ban lãnh đạo Công ty đã kịp thời, chủ động đưa ra các giải pháp với những diễn biến bất thường của nền kinh tế. Nhờ các giải pháp toàn

diện, đúng đắn nêu trên, cùng với tinh thần quyết liệt, ý chí quyết tâm, đồng lòng của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên, dù khó khăn nối tiếp khó khăn nhưng kết thúc năm 2022, Công ty đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Theo đó doanh thu năm 2022 đạt 1.917 tỷ đồng, tăng 57,1% so với năm 2021, song lợi nhuận sau thuế đạt 70,72 Tỷ đồng.

Năm 2023, Tập đoàn F.I.T chủ yếu tập trung đầu tư sâu rộng vào lĩnh vực dược phẩm, thực phẩm đồ uống, bất động sản và cơ cấu lại mô hình quản lý. Hướng tới tạo ra các sản phẩm, dịch vụ vượt trội, đẳng cấp, dẫn đầu, mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn.

• NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Năm 2022, F.I.T tiếp tục lộ trình tái cấu trúc, kiện toàn bộ máy hoạt động để đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty thành viên; tạo động lực tăng trưởng cho toàn Tập Đoàn bước sang giai đoạn phát triển đột phá trong năm 2023.

Về lĩnh vực dược phẩm,

Lần đầu tiên Dược Cửu Long đạt thành tích xuất sắc khi vượt ngưỡng doanh thu 1.036 tỷ đồng, đây là mức doanh thu cao nhất của Công ty trong suốt 46 năm hoạt động. Ba mảng kinh doanh cốt lõi của Dược Cửu Long là dược phẩm, viên nang rỗng (capsule) và vật tư thiết bị y tế tiếp tục gặt hái những thành quả tích cực. Đối với mảng sản xuất và cung ứng viên nang rỗng các loại, Dược Cửu Long tiếp tục giữ vững vị thế về thị phần tại Việt nam và hiện đang đầu tư mở rộng nhà máy viên nang rỗng (capsule giai đoạn 5) với tổng vốn đầu tư 232,5 tỷ đồng, công suất 2,8 tỷ nang/năm, dự kiến đến hết quý II/2023 sẽ đi vào hoạt động. Đối với mảng dược phẩm và thiết bị y tế, Dược Cửu Long có kế hoạch đầu tư để xây dựng thêm 01 nhà máy vật tư thiết bị y tế với vốn đầu tư xấp xỉ 15 triệu USD; và 01 nhà máy Dược phẩm theo tiêu chuẩn EU-GMP với quy mô 50.000 m2, tổng vốn đầu tư 1,035 tỷ đồng, công suất sản xuất đạt 1,6 tỷ sản phẩm/năm, giúp Dược Cửu Long tạo nên sự đột phá ở quy mô hoạt động và đẩy mạnh doanh thu từ cuối năm 2023 trở đi.

Về lĩnh vực kinh doanh nước uống,

Vikoda đã có bước ngoặt lớn khi nhãn hiệu Nước khoáng kiềm thiên nhiên Vikoda đã được nhận diện rộng rãi và khắc ghi trong tâm trí người tiêu dùng quốc tế và trong nước, truyền cảm hứng mạnh mẽ về tận hưởng cuộc sống với những sản phẩm chăm sóc sức khỏe vượt trội. Các kênh bán hàng hiện đại đạt 80% bao phủ, doanh thu ghi nhận tăng 300% so với cùng kỳ, đặc biệt kênh resort 5 sao có doanh số tăng gấp đôi so với trước đây. Ngoài tâm điểm thị trường khu vực miền Trung, thị trường phía Bắc đang ngày một mở rộng

với mức tăng trưởng 45% so với 2021. Trong năm 2023, Công ty sẽ tập trung cải thiện và đa dạng hóa các dòng sản phẩm, mở rộng kênh phân phối và các tệp khách hàng, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường nước uống đóng chai.

Về lĩnh vực FMCG,

FIT Cosmetics đã nỗ lực qua từng ngày và đã đạt được những thành tích đáng khích lệ: Tăng trưởng toàn công ty năm 2022 đạt 33% so với cùng kỳ, các nhãn hàng trọng tâm như DrKool, TERO đều tăng trưởng trên 44% so với năm 2021. Công ty đã nghiên cứu và phát triển nhiều sản phẩm chất lượng hướng tới người tiêu dùng như Sữa tắm gia đình Dr.Clean, Bàn chải đánh răng Dr.Kool Well Matched, Dark Pro, cá hề... Trong năm 2023, FIT Cosmetics hướng tới phát triển các dòng sản phẩm Tero sinh học cũng như các sản phẩm khác có nguồn gốc từ tự nhiên, mang lại cho người tiêu dùng các dòng sản phẩm cao cấp, thân thiện môi trường.

Về lĩnh vực bất động sản,

F.I.T gây chú ý khi ký kết hợp tác với Banyan Tree, một tập đoàn có quy mô toàn cầu về phát triển và quản lý các khách sạn, khu nghỉ dưỡng quốc tế, để phát triển dự án Cap Padaran Mũi Dinh tại Ninh Thuận, tạo tiền đề để Cap Padaran Mũi Dinh trở thành nhà phát triển tổ hợp bất động sản, du lịch nghỉ dưỡng kết hợp vui chơi, giải trí, thể thao – sân golf hàng đầu của Việt Nam vào năm 2040, thực hiện đúng sứ mệnh kiến tạo nên các khu du lịch độc đáo, đẳng cấp quốc tế, thu hút khách du lịch và nhà đầu tư trên toàn cầu.

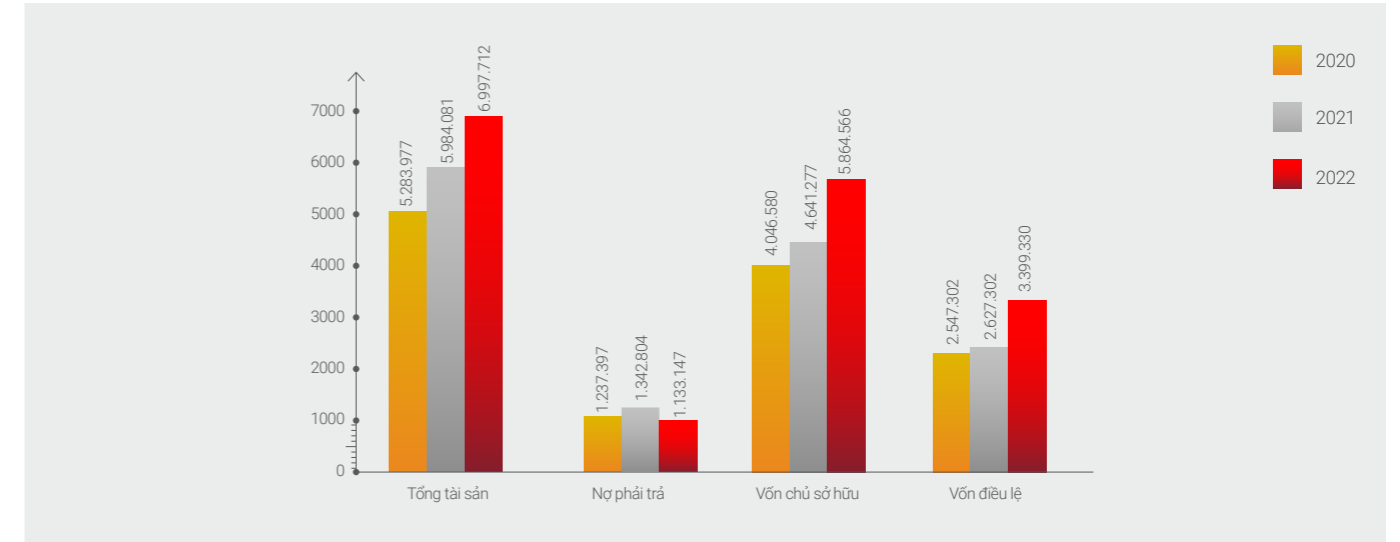
2.2 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

• TÌNH HÌNH TÀI SẢN

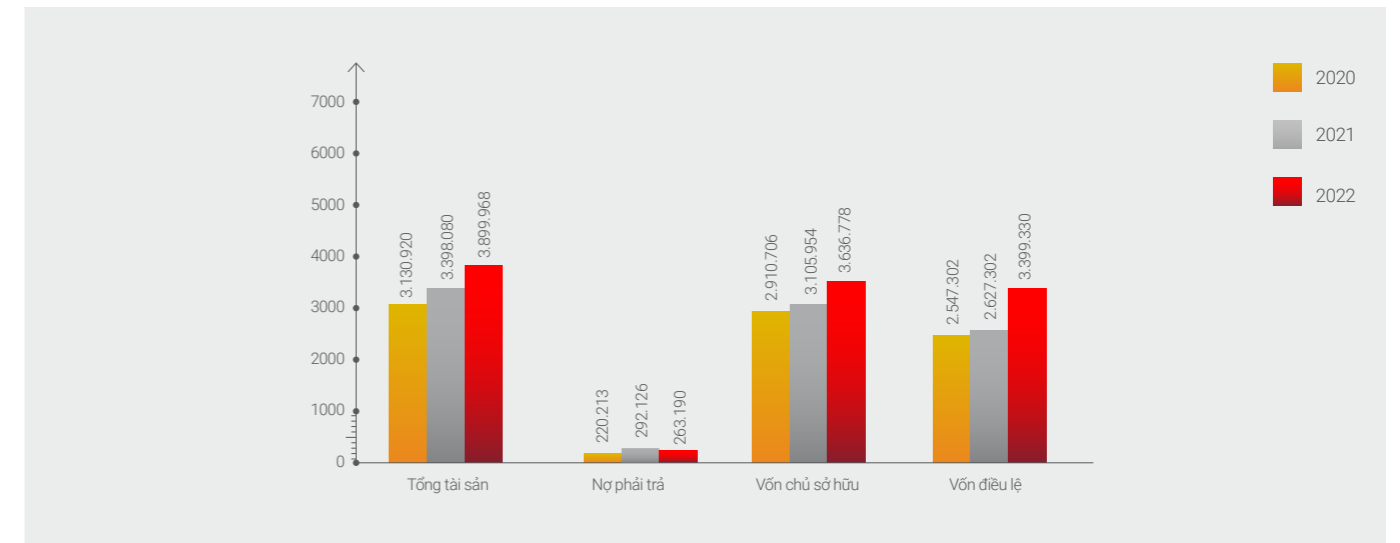
Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

trong đó nợ phải trả là gần 1.133 tỷ đồng. Việc tăng vốn điều lệ và vốn kinh doanh trong những năm gần đây đã góp phần đem lại hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể là đầu tư trang thiết bị tăng năng lực sản xuất kinh doanh.

Tính tới thời điểm 31/12/2022, tổng tài sản của Công ty là 6.998 tỷ đồng, tăng 16,95% so với thời điểm cuối năm 2021,



• TÌNH HÌNH TRẢ NỢ



2.3 NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm qua, Công ty chưa tham gia vào thị trường vốn xanh.

2.4 KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Trong thời gian tới, Tập đoàn F.I.T sẽ tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động thông qua tăng trưởng tự thân cũng như đầu tư các công ty tiềm năng khác. Đồng thời duy trì và phát triển

mối quan hệ đối tác với những doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy năng lực quản trị, công nghệ, kỹ thuật và thương mại.

3 ▶ ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

3.1 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Năm 2022, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) đã tập trung chỉ đạo kiện toàn lại tổ chức bộ máy quản lý Công ty phù hợp với mô hình hoạt động mới và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoàn thiện hệ thống quản trị công ty, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ, nhân sự các phòng ban của Công ty mẹ và các công ty con để hoạt động hiệu quả hơn. Ngoài việc kiện toàn lại bộ máy tổ chức tại các phòng ban, HĐQT cũng đã ổn định lại cơ cấu nhân sự chủ chốt trong Ban Điều hành để điều hành hoạt động của Công ty.

Trong quan hệ với Ban điều hành, Chủ tịch HĐQT thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng để nắm

bắt tình hình sản xuất kinh doanh và có ý kiến chỉ đạo, định hướng cũng như giải quyết những đề xuất, kiến nghị của Công ty. Bên cạnh đó, HĐQT yêu cầu Ban điều hành báo cáo định kỳ tình hình hoạt động của Công ty và báo cáo đột xuất khi xảy ra vấn đề phát sinh làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty để kịp thời giải quyết.

Tuân thủ đầy đủ và kịp thời việc công bố thông tin định kỳ, công bố thông tin bất thường và công bố thông tin theo yêu cầu đối với tổ chức niêm yết. Tiếp xúc và cung cấp các thông tin về Công ty cho các cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

3.2 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Năm 2022, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) đã tập trung chỉ đạo kiện toàn lại tổ chức bộ máy quản lý Công ty phù hợp với mô hình hoạt động mới và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoàn thiện hệ thống quản trị công ty, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ, nhân sự các phòng ban của Công ty mẹ và các công ty con để hoạt động hiệu quả hơn. Ngoài việc kiện toàn lại bộ máy tổ chức tại các phòng ban, HĐQT cũng đã ổn định lại cơ cấu nhân sự chủ chốt trong Ban Điều hành để điều hành hoạt động của Công ty.

Trong quan hệ với Ban điều hành, Chủ tịch HĐQT thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng để nắm

bắt tình hình sản xuất kinh doanh và có ý kiến chỉ đạo, định hướng cũng như giải quyết những đề xuất, kiến nghị của Công ty. Bên cạnh đó, HĐQT yêu cầu Ban điều hành báo cáo định kỳ tình hình hoạt động của Công ty và báo cáo đột xuất khi xảy ra vấn đề phát sinh làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty để kịp thời giải quyết.

Tuân thủ đầy đủ và kịp thời việc công bố thông tin định kỳ, công bố thông tin bất thường và công bố thông tin theo yêu cầu đối với tổ chức niêm yết. Tiếp xúc và cung cấp các thông tin về Công ty cho các cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.



3.2 CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2023 được Tập đoàn F.I.T xác định là năm hoàn thiện quá trình tái cơ cấu tại các Công ty thành viên, tạo đà cho cả Tập đoàn bước sang giai đoạn phát triển bền vững. Không những thế Tập đoàn sẽ khởi động các dự án để hiện thực hóa mục tiêu trở thành doanh nghiệp tỷ đô đã đề ra. Với những ngành hàng cơ bản đa dạng, phù hợp với lợi thế

của nền kinh tế, sẽ không ngạc nhiên nếu tại các thị trường phát triển, Tập đoàn F.I.T được coi như một tập đoàn đáng giá tỷ đô. Nhưng với thị trường như Việt Nam, đó là điều mà Tập đoàn đang hướng tới và xây dựng. Tạo dựng niềm tin trong giới đầu tư, với Tập đoàn F.I.T, cũng quan trọng như quá trình tái cấu trúc hoạt động.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

1 ► HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

• THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông NGUYỄN VĂN SANG

Chủ tịch HĐQT - Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0

Chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT

- Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa;
- Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dũng Tâm
- Công ty cổ phần Cap Padaran Mũi Dinh
- Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm VPC – Sài Gòn

Bà NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT

Phó Chủ tịch HĐQT - Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 19.000

Chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT

- Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây
- Công ty cổ phần Westfood Hậu Giang

Thành viên HĐQT

- Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ

Bà VŨ THỊ MINH HOÀI

TV HĐQT - Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0

Chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác:

Thành viên HĐQT

- Công ty Cổ phần FIT Cosmetics
- Công ty Cổ phần Today Cosmetics

Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ

- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T

Chủ tịch

- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và thương mại F.I.T Việt Nam

Giám đốc

- Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm VPC - Sài Gòn

Kế toán trưởng

- Công ty Cổ phần đầu tư Dũng Tâm

Ông NGUYỄN NINH DŨNG

TV HĐQT - Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0

Chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác:

Thành viên HĐQT

- Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long
- Công ty cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa
- Công ty cổ phần Cap Padaran Mũi Dinh
- Công ty cổ phần Đầu tư Dũng Tâm



Ông CAO TRỌNG HOAN

TV HĐQT - Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0

Chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác:

Thành viên HĐQT

- Công ty cổ phần Giống cây trồng Nông Tín

Chủ tịch HĐQT

- Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu TH Nam Sài Gòn
- Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển CN Cao Việt Mỹ
- Công ty Cổ phần đầu tư – xây dựng và KD Nhà Sài Gòn
- Công ty cổ phần Cảnh Viên

Ông VŨ ANH TRỌNG

TV HĐQT - Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0

Chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Ông ĐÀO HỮU LONG

TV HĐQT - Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0

Chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác: Không

1.2 CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tập đoàn F.I.T hiện có 01 Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị là Tiểu ban đầu tư.

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Văn Sang	Trưởng Ban Tiểu Ban Đầu tư	0 cổ phần
2	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên Tiểu Ban Đầu tư	19.000 cổ phần
3	Ông Phan Minh Sáng (*)	Thành viên Tiểu Ban Đầu tư	0 cổ phần

(*) Ông Phan Minh Sáng không còn là Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Tiểu ban đầu tư kể từ ngày 17/6/2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ.

1.3 HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

• CÁC CUỘC HỌP HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Sang	31/31	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	31/31	100%	
3	Ông Cao Trọng Hoan	31/31	100%	
4	Ông Phan Minh Sáng	18/31	58%	Miễn nhiệm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/6/2022
5	Ông Đỗ Văn Khá	18/31	58%	
6	Ông Bùi Tuấn	18/31	58%	
7	Ông Kiều Hữu Dũng	18/31	58%	
9	Bà Vũ Thị Minh Hoài	13/31	42%	Bầu bổ sung theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/6/2022
10	Ông Nguyễn Ninh Dũng	13/31	42%	
11	Ông Vũ Anh Trọng	13/31	42%	
12	Ông Đào Hữu Long	13/31	42%	

• CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (BÁO CÁO NĂM 2022)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định (*)	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
1	01/2022/NQ-HĐQT	07/01/2022	Thông qua việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật.	Các nội dung trong cuộc họp được biểu quyết tán thành 100%
2	02/2022/NQ-HĐQT	14/01/2022	Thông qua việc giao Chủ tịch HĐQT điều hành các tài khoản ngân hàng của Công ty.	
3	03/2022/NQ-HĐQT	14/01/2022	Thông qua việc giao Chủ tịch HĐQT điều hành tài khoản ngân hàng của Công ty mở tại VPBank	
4	04/2022/NQ-HĐQT	19/01/2022	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một phần của Nghị quyết HĐQT số 26/2021/NQ-HĐQT ngày 28/12/2021	
5	05/2022/NQ-HĐQT	24/03/2022	Thông qua việc vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp đảm bảo tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Thanh xuân.	
6	06/2022/NQ-HĐQT	04/04/2022	Thông qua việc Bổ nhiệm Tổng Giám đốc.	
7	06.1/2022/NQ-HĐQT	04/04/2022	Thông qua việc miễn nhiệm Tổng Giám đốc và Quyền Giám đốc tài chính.	
8	07/2022/NQ-HĐQT	05/04/2022	Thông qua việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.	
9	08/2022/NQ-HĐQT	07/04/2022	Thông qua việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng và trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021	
10	09/2022/NQ-HĐQT	19/04/2022	Thông qua việc miễn nhiệm và Bổ nhiệm Kế toán trưởng.	
11	10/2022/NQ-HĐQT	21/04/2022	Thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	
12	11/2022/NQ-HĐQT	27/04/2022	Thông qua việc cho Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ vay vốn	
13	12/2022/NQ-HĐQT	29/04/2022	Thông qua việc thay đổi ngành nghề Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	
14	13/2022/NQ-HĐQT	01/05/2022	Thông qua việc giao và ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công Ty một số nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT.	
15	13A/2022/NQ-HĐQT	01/05/2022	Thông qua một số hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền HĐQT.	
16	14/2022/NQ-HĐQT	13/05/2022	Thông qua việc tăng vốn điều lệ sau đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.	
17	15/2022/NQ-HĐQT	03/06/2022	Thông qua việc thay đổi ngành nghề Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	
18	16/2022/NQ-HĐQT	09/06/2022	Thông qua việc phân phối lại cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.	
19	17/2022/NQ-HĐQT	12/06/2022	Thông qua việc đề cử thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023	
20	18/2022/NQ-HĐQT	13/06/2022	Thông qua kết quả đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng	
21	19/2022/NQ-HĐQT	21/06/2022	Thông qua việc tăng vốn điều lệ sau đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng	
22	20/2022/NQ-HĐQT	28/06/2022	Thông qua thay đổi mục đích sử dụng số tiền thu được sau chào bán	
23	20.1/2022/NQ-HĐQT	29/06/2022	Thông qua việc xóa nợ trên Báo cáo tài chính	
24	21/2022/NQ-HĐQT	13/07/2022	Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022	
25	22/2022/NQ-HĐQT	18/07/2022	Thông qua việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH Xuất khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam.	

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định (*)	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
26	23/2022/NQ-HĐQT	19/07/2022	Thông qua các Hợp đồng phát sinh doanh thu, chi phí giữa Công ty với những bên có liên quan và một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT	Các nội dung trong cuộc họp được biểu quyết tán thành 100%
27	24/2022/NQ-HĐQT	05/09/2022	Thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm Kế toán trưởng của Công ty	
28	25/2022/NQ-HĐQT	30/09/2022	Thông qua việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty	
29	26/2022/NQ-HĐQT	03/11/2022	Thông qua việc Công ty bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn của Công ty Cổ phần Today Cosmetics	
30	27/2022/NQ-HĐQT	15/11/2022	Thông qua việc Công ty đăng ký mua cổ phần do Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T phát hành	
31	28.1/2022/NQ-HĐQT	02/12/2022	Thông qua việc cử người đại diện theo ủy quyền tại Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	
32	28.2/2022/NQ-HĐQT	02/12/2022	Thông qua việc cử người đại diện theo ủy quyền tại Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động Sản F.I.T	
33	28.3/2022/NQ-HĐQT	02/12/2022	Thông qua việc cử người đại diện phần vốn góp tại Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	
34	29/2022/NQ-HĐQT	15/12/2022	Thông qua việc thay đổi cơ cấu tổ chức Công ty	
35	30/2022/NQ-HĐQT	15/12/2022	Thông qua việc bổ nhiệm thành viên Ban kiểm toán nội bộ	

(*): Tổng số cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty trong năm 2022 là 31 cuộc họp, theo đó HĐQT đã ban hành 35 Nghị quyết (do có 02 cuộc họp có số lượng Nghị quyết trên mỗi cuộc họp là 02, có 01 cuộc họp có số lượng Nghị quyết trên cuộc họp là 03)

• HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ty. Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của thành viên HĐQT Công ty trong năm 2022 cụ thể như sau:

01

Thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ty. Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của thành viên HĐQT Công ty trong năm 2022 cụ thể như sau:

02

HĐQT Công ty định kỳ hàng tháng tổ chức các buổi họp cùng với đại diện lãnh đạo các công ty con để nghe báo cáo đánh giá công tác quản lý tài chính, thực hiện chế độ kiểm toán cũng như quản trị doanh nghiệp tại các công ty con. Từ đó, HĐQT đưa ra các ý kiến và biện pháp xử lý vấn đề phát sinh, các chiến lược kinh doanh kịp thời, áp dụng mức chi phí quản lý doanh nghiệp, doanh thu... nhằm bảo toàn nguồn vốn góp của công ty mẹ, đảm bảo việc hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả tại các công ty con.

03

HĐQT duy trì đầy đủ các cuộc họp định kỳ theo quy định và các cuộc họp đột xuất theo yêu cầu công việc. Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức theo đúng quy định; các nghị quyết, quyết định của HĐQT đều nhận được sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT và sự đồng thuận rất lớn của người lao động trong toàn Công ty. Đây cũng chính là một trong những nhân tố quan trọng góp phần vào sự phát triển vững chắc của Công ty.

04

Các thành viên HĐQT là những người am hiểu các ngành nghề hoạt động và có nhiều kinh nghiệm nên đã đóng góp được nhiều ý kiến xác đáng, mang lại hiệu quả cao cho công tác quản lý Công ty. Bên cạnh đó, HĐQT đã luôn đồng hành cùng Ban điều hành trong việc xử lý các vấn đề khó khăn trong hoạt động của Công ty.

05

HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát theo dõi sát sao, nhằm đảm bảo an toàn hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty; đồng thời đảm bảo sự tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật và của Điều lệ Công ty.

06

Xét tổng quan, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như các quy định của pháp luật, hướng tới mục tiêu cao nhất là đem lại giá trị, lợi ích cho cổ đông.



2 ▶ BAN KIỂM SOÁT

2.1 THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT



Bà Ngô Thu Trang
Trưởng BKS

Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS
Bầu bổ sung ngày 17/6/2022

Trình độ chuyên môn
Cử nhân Kế toán



Bà Nguyễn Thị Thảo
Thành viên BKS

Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS
Bầu bổ sung ngày 17/6/2022

Trình độ chuyên môn
Cử nhân luật



Ông Võ Đình Bảo
Thành viên BKS

Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS
Bầu bổ sung ngày 17/6/2022

Trình độ chuyên môn
Cử nhân Kế toán

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Ông Nguyễn Quang Huy	Trưởng BKS	Miễn nhiệm ngày 17/6/2022	Cử nhân luật
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 17/6/2022	Cử nhân kế toán cử nhân luật kinh tế
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 17/6/2022	Cử nhân tài chính

2.2 HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

• CUỘC HỌP CỦA BKS

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Quang Huy	1/3	33,33%	100%	Miễn nhiệm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐH ĐCĐ ngày 17/6/2022
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	1/3	33,33%	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	1/3	33,33%	100%	
4	Bà Ngô Thu Trang	2/3	66,67%	100%	Bầu bổ sung theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐH ĐCĐ ngày 17/6/2022
5	Bà Nguyễn Thị Thảo	2/3	66,67%	100%	
6	Ông Võ Đình Bảo	2/3	66,67%	100%	

• CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

Ban kiểm soát đã thực hiện công việc theo quyền hạn và nhiệm vụ được quy định trong điều lệ Công ty nhằm kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, thực hiện Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị Công ty. Các công việc chính đã thực hiện bao gồm:

- Trưởng BKS tham dự toàn bộ các cuộc họp của HĐQT. Kiểm tra việc ban hành, thực thi các Nghị Quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, từ đó đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, kịp thời của công tác quản lý, điều hành Công ty

- Tổ chức cuộc họp của Ban kiểm soát, đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát qua các quý; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát để thực hiện chức trách của Ban kiểm soát

- Kiểm tra, thẩm định các Báo cáo tài chính định kỳ của công ty

- Kiểm tra tính chính xác, trung thực, hợp pháp trong việc lập Báo cáo tài chính định kỳ

- Tham gia đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác điều hành, thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh doanh của công ty

- Phân tích, đánh giá độc lập hoạt động kinh doanh của công ty; trên cơ sở đó đề xuất các ý kiến, khuyến nghị kịp thời, các biện pháp khắc phục, nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh

- Phối hợp, chỉ đạo bộ phận kiểm soát nội bộ thực hiện kiểm tra, kiểm soát định kỳ và đột xuất các hoạt động nghiệp vụ tại công ty

- Ban kiểm soát hỗ trợ và cho ý kiến để chuẩn hóa hệ thống báo cáo quản trị nội bộ của Công ty.



3 ▶ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

3.1 GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T ("FITLAND")	Cổ đông lớn Người có liên quan của Ông Nguyễn Văn Sang Chủ tịch HĐQT	87.903.665	30,42%	103.399.479	30,42%	Mua
2	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT Ông Nguyễn Văn Sang Chủ tịch HĐQT	110.000	0,04%	129.000	0,04%	Mua
3	Ninh Thị Phương	Kế toán trưởng (Đã miễn nhiệm ngày 05/9/2022)	110.000	0,04%	129.000	0,04%	Mua
4	Nguyễn Quang Huy	Trưởng BKS (Đã miễn nhiệm ngày 17/6/2022)	660.000	0,23%	776.000	0,23%	Mua
5	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch	129.000	0,04%	19.000	0,006%	Bán
6	Ninh Thị Phương	Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT Nguyễn Văn Sang	129.000	0,04%	19.000	0,006%	Bán

3.2 HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ hợp đồng	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T ("FITLAND")	Công ty con	0107499328 Ngày cấp: 12/12/2022 Nơi cấp: Sở kế hoạch & Đầu tư TP. Hà Nội	Tầng 5 - Tòa Times Tower, số 35 đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	30/11/2022	Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐQT ngày 15/11/2022	FIT mua cổ phần do FITLAND chào bán cho cổ đông hiện hữu 600.000.000.000	
					Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022		Doanh thu từ cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng 547.796.695	
					10/10/2022		FIT Chuyển tiền hợp tác đầu tư cho FITLAND 17.000.000.000	
					10/11/2022	Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2022 và Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐQT ngày 19/7/2022	FIT Chuyển tiền hợp tác đầu tư cho FITLAND 18.500.000.000	
					14/11/2022		FIT Chuyển tiền hợp tác đầu tư cho FITLAND 70.000.000.000	
					29/11/2022		FIT Chuyển tiền hợp tác đầu tư cho FITLAND 55.000.000.000	
					2/12/2022		FIT Chuyển tiền hợp tác đầu tư cho FITLAND 200.000.000.000	
					21/12/2022	FIT Chuyển tiền hợp tác đầu tư cho FITLAND 2.000.000.000		
2	Công ty CP vật tư kỹ thuật nông nghiệp Cần Thơ ("TSC")	Công ty con	1800518314 Ngày cấp: 25/7/2003 Nơi cấp: Sở kế hoạch & Đầu tư TP Cần Thơ	Số 1D, Phạm Ngũ Lão, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ	27/04/2022	Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐQT ngày 27/4/2022	FIT cấp khoản vay cho TSC 80.170.720.000	
					10/6/2022	Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐQT ngày 19/01/2022	FIT Chuyển tiền hợp tác đầu tư cho FITLAND 17.000.000.000	
					Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022		Doanh thu từ cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng 300.651.706	
					Từ 12/01/2022 đến 31/12/2022		Doanh thu từ cung cấp dịch vụ tư vấn 874.014.828	

S T T	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ hợp đồng	Ghi chú
3	Công ty cổ phần Dược Phẩm Cửu Long	Công ty con	150020253 Ngày cấp: 05/09/2019 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Long	Số 150 Đường 14 tháng 9, Phường 5, TP Vĩnh Long	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022		Doanh thu từ cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng 2.203.771.107	
					Từ 12/01/2022 đến 31/12/2022		Doanh thu từ cung cấp dịch vụ tư vấn 5.248.953.504	
4	Công ty cổ phần Nước Khoáng Khánh Hòa	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT	4200283916 Ngày cấp: 09/6/2006, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa	Xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022		Doanh thu từ cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng 527.650.065	
					Từ 12/01/2022 đến 31/12/2022		Doanh thu từ cung cấp dịch vụ tư vấn 2.948.771.172	
					Từ 01/2022 đến 31/12/2022		Chi phí mua hàng 50.824.983	
5	Công ty cổ phần FIT Cosmetics	Công ty liên kết, Công ty có liên quan	0104344157 Ngày cấp: 22/12/2009, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM	Số 276, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, quận 3, Hồ Chí Minh	Từ 12/01/2022 đến 31/12/2022		Doanh thu từ cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng 949.295.453	
							Chi phí mua hàng 120.905.748	
6	Công ty cổ phần đầu tư Dũng Tâm	Công ty mẹ	0900848515 Ngày cấp: 17/3/2016, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên	Số 37 Phố Mới, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022		Doanh thu từ cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng 167.848.250	
7	Công ty cổ phần thuốc Ung Thư Benovas	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT	0107753133 Ngày cấp: 08/03/2017, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội	Tầng 5, Tòa Times Tower, số 35 đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022		Doanh thu từ cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng 327.708.941	
					Từ 12/01/2022 đến 31/12/2022		Doanh thu từ cung cấp dịch vụ tư vấn 1.101.000.000	
8	Công ty TNHH xuất nhập khẩu và thương mại F.I.T Việt Nam ("FITXK")	Công ty con	0106567335 Cấp ngày: 04/4/2016 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	Tầng 5 - tòa Times Tower - HACC1 Complex Số 35 Lê Văn Lương - Thanh Xuân - Hà Nội	6/9/2022		FIT Chuyển tiền hợp tác đầu tư cho FITXK 50.000.000.000	
					21/9/2022		FIT Chuyển tiền hợp tác đầu tư cho FITXK 71.000.000.000	
					28/9/2022		FIT Chuyển tiền hợp tác đầu tư cho FITXK 48.000.000.000	
					28/9/2022		FIT Chuyển tiền hợp tác đầu tư cho FITXK 8.000.000.000	

S T T	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ hợp đồng	Ghi chú
8					10/11/2022	Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐ CĐ ngày 17/06/2022 và Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐQ T ngày 19/7/2022	FIT Chuyển tiền hợp tác đầu tư cho FITXK 24.000.000.000	
					15/11/2022		FIT Chuyển tiền hợp tác đầu tư cho FITXK 38.000.000.000	
					16/11/2022		FIT Chuyển tiền hợp tác đầu tư cho FITXK 5.000.000.000	
					22/12/2022		FIT Chuyển tiền hợp tác đầu tư cho FITXK 1.000.000.000	
					22/12/2022		FIT Chuyển tiền hợp tác đầu tư cho FITXK 51.000.000.000	
					26/12/2022		FIT Chuyển tiền hợp tác đầu tư cho FITXK 24.000.000.000	
					27/12/2022		FIT Chuyển tiền hợp tác đầu tư cho FITXK 38.000.000.000	
					29/12/2022		FIT Chuyển tiền hợp tác đầu tư cho FITXK 29.000.000.000	
					Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022		Doanh thu từ cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng 547.796.694	
					24/01/2022		FIT Chuyển tiền hợp tác đầu tư cho FITXK 25.000.000.000	
9	Công ty Cổ phần Cap Padaran Mũi Dinh	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT	4500605836 Ngày cấp: 07/06/2016, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận	Thôn Sơn Hải 2, Xã Phước Dinh, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022		Doanh thu từ cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng 154.258.058	
10	Công ty Cp chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT	1800512175 Ngày cấp: 23/02/2016, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Cần Thơ	Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, Khu vực 4, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ	01/2022 đến 31/12/2022		Chi phí mua hàng 3.660.000	



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Tầm nhìn bền vững
2. Các hoạt động tiêu biểu & Giải thưởng bền vững
3. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc về các mục tiêu tăng trưởng bền vững
4. Chiến lược phát triển bền vững

1 ▶ TẦM NHÌN BỀN VỮNG



Tại Tập đoàn F.I.T, chúng tôi tin rằng một doanh nghiệp bền vững là doanh nghiệp tạo ra giá trị lâu dài cho cộng đồng xã hội. Chúng tôi quan niệm sự thành công không chỉ ở doanh thu và lợi nhuận mà còn ở các hoạt động vì xã hội, vì môi trường, tạo đà phát triển cho đất nước.

Tầm nhìn bền vững của Tập đoàn F.I.T là thúc đẩy sự phát triển hài hòa của Tập đoàn và xã hội, đảm bảo cân bằng giữa các mục tiêu: Tối ưu hóa nền kinh tế, phát triển nguồn nhân lực, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và bảo vệ môi trường.

Tập đoàn F.I.T hướng đến mục tiêu trở thành Tập đoàn thịnh vượng, đa ngành với các sản phẩm và dịch vụ khác biệt, đẳng cấp, dẫn đầu, mang lại chất lượng cuộc sống tốt đẹp hơn, nơi hội tụ nhân tài, được xã hội tôn vinh.

1.1 ĐỐI VỚI XÃ HỘI

Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, thiện nguyện để giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn.

Đồng hành tài trợ các chương trình vì sức khỏe cộng đồng, nâng tầm chất lượng cuộc sống bằng các sản phẩm và dịch vụ vượt trội.

Khát khao chiến thắng, luôn suy nghĩ tích cực, không ngừng tìm giải pháp để hoàn thành xuất sắc mục tiêu, qua đó đóng góp vào sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.



1.2 ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Cơ sở hạ tầng hiện đại: hệ thống các phòng họp trực tuyến với hệ thống âm thanh cao cấp, bếp ăn có sức chứa gần 100 người, phòng tập gym, máy móc thiết bị hiện đại khác, tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho cán bộ công nhân viên.

Coi trọng sức khỏe người lao động: mua gói Bảo hiểm sức khỏe bổ sung và bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn bộ cán bộ công nhân viên.



Các chương trình phát triển kỹ năng và đào tạo liên tục để hỗ trợ người lao động nâng cao năng lực và phát triển sự nghiệp.



1.3 ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG VÀ ĐỐI TÁC

Hợp tác trên tinh thần tôn trọng, đảm bảo lợi ích của mỗi bên để cùng trở nên thịnh vượng và phát triển bền vững.

Cam kết trở thành Tập đoàn đa ngành hoạt động hiệu quả, gia tăng giá trị cho cổ đông thông qua các hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững và giá trị Tập đoàn tăng trưởng vượt trội hơn so với chỉ số VNindex.

2 ▶ CÁC HOẠT ĐỘNG TIÊU BIỂU & GIẢI THƯỞNG BỀN VỮNG



Trong những năm qua, Tập đoàn F.I.T và các công ty thành viên luôn đồng hành cùng xã hội thông qua các hoạt động thiết thực, ý nghĩa. Trước ảnh hưởng của dịch Covid, F.I.T Group và các công ty thành viên đã đồng tâm hiệp lực thực hiện chương trình các chương trình lớn như “F.I.T Group chung tay bảo vệ sức khỏe cộng đồng”, “Tiếp sức bệnh viện Nhiệt Đới Trung Ương chống dịch Covid 19”, tài trợ tiền mặt theo lời kêu gọi của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để đồng hành cùng cả nước chống dịch.

Bên cạnh các chương trình xã hội có quy mô lớn, hàng tháng, hàng quý, Tập đoàn và các công ty thành viên luôn tích cực tham gia các hoạt động xã hội trên nhiều lĩnh vực như đời sống, giáo dục, y tế, thể thao..., tích cực chia sẻ yêu thương đối với cộng đồng và góp phần nâng cao đời sống của người Việt, có thể kể đến như các chương trình tặng quà cho các em nhỏ tại Trung tâm Bảo trợ Xã hội IV tại Ba Vì; tặng xe đạp cho trẻ em nghèo hiếu học; tài trợ Ngày hội chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; đồng hành cùng các chương trình bảo vệ môi trường, giảm thiểu rác thải; tài trợ các giải Golf cấp Quốc gia, cung cấp nước uống độc quyền trong các giải đấu.

01 Trao tặng tỉnh Cần Thơ vật phẩm ủng hộ công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn

Ngày 15/6/2021, đại diện Sở Y Tế Cần Thơ đã tiếp nhận các vật phẩm thiết yếu cho công tác phòng, chống dịch trên địa bàn do CTCP Tập đoàn F.I.T (F.I.T Group) tài trợ với tổng giá trị hơn 296 triệu đồng.



Cụ thể, Tập đoàn F.I.T đã trao tặng Sở Y tế Thành phố Cần Thơ 3451 sản phẩm trái cây đóng lon thương hiệu Westfood; 141 thùng nước khoáng thiên nhiên Vikoda; 305 thùng nước khoáng tăng lực Sumo; 1212 tube gel rửa tay Dr.Clean; 60 hộp thuốc Giảm đau hạ sốt Panalgan cùng 1000 khẩu trang y tế N95.

Phát biểu tại buổi tiếp nhận, ông Phạm Phú Trường Giang – Phó Giám đốc Sở Y tế Thành phố Cần Thơ cho biết: “Với món quà mà FIT Group trao tặng, về góc độ ngành y tế rất trân trọng cũng như rất cảm ơn sự giúp đỡ kịp thời đó. Đây là những món quà hết sức cần thiết, thứ nhất là hỗ trợ vấn đề ăn uống của các lực lượng, đặc biệt là các lực lượng tình nguyện viên. Chúng tôi có rất đông lực lượng tình nguyện viên, trên dưới 2000 người. Rồi những sản phẩm như nước rửa tay, sát khuẩn, khẩu trang ... đây là một trong những vật tư rất cần thiết để trang bị cho các lực lượng tuyến đầu phòng chống dịch.”

02 Trao tặng TP. Hồ Chí Minh các vật phẩm thiết yếu trị giá trên 3 tỷ đồng cùng đẩy lùi dịch Covid-19

“F.I.T Group vì niềm Nam thân yêu” là chương trình trao tặng vật phẩm thiết yếu cho các cơ sở điều trị Covid-19 tại thành phố Hồ Chí Minh với tổng giá trị trên 3 tỷ đồng. Đây là lần thứ 3 trong năm 2021 F.I.T Group triển khai chương trình trao tặng trên địa bàn thành phố kể từ khi dịch Covid -19 lần thứ 4 xảy ra tại Việt Nam.

Các vật phẩm thiết yếu trao tặng cho các đơn vị bao gồm trên 54.000 hộp thuốc các loại thuốc như: Giảm đau hạ sốt Panalgan các loại, Viced 300, Fexofenadin 180, Aluminium phosphat, Vitamin C..., trên 6900 chai thực phẩm chức năng Calcivitin 50g, Gastrosoda 30g; gần 8.000 thùng nước khoáng kiềm Vikoda, nước khoáng thiên nhiên Đánh Thạnh có gas; nước khoáng tăng lực Sumo các loại; trên 7.300 tuýp và chai rửa tay khô Dr.Clean. Các địa điểm đã được trao tặng là Bệnh viện dã chiến điều trị bệnh nhân Covid-19 Bình Chánh (Số 1, Đường số 1, Khu trung tâm hành chính huyện, Bình Chánh) và Bệnh viện dã chiến điều trị bệnh nhân Covid-19 Củ Chi (1307 Tỉnh lộ 7, xã An Nhơn Tây, Củ Chi); Bệnh viện dã chiến Củ Chi (825, Đường Bà Thiện, Xã Nhuận Đức, Huyện Củ Chi), Bệnh viện Điều trị Covid-19 đặt tại Trung Tâm Y tế Cần Giờ (Đường Lương Văn Nho, Huyện Cần Giờ) và Bệnh viện dã chiến điều trị bệnh nhân Covid-19 tại Bệnh viện Quân dân Y Miền Đông (50 Lê Văn Việt, Hiệp Phú, Quận 9).



Trước đó, trong tháng 6 năm 2021, FIT Group cũng đã triển khai chương trình “FIT Group chung tay đẩy lùi Covid – 19” với khẩu hiệu “Cách ly nhưng không cách lòng – Vì một Việt Nam khỏe mạnh” để trao tặng các vật phẩm thiết yếu như: nước khoáng thiên nhiên Vikoda, nước tăng lực không có ga Sumo, nha đam và trái cây đóng lon thương hiệu Westfood cùng các sản phẩm dịch tễ như gel – dung dịch và sữa rửa tay Dr.Clean, khẩu trang y tế N95, thuốc giảm đau hạ sốt Panalgan... và máy xét nghiệm Real Time PCR cho 13 tỉnh, thành phố và 8 bệnh viện trong cả nước với trị giá trên 10 tỷ đồng.

03 Trao tặng tỉnh Vĩnh Long hệ thống xét nghiệm nhanh Covid-19

Hệ thống máy xét nghiệm tự động Real-Time PCR của Trung Tâm Y Tế thành phố Vĩnh Long là hệ thống hiện đại và có thể phân tích cùng lúc 32 mẫu trong vòng 20 đến 45 phút, mỗi ngày xét nghiệm được từ 300 đến 400 mẫu. Hệ thống có trị giá trên 3 tỷ đồng do Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long – DCL trao tặng.

Tại buổi lễ tiếp nhận, Ông Phan Văn Năm – Giám đốc Trung Tâm Y Tế thành phố Vĩnh Long cho biết: Trung tâm Y tế thành phố Vĩnh Long có được sự hỗ trợ của Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long về việc cung cấp máy Real- Time PCR là rất cần thiết, giúp nâng cao năng lực xét nghiệm virus SARS-CoV-2 nhằm chủ động trong công tác phòng, chống

dịch Covid – 19 trên địa bàn. Sau khi tiếp nhận, Trung tâm sẽ triển khai đưa máy vào hoạt động ngay, nhằm đẩy nhanh tiến độ xét nghiệm Covid – 19 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Phát biểu tại buổi lễ ông Bùi Văn Nghiễm, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long nhấn mạnh: “Hệ thống xét nghiệm Realtime- PCR do Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long tài trợ là một trang thiết bị y tế hiện đại, rất hữu ích và vô cùng cần thiết cho công tác phòng chống dịch bệnh; yêu cầu ngành y tế cần phát huy tốt các trang thiết bị hiện đại được trao tặng, sử dụng đúng mục đích, chú trọng bảo hành, bảo trì nhằm sử dụng lâu dài, mang lại nhiều lợi ích cho nhân dân. Qua đó, giúp Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Vĩnh Long nâng cao năng lực, công suất xét nghiệm, giám sát; sẵn sàng ứng phó với dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp hiện nay.”



Ngoài việc hỗ trợ hệ thống xét nghiệm nhanh Real – Time PCR cho Trung tâm Y tế Thành phố Vĩnh Long, trong đợt dịch này Dược Cửu Long còn hỗ trợ hơn 1 tỷ đồng bằng các sản phẩm thuốc Giảm đau hạ sốt Panalgan – loại thuốc rất cần cho người bệnh tại các bệnh viện đang bị cách ly, các địa phương đang có dịch bệnh Covid -19 diễn biến phức tạp trong cả nước.

04 Hướng về đồng bào miền Trung

Để góp phần san sẻ khó khăn cùng đồng bào đang bị ảnh hưởng bởi lũ lụt tại các tỉnh miền Trung, Tập đoàn F.I.T đã phát động chương trình ủng hộ “F.I.T Group hướng về miền Trung” và tổ chức thăm hỏi, trao quà, động viên bà con vùng lũ.

Sau một tuần phát động, Tập đoàn F.I.T đã quyên góp được trên 400 triệu đồng. Với số tiền này, Tập đoàn đã lập kế hoạch trao tặng 700 phần quà cho đồng bào miền Trung.

Đầu tháng 11/2020, Tập đoàn F.I.T đã trao trên 400 phần quà cho bà con ở 3 xã chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của tỉnh Hà Tĩnh là Cẩm Duệ, Cẩm Mỹ, Cẩm Quan thuộc huyện Cẩm Xuyên. Trong đó, xã Cẩm Duệ, Cẩm Mỹ, Cẩm Quan nằm ở trung tâm của vùng lũ. Mặc dù chính quyền địa phương đã huy động, di dời bà con ở các vùng ngập sâu, bị cô lập tới nơi an toàn.

Bên cạnh đó, đoàn cũng đã ghé thăm và trao tặng hơn 2000 quyển vở và một số sản phẩm phục vụ cho việc khắc phục hậu



quả sau lũ cho các em học sinh trường tiểu học Cẩm Mỹ, trường THCS Mỹ Duệ và hàng trăm cơ sở thuốc cho trạm y tế xã Cẩm Mỹ và Cẩm Duệ. Với các hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đoàn đã đến tận nơi thăm hỏi, trao quà và động viên họ nhanh chóng vượt qua ảnh hưởng của mưa lũ.

05 Nỗ lực bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch tại địa bản tỉnh Khánh Hòa cùng Vikoda Alkaline

Vikoda Alkaline - một thương hiệu của CTCP Nước khoáng Khánh Hòa (Vikoda) vừa đồng hành cùng Tổng cục Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) tổ chức các chuỗi hội thảo, hội nghị về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch.

Trong nhiều năm qua, CTCP Nước khoáng Khánh Hòa (Vikoda) vẫn luôn là đơn vị đồng hành với các cơ quan, ban ngành Du lịch trong chuỗi sự kiện bảo vệ môi trường du lịch trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Vikoda Alkaline là sản phẩm sau nhiều nghiên cứu của CTCP Nước khoáng Khánh Hòa (Vikoda) với đặc tính nổi bật là có

dòng nước khoáng kiềm thiên nhiên từ nguồn khoáng Đánh Thạnh trừ danh với độ pH 9.0 tối ưu. Nguồn khoáng này mang lại nhiều tác dụng hữu ích đối với sức khỏe, giúp cân bằng, phòng ngừa và hỗ trợ điều trị các bệnh liên quan đến rối loạn chuyển hóa như đái tháo đường, các bệnh liên quan đến tim mạch, gout,...

Bên cạnh đó, sản phẩm được đóng lon ngay tại nguồn khoáng, không qua can thiệp nhân tạo và sử dụng bao bì lon nhôm được tái chế 100%, hoàn toàn thân thiện môi trường.

Việc sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường trong các hoạt động du lịch như sản phẩm Vikoda Alkaline tại cơ sở lưu trú và các khu du lịch sẽ là giải pháp hiệu quả để giảm tải rác thải nhựa, xây dựng hình ảnh môi trường du lịch xanh - sạch - đẹp và góp phần đưa hoạt động du lịch phát triển theo chiều hướng bền vững hơn. Hiện rất nhiều khách sạn, resort 4 - 5 sao trên cả nước đã sử dụng sản phẩm Alkaline là nước uống thường xuyên cho du khách.



06 Tặng thuốc hỗ trợ điều trị Covid-19 cho bệnh nhân F0 đang điều trị tại nhà ở TP.Hồ Chí Minh

Cụ thể Dược Cửu Long (DCL) trao tặng 5.000 túi thuốc (mỗi túi thuốc là 1 liệu trình điều trị) bao gồm: Thuốc ho Acetylcysteine 200mg và 2 trong số 5 thuốc điều trị Covid-19 tại nhà dành cho người lớn theo toa thuốc của Sở Y tế Tp Hồ Chí Minh trong công văn số 5627/SYT-NVY ban hành ngày 15/8/2021 là Paracetamol thương hiệu Panalgan 500mg và Prednisolone Nhân hiệu Rednison-N.

Trước đó, nhằm giúp công tác điều trị F0 tại nhà trên địa bàn đạt hiệu quả, DCL cũng trao tặng Sở Y tế TP.HCM 400.000 viên thuốc hỗ trợ điều trị Covid-19 các loại do DCL sản xuất và phân phối gồm 300.000 viên thuốc Paracetamol 500mg với thương hiệu Panalgan 500 và 100.000 viên thuốc Methyl Prednisolon 16mg với thương hiệu m-Rednison 16.

Ngoài chương trình này, DCL đã cùng với F.I.T Group trao tặng những vật phẩm thiết yếu và thuốc trong chương trình “F.I.T Group chung tay đẩy lùi Covid-19” cho 6 cơ sở điều trị Covid



tại TP.HCM, cũng như các địa phương có dịch Covid-19 diễn biến phức tạp gồm: Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Đà Nẵng, Cần Thơ... với tổng giá trị chương trình lên đến trên 13 tỷ đồng.

07 Chung tay vì sức khỏe người lao động và cộng đồng cùng Westfood

Từ lâu, việc chăm lo sức khỏe cho người lao động và cộng đồng luôn được Ban lãnh đạo Westfood quan tâm và đặt lên hàng đầu, gắn liền với một trong những giá trị cốt lõi của công ty: “Con người là trọng tâm và đánh giá cao con người phù hợp”. Từng bữa ăn của công nhân luôn được cải thiện, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và giá trị dinh dưỡng trong khẩu phần ăn. Triển khai chương trình “Chung tay vì sức khỏe người lao động và cộng đồng”, Ban lãnh đạo công ty đã đặc biệt bổ sung sữa tươi và trái cây tươi trong khẩu phần ăn hàng ngày, giúp bổ sung khoáng chất, vitamin và các chất xơ cho cơ thể để người lao động có một sức khỏe tốt.

Bên cạnh đó, trong các năm qua, Ban lãnh đạo Westfood luôn quan tâm đến cộng đồng, đặc biệt là các hoàn cảnh khó khăn tại địa phương. Cuối tháng 02/2021 vừa qua, đại diện Ban Lãnh đạo cùng các cán bộ, công nhân Westfood đã có chuyến thăm và trao tặng hàng trăm phần quà là các sản phẩm giàu giá trị dinh dưỡng của công ty cho bếp ăn tình thương của Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ – nơi tiếp nhận hàng nghìn bệnh nhân nghèo phải đối mặt chống chọi với bệnh tật mỗi ngày.

Các phần quà trao tặng cho bếp ăn bao gồm các thực phẩm đóng lon của công ty như bắp, đu đủ, xoài, cocktail ...được sản xuất tại nhà máy Westfood, là những thực phẩm giàu dinh dưỡng và năng lượng để chế biến các món ăn như canh, đồ xào, đồ mặn phát miễn phí cho người bệnh và thân nhân người nuôi bệnh đang nằm viện điều trị.

Đây là hoạt động được CBCNV của Westfood duy trì thường xuyên trong các năm qua, được Ban lãnh đạo công ty ủng hộ với mong muốn đưa các sản phẩm giàu giá trị dinh dưỡng của Westfood vào các bữa ăn của thân nhân người nuôi bệnh, giúp đỡ bà con có thêm bữa ăn ngon và tiết kiệm chi phí khi phải nằm viện, điều trị.



08 Trồng cây xanh bảo vệ môi trường và thực hiện giá trị cốt lõi “Caring” đối với các thiết bị nhà máy tại Dược Cửu Long

Theo đó, mỗi cấp quản lý và mỗi cặp vợ chồng tại DCL sẽ đều tư và trồng 01 cây xanh tại Dược Cửu Long. Mỗi cây xanh được gắn biển tên của CBNV đã trồng cây xanh đó trên cây. Các CBNV sẽ có trách nhiệm chăm sóc cây vừa trồng để tạo dựng một không gian xanh trong khuôn viên làm việc của nhà máy của Dược Cửu Long.

Cũng tại các nhà máy của Dược Cửu Long, Ban Lãnh đạo đã kêu gọi toàn thể CBNV thực hiện chương trình My Machine, thực hiện giá trị cốt lõi “Caring” đối với từng thiết bị nhà máy theo thông điệp “Mỗi CBNV hãy xem nhà máy là nhà của chúng ta, máy móc thiết bị là tài sản của chúng ta, Hãy yêu thương, chăm sóc để nhà máy luôn hoạt động hiệu quả. Máy móc luôn sạch sẽ, hoạt động hiệu quả, an toàn, năng suất.” Qua đó, mỗi thiết bị ở trong các nhà máy của Dược Cửu Long sẽ được gắn nhãn “My Machine” ghi rõ tên thiết bị và người vận hành chính. Người vận hành (OP) chính này sẽ chăm sóc thiết bị đó như là tài sản của mình. Đồng thời, các cấp quản lý sẽ thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở CBNV về trách nhiệm đối với các thiết bị, đảm bảo máy móc luôn hoạt động hiệu



quả. Trong năm 2021 Dược Cửu Long hoàn thành và đưa vào hoạt động nhà máy Capsule 4 với sản lượng 2,4 tỷ viên nang/năm, nâng tổng khối lượng nang sản xuất lên gần 8 tỷ viên/năm và khởi công xây dựng Nhà máy sản xuất Thiết bị Y tế Benovas nên việc gắn nhãn “My Machine” vô cùng có ý nghĩa, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm.

09 Tiếp sức giải vô địch việt dã năm 2023 tại Khánh Hòa cùng Vikoda

Hàng trăm thùng nước khoáng kiềm thiên nhiên Vikoda đã được tài trợ tại Lễ phát động Tháng hoạt động thể dục thể thao cho mọi người và Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân 2023 - Giải vô địch Việt dã 2023, tiếp sức cho hơn 6000 vận động viên tham gia. Tự hào là đơn vị tài trợ độc quyền cho sự kiện, đại diện Vikoda chia sẻ: “Với vị thế là doanh nghiệp uy tín hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh

nước khoáng kiềm thiên nhiên, Vikoda đánh giá cao chương trình thể thao lần này, thông điệp của giải chạy cũng tương đồng với tinh thần mà chúng tôi đang hướng tới. Với Vikoda, chúng tôi mong muốn được truyền cảm hứng về một lối sống lành mạnh để tận hưởng trọn vẹn cuộc sống. Việc đồng hành cùng giải Vô địch Việt dã 2023 năm trong chuỗi sự kiện hướng tới mục tiêu nâng cao sức khỏe cộng đồng mà Vikoda đang triển khai.”

10 Đồng hành cùng chương trình thiện nguyện “Chuyến xe về ăn Tết 2021” cùng Vikoda

Với mong muốn san sẻ yêu thương, lá lành đùm lá rách, Vikoda đã đồng hành với nhóm thiện nguyện Đồng Ngôn MT thực hiện chương trình “Chuyến xe về ăn Tết 2021” cho 225 gia đình vào sáng thứ 6, ngày 05/02/2021 giúp bà con về quê đoàn tụ bên gia đình dịp Tết Tân Sửu.



“Chuyến xe về ăn Tết 2021” có 5 chuyến xe nghĩa tình chở bà con lao động gặp khó khăn tại Thành phố Hồ Chí Minh về quê ăn tết với lộ trình di chuyển đến các tỉnh miền Trung: Phú Yên – Quảng Ngãi – Đà Nẵng – Huế. Mỗi bà con được tài trợ 1 vé xe, quà, bánh và nước Vikoda để về quê ăn tết. Vikoda đã cùng với BTC đến tiễn bà con, phát quà và ân cần thăm hỏi, chúc Tết, mong bà con khởi hành an toàn và có 1 cái “Tết Trọn Vẹn – Tết Tử Tế”. Bà con vui vẻ pha lẫn hồi hộp khi được về quê đón Tết. Ai cũng mong sớm được bình an trở về nhà sau một năm bươn chải mưu sinh. Có bà con chia sẻ: “Bốn năm rồi chú mới về quê ăn tết!”

Với định hướng luôn ưu tiên cho các hoạt động trách nhiệm cộng đồng, Vikoda nói riêng và Tập đoàn F.I.T nói chung luôn quan tâm và tham gia các hoạt động xã hội, đặc biệt là các chương trình hỗ trợ và cải thiện cuộc sống cho người nghèo, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Tết Nguyên Đán Tân Sửu đang đến gần, thông qua chương trình thiết thực, ý nghĩa “Chuyến xe về ăn Tết” 2021, FIT Group hi vọng đồng bào sẽ có thêm điều kiện để đoàn tụ với gia đình, vui xuân đón Tết.

11 Tập đoàn F.I.T nhận bằng khen của UBND TP.HCM vì có nhiều thành tích trong hoạt động phòng, chống dịch Covid-19

Ngày 17/11, Tại buổi họp mặt kỷ niệm 91 năm ngày thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam – ngày truyền thống MTTQ Việt Nam (18/11/1930 – 18/11/2021) và sơ kết công tác phòng, chống dịch COVID-19 đợt thứ 4, Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T (F.I.T Group) đã vinh dự được UBND TP.HCM trao tặng bằng khen vì có nhiều thành tích trong hoạt động phòng, chống dịch của thành phố.

Năm 2021, khi đại dịch Covid-19 hoành hành cả thế giới, Việt Nam đã vượt qua từng giai đoạn phòng chống, với những đổi mới pháp thích ứng, hiệu quả. Với riêng TPHCM, hơn 100 ngày đêm, với những thời khắc khó khăn nhất, tinh thần đại đoàn kết càng thể hiện rõ nét. TP luôn được đồng bào cả nước động viên, thăm hỏi và có những chia sẻ, giúp đỡ hết sức thiết thực cả về vật chất lẫn tinh thần.

Ngay khi dịch bệnh có dấu hiệu bùng phát tại Tp Hồ Chí Minh, ngày 27/5/2021, Tập đoàn F.I.T đã trao tặng cho Sở Y Tế TP. Hồ Chí Minh, Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam TP. Hồ Chí Minh những vật phẩm thiết yếu phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh như nước khoáng thiên nhiên Vikoda, nước tăng lực khoáng Sumo, dung dịch rửa tay và sữa rửa tay



Dr.Clean các loại, trái cây đóng lon thương hiệu Westfod, khẩu trang y tế N95 và các loại thuốc thiết yếu, trong đó chủ yếu là thuốc Giảm đau hạ sốt Panalgan – loại thuốc rất cần thiết cho các bệnh viện, cơ sở y tế. Tiếp đó, trong tháng 7/2021, Tập đoàn F.I.T cũng trao tặng Bệnh viện Nhiệt đới TP. HCM, bệnh viện tuyến đầu điều trị Covid-19 của Thành phố cũng cùng chủng loại các loại vật phẩm thiết yếu trên. Tổng giá trị của 2 lần tặng quà là 579 triệu đồng.

12 Tập đoàn F.I.T nhận bằng khen của UBND TP. Cần Thơ vì có nhiều đóng góp cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn

Chủ tịch UBND TP. Cần Thơ đã quyết định tặng bằng khen cho 13 tập thể và 04 cá nhân có nhiều đóng góp trong đợt cao điểm phòng, chống dịch Covid – 19 trên địa bàn. Tập đoàn F.I.T vinh dự là 01 trong 13 tập thể được nhận bằng khen này.



Tập đoàn F.I.T là một trong những tập thể đã có nhiều đóng góp nhanh chóng và kịp thời để thành phố Cần Thơ có thêm nguồn lực thiết thực chống dịch trong thời gian vừa qua. Cụ thể, ngày 15/6/2021, Tập đoàn F.I.T đã trao tặng Sở Y Tế TP. Cần Thơ các vật phẩm thiết yếu rất cần thiết cho công tác phòng, chống dịch trên địa bàn thành phố với tổng giá trị hơn 296 triệu đồng. Các vật phẩm bao gồm 3451 sản phẩm trái cây đóng lon thương hiệu Westfood; 141 thùng nước khoáng thiên nhiên Vikoda; 305 thùng nước khoáng tăng lực Sumo; 1212 tube gel rửa tay Dr.Clean; 60 hộp thuốc Giảm đau hạ sốt Panalgan cùng 1000 khẩu trang y tế N95.

Hoạt động hỗ trợ tại Cần Thơ nằm trong chiến dịch “FIT Group chung tay đẩy lùi Covid – 19” do Tập đoàn F.I.T và các công ty trong hệ thống cùng thực hiện với tổng ngân sách hỗ trợ trên 13 tỷ đồng.

3 ▶ BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ CÁC MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG

3.1 BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

- **TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG**

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Gián tiếp khoảng 12.866.000 m3

- **QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU**

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 831.104.583 kg

- **TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG**

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 3.165.669.754 Kw.

- **TIÊU THỤ NƯỚC**

Nguồn cung cấp nước: Công ty cấp nước, mỏ nước khoáng thiên nhiên.
Lượng nước sử dụng: 95.253.763 m3.

- **TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

3.2 ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG

- **TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG**

Tập đoàn F.I.T hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh do đó việc phát sinh các loại chất thải, khí thải trong quá trình hoạt động kinh doanh luôn được kiểm soát chặt chẽ. Ban lãnh đạo Công ty, các cán bộ nhân viên luôn chú trọng đến đảm bảo thực hiện đúng quy định bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động kinh doanh lẫn trong hoạt động sinh hoạt hàng ngày.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính, chất thải: Để hạn chế được các tác động tiêu cực từ hoạt động kinh doanh đến môi trường, Công ty luôn chú trọng các biện pháp như: tuyên truyền nâng cao ý thức của từng cá nhân người lao động, phân loại rác từ nguồn, bảo trì bảo dưỡng hệ thống máy móc.... Bên cạnh đó, tại văn phòng Công ty luôn ưu tiên trong việc sử dụng năng lượng sách một cách tiết kiệm và hiệu quả, sử dụng các sản phẩm mang tính vật liệu xanh nhằm đảm bảo giảm phát thải nhà kính, chất thải, rác thải sinh hoạt.



- **QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU**

Các nguyên vật liệu Công ty sử dụng đều được kiểm tra chất lượng và nhập kho nghiêm ngặt để sản xuất và đưa ra sản phẩm chất lượng tốt nhất. Bên cạnh đó, công tác bảo quản cũng được lưu trữ trong điều kiện bảo quản tối ưu, tránh để xảy ra các tình trạng hư hỏng, đặc biệt không làm giảm chất lượng sản phẩm. Để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nguyên liệu, Công ty luôn nghiên cứu, khuyến khích người lao động có những sáng kiến nhằm sử dụng hiệu quả nguyên liệu đầu vào, sử dụng tỷ lệ hóa chất tối ưu nhằm tối đa hóa lợi ích của Công ty.



- **TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG**

Tiết kiệm năng lượng luôn là vấn đề được quan tâm ở các doanh nghiệp, dù doanh nghiệp hoạt động ở bất kỳ lĩnh vực nào. Việc tiêu thụ năng lượng ở văn phòng Công ty cũng như các phương tiện phục vụ hoạt động hàng ngày luôn được theo dõi và sử dụng một cách hợp lý. Đồng thời, Công ty không ngừng cải tiến, bảo dưỡng thiết bị, máy móc để duy trì mức tiêu thụ điện năng, năng lượng khác một cách hợp lý và hiệu quả.



- **TIÊU THỤ NƯỚC**

Nguồn cung nước sạch là vô cùng quan trọng với hoạt động sống của con người nói chung và hoạt động của doanh nghiệp nói chung. Tại văn phòng Công ty, luôn có những thông điệp được truyền đến từng cá nhân về việc sử dụng nước tiết kiệm, tránh lãng phí. Hệ thống cấp nước, thoát nước được định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng để tránh thất thoát và lãng phí nguồn nước.

- **TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.



4 ► CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Tập đoàn F.I.T tin tưởng rằng để có thể đem lại giá trị bền vững, lâu dài và cống hiến cho xã hội, trước hết F.I.T Group phải là một Tập đoàn tăng trưởng bền vững. Trên cơ sở nguồn lực kinh tế vững chắc, Tập đoàn đẩy mạnh thực hiện nhiều chiến lược phát triển nguồn nhân lực, bảo vệ môi trường và thực thi trách nhiệm với xã hội.

4.1 TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

• PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM VÌ CỘNG ĐỒNG

Tập đoàn F.I.T luôn hướng tới việc cung cấp sản phẩm sạch hơn, thân thiện hơn với môi trường trong từng lĩnh vực kinh doanh. Những sản phẩm, dịch vụ của Tập đoàn F.I.T như dược phẩm, tiêu dùng nhanh, thực phẩm, nông nghiệp, bất động sản đều là các mô hình hướng tới cộng đồng, có tính xã hội cao.

• THỂ HIỆN TRÁCH NHIỆM VỚI ĐỐI TÁC, CỔ ĐÔNG

Công bằng, minh bạch với đối tác và có trách nhiệm với khách hàng. Trong quá trình làm việc, Tập đoàn F.I.T luôn đề cao quy tắc công bằng, minh bạch, hài hòa lợi ích của các bên, phù hợp theo quy định hiện hành và thông lệ thị trường.

Thực hiện cam kết đặt lợi ích của đối tác, cổ đông lên hàng đầu, Tập đoàn F.I.T luôn chú trọng cung cấp sản phẩm, dịch vụ khác biệt, đẳng cấp, dẫn đầu, đảm bảo tính bền vững trong quan hệ với khách hàng.

4.2 PHÁT TRIỂN NHÂN SỰ BỀN VỮNG

• BẢO ĐẢM QUYỀN LỢI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chế độ làm việc

Tập đoàn F.I.T làm việc 8 giờ/ngày, 5 ngày/ tuần (trong đó làm việc 2 buổi sáng thứ 7 cách tuần). CBNV được hưởng chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng nguyên lương theo quy định của Luật Lao động.

Nội quy lao động

Tập đoàn và các Công ty thành viên đều rất chú trọng xây dựng Nội quy lao động theo đúng quy định của Pháp luật. Lương và bảo hiểm, phúc lợi Tập đoàn luôn duy trì mức lương cho CBNV cạnh tranh so với mặt bằng lương chung của các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực trên thị trường, đồng thời tiếp tục chuẩn hóa, tối ưu hóa hệ thống lương, thưởng dựa trên năng lực, kết quả công việc và mức độ đóng góp của từng CBNV đối với Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách lương, thưởng, đãi ngộ đặc biệt cạnh tranh đối với các nhân sự giỏi, có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân CBNV, mặt khác để thu hút nhân tài từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc, đóng góp và phát triển tại Tập đoàn. Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Tập đoàn đã kết hợp với Tập đoàn Bảo hiểm Bảo Việt để xây dựng và triển khai các chương trình, gói bảo hiểm sức khỏe ưu việt dành riêng cho CBNV. Tập đoàn thường xuyên rà soát, điều chỉnh

các chính sách phúc lợi, tạo thêm nhiều đãi ngộ thiết thực cho toàn thể CBNV.

Điều kiện làm việc

Với cam kết xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, Tập đoàn đã bố trí văn phòng làm việc cho CBNV rộng rãi, khang trang. CBNV được cấp phát trang thiết bị làm việc hiện đại, được kiểm tra sức khỏe định kỳ.

Chế độ hỗ trợ

Hỗ trợ điện thoại di động, Hỗ trợ ăn trưa.



• CÁC CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI CHÍNH CỦA TẬP ĐOÀN

Sức khỏe CBNV luôn là một trong những quan tâm hàng đầu của Ban Lãnh đạo Tập đoàn. Bởi vậy, ngoài bảo hiểm y tế, Tập đoàn F.I.T trang bị thêm cho CBNV 01 gói bảo hiểm sức khỏe của hãng bảo hiểm Bảo Việt với nhiều quyền lợi, được chấp thuận chi trả ở nhiều cơ sở khám chữa bệnh cũng như các bệnh viện lớn.

Khám sức khỏe cho toàn thể CBNV được tổ chức hàng năm tại những bệnh viện uy tín, dịch vụ chất lượng cao như Bệnh viện Thu Cúc, Bệnh viện Hồng Ngọc,...

Tặng quà vào những sự kiện quan trọng của mỗi cá nhân như sinh nhật, kết hôn, sinh con, thăm hỏi, tặng quà khi ốm đau, vào các dịp lễ

Tổ chức các hoạt động lễ hội, sinh hoạt tập thể, CBNV cùng gia đình đi tham quan, nghỉ mát

Khen thưởng cho con em CBNV đạt thành tích cao trong học tập, thể thao, nghệ thuật

Xây dựng phòng Gym, phòng Golf 3D với đầy đủ trang thiết bị hiện đại; đáp ứng nhu cầu tập luyện thể dục thể thao nâng cao sức khỏe của CBNV công ty.

Khen thưởng: Tôn trọng con người, đánh giá cao con người phù hợp và trân trọng, tôn vinh những thành công luôn là những giá trị cốt lõi mà Tập đoàn theo đuổi. Nhân sự xuất sắc tháng/quý, Nhân sự xuất sắc năm hay Nhân viên Bán hàng Xuất sắc luôn là những danh hiệu mà mỗi CBNV trong Công ty luôn nỗ lực để đạt được. Đi cùng với những danh hiệu đó là những phần thưởng xứng đáng dành cho mỗi CBNV lên tới hàng nghìn đô.



• CHÚ TRỌNG ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC BỀN VỮNG

Để tổ chức phát triển không ngừng, mỗi cá nhân tại F.I.T luôn không ngừng học tập. Hệ thống

E-Learning được đầu tư công phu, chuyên nghiệp phục vụ nhu cầu đào tạo, nâng cao kỹ năng chuyên môn cũng như kỹ năng mềm của CBNV; các chương trình đào tạo offline cũng thường xuyên được tổ chức. Ngoài ra, thư viện cũng được thiết kế với nhiều đầu sách hấp dẫn; phục vụ nhu cầu đọc, tìm hiểu và bổ sung kiến thức của CBNV.



• XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG GẮN KẾT - VĂN HÓA VỮNG MẠNH

Tập đoàn đặc biệt quan tâm đến hoạt động đoàn thể, chú trọng đến quyền lợi và đời sống tinh thần của toàn thể CBNV. Các hoạt động của Công đoàn được duy trì nhằm tạo môi trường gắn kết, khuyến khích CBNV phát huy năng lực, tăng cường đoàn kết tập thể, xây dựng và phát huy văn hóa doanh nghiệp.

- Vinh danh các tập thể, cá nhân xuất sắc theo quý với nhiều phần thưởng giá trị
- F.I.T Club sinh hoạt tích cực với nhiều hoạt động như: chia sẻ sách, chia sẻ kiến thức chuyên môn, các buổi đào tạo kỹ năng mềm,...
- Cùng thể dục thể thao nâng cao sức khỏe với câu lạc bộ gym, yoga, golf, bóng đá
- Teambuilding hàng năm với nhiều hoạt động gắn kết và không kém phần trí tuệ
- Gala Dinner được tổ chức hàng năm, quy mô công ty và cả quy mô toàn Tập đoàn
- Có từ 2-3 chuyến đi gắn kết vào các dịp như: du xuân, du lịch hè, sinh nhật công ty
- Sinh nhật CBNV không chỉ là dịp ngồi lại cùng nhau chúc mừng các CBNV có sinh nhật trong quý mà còn là dịp để

toàn thể CBNV giao lưu, kết nối, gặp gỡ và giải trí bằng những tiết mục văn nghệ, karaoke

- Góc thư viện với nhiều đầu sách, phục vụ nhu cầu đọc, tìm hiểu kiến thức của CBNV
- Hoạt động văn hóa đa dạng được tổ chức vào những ngày lễ trong năm như: sinh nhật công ty, 08/03, 20/10, Trung thu, Giáng sinh, Tết thiếu nhi, Tết độc lập, mừng năm mới,....



• BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Đầu tư cải tiến trang thiết bị, kỹ thuật hiện đại kết hợp với hệ thống xử lý chất thải hoàn chỉnh nhằm hạn chế tối đa việc phát thải chất gây ô nhiễm.

Sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng bằng các biện pháp: Nâng cao chất lượng quản lý nguồn năng lượng hiện tại; Tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng sạch, năng lượng có thể tái tạo; Sử dụng thiết bị chiếu sáng tiết kiệm năng lượng thay cho các thiết bị cũ.

Sử dụng nguồn nước hiệu quả và tiết kiệm: Nhận thức được nước là một trong những tài nguyên quan trọng nhất của tự nhiên, Tập đoàn F.I.T cam kết sử dụng nguồn tài nguyên này một cách hiệu quả, tiết kiệm. Tập đoàn F.I.T không ngừng nghiên cứu để tìm ra các kỹ thuật và cách sản xuất được

phẩm, hàng tiêu dùng nhanh, chế biến nông sản mới sử dụng tiết kiệm nguồn nước hơn.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
2. Báo cáo kiểm toán độc lập
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

1 ▶ BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

• KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016102 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 3 năm 2007. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 33 lần được cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký

thay đổi về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật, ... trong đó thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 33 ngày 29 tháng 6 năm 2022 về việc thay đổi vốn điều lệ của doanh nghiệp.

• TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG

📍 Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

☎ 024.7309 4688

☎ 024.7309 4686

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản
- Dịch vụ cho thuê văn phòng
- Các dịch vụ: tư vấn đầu tư, tư vấn mua doanh nghiệp (tư vấn M&A), tư vấn cổ phần hóa, tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn phát triển thị trường (không bao gồm tư vấn pháp luật tài chính); Tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý tài chính kinh doanh, tư vấn phát triển nguồn nhân lực (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính); Dịch vụ môi giới bất động sản; bãi đỗ xe và các công trình công cộng.
- Và các ngành nghề kinh doanh khác.

• HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /miễn nhiệm
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Cao Trọng Hoan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2022
Bà Vũ Thị Minh Hoài	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2022
Ông Vũ Anh Trọng	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2022
Ông Đào Hữu Long	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2022
Ông Kiều Hữu Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2022
Ông Phan Minh Sáng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2022
Ông Đỗ Văn Khá	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2022
Ông Bùi Tuấn	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2022
BAN KIỂM SOÁT		
Bà Ngô Thu Trang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Quang Huy	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2022
Ông Võ Đình Bảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2022

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /miễn nhiệm
BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ		
Ông Nguyễn Đăng Vượng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2022
Ông Đỗ Sơn Tùng	Chuyên viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2022 - Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2023
Ông Phạm Đình Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2022
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG		
Bà Nguyễn Thị Hoài	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 01 năm 2022 - Miễn nhiệm ngày 04 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 01 năm 2022
Bà Vũ Thị Minh Hoài	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2021
Ông Nguyễn Ngọc Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Bản	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2023
Ông Lê Việt Cường	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 09 năm 2022
Bà Ninh Thị Phương	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 09 năm 2022
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT		
Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:		
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Từ ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Hoài	Tổng Giám đốc	Từ ngày 04 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Tổng Giám đốc	Từ ngày 05 tháng 01 năm 2022 đến ngày 04 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Tổng Giám đốc	Đến ngày 05 tháng 01 năm 2022

Bà Nguyễn Thị Hoài đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn Bản – Phó Tổng Giám đốc ký báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

• KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.

• TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

• Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác. Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

• PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TUQ Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Bản
Ngày 31 tháng 3 năm 2023



2 ▶ BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2023, từ trang 07 đến trang 62, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

• TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

• TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

• TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

• TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 vào ngày 15 tháng 02 năm 2022 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội

Vũ Minh Khôi - Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1
Người được ủy quyền
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4028-2022-008-1



3 ▶ BÁO CÁO HỢP NHẤT BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Dạng đầy đủ)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - Tài sản ngắn hạn	100		4,691,054,841,743	3,695,008,674,324
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	129,067,828,987	162,433,758,581
1. Tiền	111		-	136,087,813,376
2. Các khoản tương đương tiền	112			26,345,945,205
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		601,507,157,420	1,303,653,590,635
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	183,020,000,000	374,763,603,135
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(5,418,875,000)	(4,939,112,500)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	423,906,032,420	933,829,100,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3,515,818,869,187	1,813,858,581,472
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	496,684,408,742	358,025,372,572
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	121,274,144,998	71,726,292,109
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.7	34,265,504,000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	2,976,196,845,086	1,474,992,808,222
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(112,602,033,639)	(90,885,891,431)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	139	-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	385,691,962,736	370,081,201,886
Hàng tồn kho	141		395,579,997,486	374,698,543,779
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9,888,034,750)	(4,617,341,893)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		58,969,023,413	44,981,541,750
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	10,183,933,813	4,160,534,794
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		48,171,307,156	38,478,469,382
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	613,782,444	2,342,537,574
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - Tài sản dài hạn	200		2,306,657,414,170	2,289,072,511,585
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1,888,200,000	31,331,200,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	-	29,848,000,000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	1,888,200,000	1,483,200,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - Tài sản dài hạn	200		2,306,657,414,170	2,289,072,511,585
II. Tài sản cố định	220		642,144,959,233	672,353,907,543
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	523,007,934,939	571,753,976,233
Nguyên giá	222		1,246,286,030,281	1,244,648,467,364
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(723,278,095,342)	(672,894,491,131)
2. Nguyên giá	224		20,619,306,398	-
Nguyên giá	225		20,968,786,167	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(349,479,769)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	98,517,717,896	100,599,931,310
Nguyên giá	228		111,623,299,897	111,708,999,897
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13,105,582,001)	(11,109,068,587)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	108,935,642,225	110,381,823,438
1. Nguyên giá	231		122,172,433,422	122,545,141,615
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(13,236,791,197)	(12,163,318,177)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		222,646,192,931	41,995,614,748
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.13	10,124,764,609	10,052,984,654
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	212,521,428,322	31,942,630,094
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		707,856,564,950	741,434,059,682
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	639,524,353,700	649,421,848,432
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	68,332,211,250	92,012,211,250
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		623,185,854,831	691,575,906,174
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	43,205,547,879	33,133,105,569
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		6,204,085,258	2,701,151,451
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.15	573,776,221,694	655,741,649,154
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6,997,712,255,913	5,984,081,185,909

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - Nợ phải trả	100		4,691,054,841,743	3,695,008,674,324
I. Nợ ngắn hạn	310		953,671,059,756	1,217,443,957,080
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	55,439,479,767	89,483,695,116
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6,584,644,491	5,407,400,493
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	25,460,505,305	26,716,438,874
4. Phải trả người lao động	314		32,983,732,044	33,638,116,040
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	36,867,876,134	21,430,010,397
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		113,332,568	126,345,767
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	75,709,055,345	292,034,435,977
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	707,149,082,629	735,282,989,212
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13,363,351,473	13,324,525,204
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Tài sản dài hạn	330		179,475,575,239	125,360,180,911
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		10,623,430,430	14,320,552,544
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	160,974,606,995	106,561,019,632
Trái phiếu chuyển đổi	339	V.20b	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		7,877,537,814	4,478,608,735
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - Nguồn vốn chủ sở hữu	400		5,864,565,620,918	4,641,277,047,918
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	5,864,565,620,918	4,641,277,047,918
Vốn góp của chủ sở hữu	411		3,399,330,340,000	2,627,302,470,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3,399,330,340,000	2,627,302,470,000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		74,895,160,642	75,260,693,198
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		80,481,887,391	80,481,887,391
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		646,388,781	646,388,781
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		293,405,349,182	493,708,529,535
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		248,903,120,302	345,264,148,800
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		44,502,228,880	148,444,380,735
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2,015,806,494,922	1,363,877,079,013
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6,997,712,255,913	5,984,081,185,909

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2023
TUQ Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thương

Lê Việt Cường



Nguyễn Văn Bản

3 ▶ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Dạng đầy đủ)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,952,147,705,469	1,236,894,840,351
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	34,938,161,041	16,333,953,136
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1,917,209,544,428	1,220,560,887,215
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1,458,235,418,289	914,096,834,939
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		458,974,126,139	306,464,052,276
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	220,002,945,181	429,906,933,445
Chi phí tài chính	22	VI.5	105,879,229,879	165,562,667,287
Trong đó: chi phí lãi vay	23		59,162,043,989	43,680,412,811
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(9,897,494,732)	(9,916,453,762)
Chi phí bán hàng	25	VI.8	220,922,946,690	139,368,317,397
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9	230,772,885,147	151,248,465,406
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		111,504,514,872	270,275,081,869
Thu nhập khác	31	VI.6	7,256,647,058	8,930,778,349
Chi phí khác	32	VI.7	2,986,204,508	763,492,165
Lợi nhuận khác	40		4,270,442,550	8,167,286,184
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		115,774,957,422	278,442,368,053
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	44,274,559,798	53,771,360,830
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(104,004,728)	(6,800,183,452)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		71,604,402,352	231,471,190,675
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		48,289,456,878	157,968,627,218
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		23,314,945,474	73,502,563,457
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	152	562
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	152	562

4 ▶ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Dạng đầy đủ)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		115,774,957,422	278,442,368,053
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		3,399,330,340,000	2,627,302,470,000
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		74,895,160,642	75,260,693,198
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		80,481,887,391	80,481,887,391
Chi phí lãi vay	06		-	-
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		291,446,574,770	158,986,641,371
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1,708,783,723,381)	(160,221,218,576)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(20,734,673,954)	(70,065,984,704)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(306,675,910,261)	206,260,967,527
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(14,658,773,421)	773,718,932
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		191,743,603,135	(148,938,513,482)
Tiền lãi vay đã trả	14		(60,205,922,843)	(43,646,733,007)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(45,260,292,507)	(50,352,325,061)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2,500,000	189,000,000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2,880,041,006)	(1,520,405,200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1,676,006,659,468)	(108,534,852,200)

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2023
TUQ Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thương

Lê Việt Cường



Nguyễn Văn Bản

4 ▶ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Dạng đầy đủ)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(258,203,158,488)	(158,342,297,034)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2,527,876,078	2,527,876,078
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(302,700,032,420)	(302,700,032,420)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		878,503,100,000	878,503,100,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(185,912,851,600)	(185,912,851,600)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		266,606,077,400	266,606,077,400
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		68,441,436,634	68,441,436,634
8. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		469,262,447,604	469,262,447,604
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1,153,765,767,444	105,013,500,000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		3,246,426,496,020	5,513,193,934,198
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3,221,562,686,920)	(5,640,947,824,609)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5,238,455,320)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1,173,391,121,224	(22,740,390,411)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(33,353,090,640)	102,790,307,540
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	162,433,758,581	59,677,188,408
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(12,838,954)	(33,737,367)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	129,067,828,987	162,433,758,581

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2023
TUQ Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thương

Lê Việt Cường



Nguyễn Văn Bản

5 ▶ BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

2. LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ là Đầu tư tài chính, tư vấn tài chính và dịch vụ cho thuê bất động sản.

3. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ là:
- Kinh doanh bất động sản

- Dịch vụ cho thuê văn phòng

- Các dịch vụ: tư vấn đầu tư, tư vấn mua doanh nghiệp (tư vấn M&A), tư vấn cổ phần hóa, tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn phát triển thị trường (không bao gồm tư vấn pháp

luật tài chính); Tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý tài chính kinh doanh, tư vấn phát triển nguồn nhân lực (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính); Dịch vụ môi giới bất động sản; bãi đỗ xe và các công trình công cộng.

- Các ngành nghề kinh doanh khác.

4. CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn thông thường là trong vòng 12 tháng.

5. CẤU TRÚC TẬP ĐOÀN

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 15 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Góp vốn thêm vào công ty con cấp 1

Trong năm, Công ty mẹ đã góp thêm 645.904.990.000 VND, tương đương 64.590.499 cổ phần phát hành mới của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T, nâng tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tăng từ 99,69% lên 99,90%.

Thay đổi tỷ lệ lợi ích trong công ty con cấp 1

Trong năm, Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long đã phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, tuy nhiên, Công ty mẹ không thực hiện quyền mua, dẫn đến tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Tập đoàn tại Công ty con giảm từ 72,07% xuống 58,05%.

Góp vốn thành lập Công ty con cấp 2

Trong năm, Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T đã đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Charlotte có trụ sở chính tại số Tầng 5 - Tòa Times Tower, số 35 đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ lợi ích của Công ty tại Công ty con này là 98,61%, tỷ lệ quyền biểu quyết theo thỏa thuận góp vốn là 98,71%.

Góp vốn thêm vào công ty con cấp 2

Cuối tháng 5 năm 2022, Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (công ty con cấp 1) góp thêm 160.037.500.000 VND, tương đương 16.003.750 cổ phần vào Công ty Cổ phần FIT Consumer (công ty con cấp 2), làm thay đổi tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn từ 51,74% giảm còn 50,57% và lợi ích của cổ đông không kiểm soát tăng tương ứng.

Mua thêm vốn góp tại công ty con cấp 2

Từ ngày 25 tháng 5 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty Cổ phần FIT Consumer (công ty con cấp 2) đã mua từ các cổ đông không kiểm soát 2.085.510 cổ phần của Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa ("VKD") (công ty con của công ty con cấp 2), làm thay đổi tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn tăng từ 26,38% lên 48,34%. Giá mua thêm được thanh toán bằng tiền cho các cổ đông không kiểm soát, số tiền 185.912.851.600 VND. Chênh lệch giữa giá mua với giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm được xác định như sau:

VND	
Giá trị ghi sổ của tài sản thuần của VKD (không bao gồm lợi thế thương mại) tại ngày mua	192.666.795.125
Giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm (6,38%) (a)	12.292.141.529
Giá mua (b)	185.912.851.600
Chênh lệch (b) – (a)	173.620.710.071

Trong đó:

Ghi nhận vào "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Tập đoàn

55.780.786.265

Ghi nhận vào "Lợi ích cổ đông không kiểm soát"

117.839.923.806

Thoái đầu tư nhưng không mất quyền kiểm soát

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây (WFC) đã bán 8.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Hạt giống TSC ("TSS") cho các cổ đông không kiểm soát, làm tỷ lệ lợi ích của nhóm Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ tại công ty con này giảm từ 98,00% xuống còn 57,63% từ ngày này. Chênh lệch giữa giá bán với giá trị ghi sổ của phần sở hữu bán ra được xác định như sau:

VND	
Giá trị ghi sổ của tài sản thuần của TSS tại ngày bán	188.128.655.420
Giá trị ghi sổ của phần sở hữu bán ra (40,37%) (a)	75.937.889.706
Giá bán (b)	68.000.000.000
Chênh lệch (b) – (a)	(7.937.889.706)

Trong đó:

Ghi nhận vào "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Tập đoàn

(4.414.459.260)

Ghi nhận vào "Lợi ích cổ đông không kiểm soát"

(3.523.430.446)

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, Nhóm Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ đã bán 15.385.479 cổ phần Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây (WFC), giảm tỷ lệ vốn góp tại công ty con này xuống còn 45% từ ngày này, giá chuyển nhượng 163.086.077.400 VND và được thu bằng tiền. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi tăng 162.845.322.494 VND theo tỷ lệ trên tài sản thuần. Chênh lệch giữa giá chuyển nhượng với giá trị ghi sổ phần tài sản thuần chuyển nhượng cho cổ đông không kiểm soát là 240.754.906 VND được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Công ty con cấp 1

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (i)	1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Kinh doanh các sản phẩm từ nông nghiệp	41,07%	41,07%	41,07%	41,07%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Số 150 đường 14 tháng 9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh dược phẩm, thiết bị y tế	58,05%	58,05%	72,07%	72,07%
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	Tầng 5 - Tòa Times Tower, số 35 đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	Xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	Tầng 5 - Tòa Times Tower, số 35 đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	99,90%	99,90%	99,69%	99,69%

(i) Mặc dù tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông của Công ty mẹ tại Công ty con chỉ đạt 41,07% tuy nhiên Công ty vẫn là công ty mẹ do có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

Công ty con cấp 2

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Các công ty con của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ						
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Miền Tây (viết tắt là WFC)	KCN Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV4, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Chế biến, xuất nhập khẩu nông sản	18,48%	45,00%	39,37%	95,87%
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC	1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Kinh doanh hạt giống	23,67%	98,68%	40,25%	99,74%
Công ty Cổ phần FIT Consumer (*)	1D, Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ	Kinh doanh hàng hóa tiêu dùng	50,60%	100,00%	51,74%	100%
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nông Tín	276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng	31,90%	77,67%	31,90%	77,67%
Các công ty con của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long						
Công ty Liên doanh sản xuất kinh doanh, XNK Dược phẩm và Trang thiết bị y tế	Số 11, đường Lanexang, bản Hatsady, quận Chanthabory, Lào	Giới thiệu thuốc	29,61%	51,00%	36,76%	51,00%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC-Sài Gòn	Số 150 đường 14 tháng 9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh dược phẩm, dụng cụ y tế	58,05%	100,00%	72,07%	100,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	Số 276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm, capsule các loại	58,04%	99,98%	72,03%	99,93%
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas (*)	Số 150 đường 14 tháng 9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất và kinh doanh dụng cụ, trang thiết bị, y tế	58,05%	100,00%	72,07%	100,00%
Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas	Tầng 5, tòa nhà HACC1 Complex tại lô 2.6, đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	48,76%	84,00%	39,64%	55,00%
Các công ty con của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long						
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Charlotte	Tầng 5, tòa nhà HACC1 Complex tại lô 2.6, đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	98,61%	98,71%	-	-
Công ty con của Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Miền Tây						
Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang	KCN Sông Hậu – Giai đoạn 1, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Chế biến nông sản	18,11%	98,00%	38,58%	98,00%
Công ty con của Công ty Cổ phần FIT Consumer						
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (ii)	Xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất nước khoáng và các sản phẩm từ nước khoáng, kinh doanh dịch vụ	48,34%	95,53%	26,38%	78,85%

(*) Công ty Cổ phần FIT Consumer, Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas: Toàn bộ cổ đông của các công ty này là các đơn vị thành viên của Tập đoàn. Do đó, Tập đoàn chiếm 100% quyền biểu quyết trong các công ty này.

Tỷ lệ (%) quyền biểu quyết của Tập đoàn tại công ty con cấp 2 được tính như sau:

$$\begin{matrix} \text{Tỷ lệ (\%)} \text{ quyền biểu} \\ \text{quyết của Tập đoàn} \\ \text{tại công ty con cấp 2} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Tỷ lệ (\%)} \text{ quyền biểu quyết} \\ \text{của công ty Mẹ} \\ \text{tại công ty con cấp 2} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Tỷ lệ (\%)} \text{ quyền biểu quyết} \\ \text{của các công ty con} \\ \text{tại công ty con cấp 2} \end{matrix}$$

Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn tại các công ty con cấp 2 được tính như sau:

$$\begin{matrix} \text{Tỷ lệ (\%)} \text{ lợi ích của} \\ \text{Tập đoàn tại công ty} \\ \text{con cấp 2} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Tỷ lệ (\%)} \text{ lợi ích trực tiếp} \\ \text{của Tập đoàn (Công ty} \\ \text{Mẹ) tại công ty con cấp 2} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Tỷ lệ (\%)} \text{ lợi ích gián tiếp} \\ \text{của Tập đoàn} \\ \text{tại công ty con cấp 2} \end{matrix}$$

$$\begin{matrix} \text{Tỷ lệ (\%)} \text{ lợi ích gián tiếp} \\ \text{của Tập đoàn} \\ \text{tại công ty con cấp 2} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Tỷ lệ (\%)} \text{ lợi ích của} \\ \text{Công ty mẹ tại} \\ \text{công ty con cấp 1} \end{matrix} \times \begin{matrix} \text{Tỷ lệ (\%)} \text{ lợi ích của} \\ \text{công ty con cấp 1 tại} \\ \text{công ty con cấp 2} \end{matrix}$$

Tình hình hoạt động của các công ty con trong năm

Tình hình hoạt động của các công ty con trong năm không có sự thay đổi bất thường so với cùng kỳ năm trước.

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics (i)	276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối ngành hóa mỹ phẩm	24,79%	25,35%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Cap Padaran Mũi Dinh (ii)	Lầu 4 tòa nhà Sacombank 757 đường Thống Nhất, Phường Kinh Dinh, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải, dịch vụ lưu trú ngắn ngày, dịch vụ ăn uống phục vụ lưu	49,95%	49,84%	50,00%	50,00%

(i) Công ty liên kết của Công ty Cổ phần FIT Consumer

(ii) Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T

6. TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. NHÂN VIÊN

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 1.976 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 2.122 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm

2. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

• 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

4a. Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Đối với cổ phiếu không niêm yết, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của Công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân.

4b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4c. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4d. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

• 5. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

• 6. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ; chi phí cấp phép khai thác mỏ nước; chi phí dự án WestFood Hậu Giang. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

7a. Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7b. Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước

Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước của Tập đoàn bao gồm:

- Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Đánh Thạnh được Công ty đóng 02 năm một lần, chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 24 tháng.
- Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Suối Dầu chưa được phân bổ do chưa bắt đầu khai thác.

7c. Chi phí Dự án Westfood Hậu Giang chưa hoạt động

Chi phí dự án Westfood Hậu Giang hiện đang được tập hợp chi phí và chưa được phân bổ do dự án chưa chính thức đi vào hoạt động.

7d. Chi phí trả trước khác

Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn hiệu lực của loại chi phí đó.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 20
Máy móc thiết bị	03 – 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định khác	10 – 20

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

9a. Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong theo thời gian giao đất (từ 36 đến 38 năm). Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

9b. Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Các bất động sản đầu tư là nhà cửa, vật kiến trúc được khấu hao trong vòng 25-47 năm.

Tập đoàn không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài được ghi nhận là bất động sản đầu tư và bất động sản đầu tư nằm giữ chờ tăng giá.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày năm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

• 13. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

▪ Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.

▪ Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

▪ Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

• 14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14a. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

14b. Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

• 15. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/Lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

• 16. GHI NHẬN DOANH THU VÀ THU NHẬP

16a. Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

16b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

16c. Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

16d. Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16e. Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

• 17. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

• Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.

• Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

• 18. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

• 19. CÁC KHOẢN CHI PHÍ

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

• 20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

20a. Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20b. Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế; hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trong yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

• 21. BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

• 22. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

• 1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	792.249.584	698.739.114
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	128.275.579.403	135.389.074.262
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	-	26.345.945.205
Cộng	129.067.828.987	162.433.758.581

• 2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu	183.020.000.000	(5.418.875.000)	-	323.556.877.135	(4.939.112.500)	-
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	5.715.014	-	5.715.014
Cổ phiếu sàn UPCOM	6.125.000.000	(5.418.875.000)	706.125.000	6.125.000.000	(4.939.112.500)	1.185.887.500
Cổ phiếu không niêm yết	176.895.000.000	-	-	317.426.162.121	-	-
Trái phiếu						
Trái phiếu Ngân hàng	-	-	-	51.206.726.000	-	51.206.726.000
TMCP Công thương Việt Nam	-	-	-	-	-	-
Cộng	183.020.000.000	(5.418.875.000)	-	51.206.726.000	-	51.206.726.000

Thông tin về trái phiếu

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, Công ty mẹ đã chuyển nhượng 50 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, tổng giá trị chuyển nhượng 51.421.373.350 VND, lãi 214.647.350 VND.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.939.112.500	5.410.754.674
Trích lập dự phòng bổ sung	479.762.500	(471.642.174)
Số cuối năm	5.418.875.000	4.939.112.500

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)

Các khoản đầu tư sau đây đều có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	409.906.032.420	-	670.567.100.000	-
Chứng chỉ tiền gửi (ii)	14.000.000.000	-	208.262.000.000	-
Trái phiếu	-	-	55.000.000.000	-
Cộng	423.906.032.420	-	933.829.100.000	-

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng Thương mại, lãi suất dao động từ 3,7%/năm đến 8,3%/năm. Trong đó:

- Tổng giá trị các khoản tiền gửi đang cầm cố thế chấp đảm bảo cho các khoản vay nợ của Công ty mẹ tại các Ngân hàng Thương mại là 210.206.000.000 VND.

- Tổng giá trị các khoản tiền gửi đang cầm cố thế chấp đảm bảo cho các khoản vay nợ của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long tại các Ngân hàng Thương mại là 131.600.032.420 VND.

(ii) Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng với lãi suất 7,00%/năm.

2c. Đầu tư vào công ty liên kết

	Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Công ty Cổ phần Cap Padaran Mũi Dinh	Cộng
Số cuối năm			
Giá gốc	383.137.080.000	322.920.000.000	706.057.080.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(71.078.929.107)	4.546.202.807	(66.532.726.300)
Cộng	312.058.150.893	327.466.202.807	639.524.353.700
Số đầu năm			
Giá gốc	383.137.080.000	322.920.000.000	706.057.080.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(59.431.098.736)	2.795.867.168	(56.635.231.568)
Cộng	323.705.981.264	325.715.867.168	649.421.848.432

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Công ty Cổ phần Cap Padaran Mũi Dinh	Cộng
Giá trị phần sở hữu đầu năm	323.705.981.264	325.715.867.168	649.421.848.432
Phần lãi hoặc lỗ trong năm	(11.647.830.371)	1.750.335.639	(9.897.494.732)
Giá trị phần sở hữu cuối năm	312.058.150.893	327.466.202.807	639.524.353.700

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Công ty Cổ phần FIT Cosmetics hoạt động chính trong năm là phân phối độc quyền các mặt hàng hóa, mỹ phẩm của Công ty Cổ phần Today Cosmetic. Công ty bị lỗ trong năm và có lỗ lũy kế.

Công ty Cổ phần Cap Padaran Mũi Dinh hoạt động chính trong năm là kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày và hợp tác đầu tư.

Giao dịch với các công ty liên kết: Xem Thuyết minh VII.1

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt	66.060.031.250	(*)	66.060.031.250	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng (i)	-	-	23.680.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ngô Việt Nam	2.272.180.000	(*)	2.272.180.000	(*)
Cộng	68.332.211.250	(*)	92.012.211.250	(*)

(i) Trong năm, Tập đoàn đã bán toán bộ 2.368.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng cho Bà Nguyễn Thị Hương, giá bán 35.520.000.000 VND, lãi 11.840.000.000 VND.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không niêm yết, do chưa có đủ các thông tin cần thiết cũng như chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý để đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

• 3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	5.141.249.507	4.790.917.248
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	5.141.249.507	4.742.453.635
Công ty Cổ phần Đầu tư Dũng Tâm	-	48.463.613
Phải thu khách hàng về thanh lý các khoản đầu tư (*)	117.973.337.600	73.796.800.000
Các khách hàng khác	117.973.337.600	73.796.800.000
Phải thu các khách hàng khác	373.569.821.635	279.437.655.324
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại SJ	51.721.740.000	-
Các khách hàng khác	321.848.081.635	279.437.655.324
Cộng	496.684.408.742	358.025.372.572

(*) Đến thời điểm lập báo cáo tài chính, khách hàng đã thanh toán cho Tập đoàn tổng số tiền là 109.413.337.600 VND

• 4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Growena Impex Company	9.992.687.271	30.623.047.678
Công ty cổ phần Confitech Cửu Long	9.250.000.000	7.250.000.000
Segae Precision Co., Ltd	-	6.829.481.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam	35.076.789.032	-
Công ty TNHH Akums Drugs And Pharmaceuticals	11.481.898.135	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	19.660.806.813	-
Các nhà cung cấp khác	35.811.963.747	27.023.763.431
Cộng	121.274.144.998	71.726.292.109

• 5. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

Là khoản cho vay theo Hợp đồng ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng và Kinh doanh Nhà Sài Gòn (bên liên quan) và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T (công ty con), lãi suất 14,8%, thời hạn vay 36 tháng. Mục đích cho vay để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng và Kinh doanh Nhà Sài Gòn. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

• 6. PHẢI THU KHÁC

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	270.622.221.859		280.970.749.823	
Phải thu gốc hợp tác đầu tư	259.176.903.934		250.526.234.800	
Ông Cao Trọng Hoan (iii)	217.181.599.184		190.026.234.800	
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics (ii)	7.600.000.000		35.090.000.000	
Công ty Cổ phần Today Cosmetics (ii)	33.910.000.000		25.410.000.000	
Phải thu lãi hợp tác đầu tư và cho vay	6.193.329.765		25.174.314.230	
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	467.835.616		1.535.397.261	
Công ty Cổ phần Today Cosmetics	3.379.526.787		1.123.225.075	
Công ty Cổ phần Mũi Dinh Ecopark	-		2.887.726	
Ông Cao Trọng Hoan	539.752.856		20.939.446.579	
Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng và Kinh doanh Nhà Sài Gòn	1.806.214.506		1.573.357.589	
Các khoản thu hộ, chi hộ	5.251.988.160		5.270.200.793	
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	5.251.988.160		5.270.200.793	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2.706.059.927.977	(3.500.000.000)	1.194.022.058.399	(3.715.143.728)
Phải thu gốc hợp tác đầu tư (ii)	2.054.990.459.944	-	660.155.268.778	(215.143.728)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam (ii)	387.000.000.000		136.701.166.298	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Phố Hiến Việt Nam(ii)	491.530.000.000		245.385.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt (ii)	394.735.000.000		109.850.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng(ii)	419.900.000.000		-	
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư KVN Việt Nam(ii)	40.000.000.000		-	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Du lịch Crystal Bay (ii)	55.900.000.000		-	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành (ii)	100.000.000.000		-	
Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest (ii)	-	-	100.000.000.000	
Nguyễn Ngọc Bích (iii)	135.925.459.944	-		

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyễn Trương Ban	-	-	215.143.728	(215.143.728)
Võ Đình Bảo(iii)	30.000.000.000	-	-	
Lê Hồng Phương (iv)- Ủy thác đầu tư	68.587.871.252	-	68.003.958.752	
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	11.164.975.367	-	-	-
Tiền lãi từ hợp tác đầu tư, cho vay	40.139.177.321	-	41.589.054.328	-
Ký cược, ký quỹ	176.138.288.735	-	4.268.902.335	-
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	40.705.472.430	-	5.166.337.357	-
Phải thu khoản ứng tiền làm thủ tục xây dựng nhà máy sản Bình Định (i)	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	314.333.682.928		482.842.495.601	
Cộng	2.976.196.845.086	(3.500.000.000)	1.474.992.808.222	(3.715.143.728)

(i) Phải thu khoản tiền ứng làm thủ tục xây dựng nhà máy Sản Bình Định, đã trích dự phòng 100% do không có khả năng thu hồi.

(ii) Các hợp đồng hợp tác đầu tư với các bên liên quan khác và các tổ chức kinh tế không phải bên liên quan bao gồm hai nhóm hợp đồng như sau:

- Các hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn hợp tác từ 6 tháng đến 12 tháng, Tập đoàn được hưởng lợi nhuận tại thời điểm cuối năm là từ 5,1% - 15%/năm (lợi nhuận đầu năm: 5,1% - 12,00%/năm). Các hợp đồng hợp tác được đảm bảo bằng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bất động sản mà bên đối tác đầu tư.

- Các khoản hợp tác đầu tư không có thời hạn giữa Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (“TSC”) với các bên nhằm mục đích đầu tư bất động sản. Lợi nhuận từ việc đầu tư này được phân chia theo tỷ lệ góp vốn giữa các bên. Trong đó, tỷ lệ góp vốn của TSC trong các hợp đồng từ 94,52% đến 95%. Các hợp đồng hợp tác được đảm bảo bằng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bất động sản mà bên đối tác đầu tư.

(iii) Các hợp đồng hợp tác đầu tư với các cá nhân là bên liên quan và không phải là bên liên quan bao gồm các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng hợp tác với Ông Cao Trọng Hoan với các đơn vị trong Tập đoàn với mục đích hợp tác đầu tư đem lại hiệu quả kinh doanh cao nhất thông qua hợp tác đầu tư vào Bất động sản tại thị trường Hồ Chí Minh. Tài sản đảm bảo là các dự án hợp tác theo quy định của hợp đồng hợp tác, và mọi tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông Cao Trọng Hoan. Lợi nhuận được phân chia cuối năm khi phát sinh doanh thu hoặc hưởng theo lãi suất là 13,5%/năm tùy theo từng hợp đồng.

- Các hợp đồng hợp tác đầu tư với Ông Nguyễn Ngọc Bích nhằm mục đích đầu tư vào bất động sản. Lợi nhuận Công ty được hưởng không nhỏ hơn 6%/năm tính trên Vốn góp của Công ty tại Hợp đồng hợp tác đầu tư.

- Các hợp đồng hợp tác đầu tư với ông Võ Đình Bảo nhằm mục đích đầu tư đem lại hiệu quả kinh doanh cao trên thị trường tài chính, bất động sản. Lợi nhuận Công ty được hưởng trong hợp đồng hợp tác đầu tư này là 12%/năm.

(iv) Khoản phải thu bà Lê Hồng Phương theo Hợp đồng ủy thác đầu tư số 01-19012021/HD-FITLAND_LHPHUONG ngày 19 tháng 01 năm 2021 và các phụ lục đã ký nhằm mục đích đầu tư vào các bất động sản.

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.888.200.000	1.483.200.000

• 7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	116.388.395	(81.471.876)		
Công ty cổ phần Fit Cosmetics	116.388.395	(81.471.876)	-	-
Phải thu khách hàng	152.759.080.613	(96.029.626.422)	87.058.773.093	(75.206.010.206)
DNTN Trung Đông	3.520.000.000	(3.520.000.000)	3.520.000.000	(3.520.000.000)
Maxwill (Asia) Pte Ltd	3.508.884.959	(3.508.884.959)	3.508.884.959	(3.508.884.959)
Đại lý Nguyễn Danh Nhân			1.953.000.000	(1.953.000.000)
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại SJ	51.721.740.000	(14.016.266.460)	-	-
Công ty TNHH Dược Phẩm Thiên Sơn	16.428.897.499	(16.428.897.499)	16.428.897.499	(16.428.897.499)
Công ty TNHH Dược Phẩm Hải Tâm	4.976.554.629	(4.976.554.629)	4.976.554.629	(4.976.554.629)
MEDICAL SUPPLY Pharm Enterprise	3.303.752.851	(3.303.752.851)		
Các khách hàng khác	69.299.250.675	(50.275.270.024)	56.671.436.006	(44.818.673.119)
Phải thu khác	9.538.465.305	(9.538.465.305)	3.500.000.000	(9.512.267.461)
Ông Đỗ Văn Tâm	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.688.975.103	(1.688.975.103)	6.012.267.461	(6.012.267.461)
Phải thu các khoản chi hộ	3.717.599.787	(3.717.599.787)	-	-
Phải thu tiền tạm ứng	631.890.415	(631.890.415)	-	-
Trả trước cho người bán	6.952.470.036	(6.952.470.036)	5.952.470.036	(5.952.470.036)
Công ty TNHH MTV Nông sản Tân Thái Phong	2.640.025.020	(2.640.025.020)	2.640.025.020	(2.640.025.020)
Công ty TNHH Hoàng Loan			1.777.799.211	(1.777.799.211)
Các đối tượng khác	4.312.445.016	(4.312.445.016)	1.534.645.805	(1.534.645.805)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	215.143.728	(215.143.728)
Ông Nguyễn Trương Ban	-	-	215.143.728	(215.143.728)
Cộng	173.715.894.551	(112.602.033.639)	96.726.386.857	(90.885.891.431)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	90.885.891.431	87.575.846.139
Trích lập dự phòng bổ sung	26.344.489.907	2.526.592.759
Sử dụng dự phòng để xóa nợ	(361.374.449)	-
Hoàn nhập dự phòng	(4.266.973.250)	(1.659.035.151)
Tăng do hợp nhất	-	2.442.487.684
Số cuối năm	112.602.033.639	90.885.891.431

• 8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	2.143.051.886	-	18.656.748.481	-
Nguyên liệu, vật liệu	192.285.910.815	(6.570.821.095)	161.262.538.638	(3.143.025.975)
Công cụ, dụng cụ	10.951.915.748	-	10.724.737.924	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.642.390.385	-	18.114.942.150	-
Thành phẩm	182.214.643.185	(3.213.415.907)	160.180.622.326	(1.394.166.976)
Hàng hóa	6.342.085.467	(103.797.748)	5.758.954.260	(80.148.942)
Cộng	395.579.997.486	(9.888.034.750)	374.698.543.779	(4.617.341.893)

Một số nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 60.000.000.000 VND (số đầu năm là 60.000.000.000 VND) đã được dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.617.341.893	9.099.976.658
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng bổ sung	5.270.692.857	(4.482.634.765)
Số cuối năm	9.888.034.750	4.617.341.893

• 9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	1.441.485.002	913.048.249
Chi phí chuyển giao công nghệ nhà máy Thạch đừa	-	1.090.434.865
Chi phí tư vấn, quản lý và xây dựng chiến lược thương hiệu nhãn hàng Vikoda (T.P.G)	7.182.158.384	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.560.290.427	2.157.051.680
Cộng	10.183.933.813	4.160.534.794

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dự án Westfood Hậu Giang chưa hoạt động	10.734.868.979	9.294.706.263
Chi phí công cụ dụng cụ	9.737.958.384	8.321.857.700
Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước	11.106.055.750	9.701.718.250
Chi phí chuyển giao công nghệ nhà máy Thạch đừa	817.826.149	-
Chi phí tư vấn, quản lý và xây dựng chiến lược thương hiệu nhãn hàng Vikoda (T.P.G)	6.616.365.833	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	4.192.472.784	5.814.823.356
Cộng	43.205.547.879	33.133.105.569

• 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	307.085.302.509	862.947.437.018	59.115.875.036	15.402.443.155	97.409.646	1.244.648.467.364
Mua trong năm	4.433.616.841	18.925.461.795	13.387.686.709	1.988.975.393	-	38.735.740.738
Đầu tư XDCB hoàn thành	500.000.000	-	-	-	-	500.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(3.000.257.921)	(29.885.716.135)	(2.313.490.752)	(1.544.760.441)	-	(36.744.225.249)
Giảm khác	-	(817.952.572)	(36.000.000)	-	-	(853.952.572)
Số cuối năm	309.018.661.429	851.169.230.106	70.154.070.993	15.846.658.107	97.409.646	1.246.286.030.281
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn SD	53.147.119.816	306.344.107.139	21.065.805.610	7.953.316.592	97.409.646	388.607.758.803
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	137.316.645.792	489.613.079.560	34.707.758.184	11.159.597.949	97.409.646	672.894.491.131
Khấu hao trong năm	16.614.884.368	42.938.475.281	4.698.724.633	1.790.668.710	-	66.042.752.992
Thanh lý, nhượng bán	(2.845.215.043)	(9.190.467.470)	(1.498.290.757)	(1.271.222.939)	-	(14.805.196.209)
Giảm khác	-	(817.952.572)	(36.000.000)	-	-	(853.952.572)
Số cuối năm	151.086.315.117	522.543.134.799	37.872.192.060	11.679.043.720	97.409.646	723.278.095.342
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	169.768.656.717	373.334.357.458	24.408.116.852	4.242.845.206	-	571.753.976.233
Số cuối năm	157.932.346.312	328.626.095.307	32.281.878.933	4.167.614.387	-	523.007.934.939

Giá trị còn lại của tài sản cố định để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2022 với giá trị là 342.911.817.916 VND.

• 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bản sắc thương hiệu (*)	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	107.185.506.364	988.680.000	3.534.813.533	111.708.999.897
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(85.700.000)	(85.700.000)
Số cuối năm	107.185.506.364	988.680.000	3.449.113.533	111.623.299.897
Trong đó:			775.616.700	775.616.700
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-			
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	8.926.833.162	277.380.218	1.904.855.207	11.109.068.587
Khấu hao trong năm	1.651.416.866	49.433.992	381.362.556	2.082.213.414
Thanh lý, nhượng bán	-		(85.700.000)	(85.700.000)
Số cuối năm	10.578.250.028	326.814.210	2.200.517.763	13.105.582.001
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	98.258.673.202	711.299.782	1.629.958.326	100.599.931.310
Số cuối năm	96.607.256.336	661.865.790	1.248.595.770	98.517.717.896
Trong đó:	-	-	-	-
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-

(*) Là bản sắc thương hiệu Dược Cửu Long
Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2022 là 9.412.672.825 đồng.

• 12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	71.652.812.923	50.892.328.692	122.545.141.615
Giảm khác	(372.708.193)	-	(372.708.193)
Số cuối năm	71.280.104.730	50.892.328.692	122.172.433.422
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	6.187.542.786	6.187.542.786
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	12.163.318.177	12.163.318.177
Khấu hao trong năm	-	1.073.473.020	1.073.473.020
Số cuối năm	-	13.236.791.197	13.236.791.197
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	71.652.812.923	38.729.010.515	110.381.823.438
Số cuối năm	71.280.104.730	37.655.537.495	108.935.642.225

Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính là 27.478.430.441 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có thông tin về giá thị trường để phục vụ cho mục đích xác định giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Danh mục bất động sản đầu tư ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số cuối năm			
Tầng 5 tòa HACC1	31.826.085.906	(4.347.655.465)	27.478.430.441
Tầng 1 tòa nhà CT1 - Mễ Trì	12.878.700.000	(2.701.592.946)	10.177.107.054
Nhà kho Cái Sơn Hàng Bàng	6.187.542.786	(6.187.542.786)	-
Đất Cái Sơn Hàng Bàng - Phường An Bình (1.614,2 m2)	1.389.654.116	-	1.389.654.116
Đất nông nghiệp - Phường An Bình (3.841,5 m2)	5.863.335.957	-	5.863.335.957
Đất trồng lúa tại Hậu Giang - 11 miếng (54.514 m2)	2.478.114.657	-	2.478.114.657
Đất trồng cây lâu năm phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (3.691,9 m2)	36.919.000.000	-	36.919.000.000
Đất trồng lúa tại phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	24.630.000.000	-	24.630.000.000
Cộng	122.172.433.422	(13.236.791.197)	108.935.642.225

• 13. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án vườn ươm chồi khóm MD2	10.124.764.609	10.052.984.654

Là chi phí Dự án vườn ươm chồi khóm MD2 để phát triển vùng nguyên liệu khóm MD2 với giá trị đầu tư sẽ được thu hồi tương ứng với giá trị số lượng khóm bán ra cho người nông dân từ chính dự án này. Dự án được bắt đầu triển khai nghiên cứu và thử nghiệm từ năm 2015. Chi phí chủ yếu là giống khóm, tiền thuê đất, nhân công và khấu hao.

• 14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	3.821.559.896	41.022.513.072	(41.549.342.072)	3.294.730.896
Xây dựng cơ bản dở dang	28.121.070.198	181.605.627.228	(500.000.000)	209.226.697.426
Đầu tư xây dựng nhà máy tại Hậu Giang (i)	4.888.387.833	-	-	4.888.387.833
Công trình Nhà máy Vikimco (ii)	17.606.395.500	22.582.414.295	-	40.188.809.795
Công trình Nhà máy tại Long An (iii)	-	158.335.290.932	-	158.335.290.932
Bản quyền phân phối thuốc độc quyền (iv)	4.790.945.000	-	-	4.790.945.000
Dự án khác	835.341.865	687.922.001	(500.000.000)	1.023.263.866
Cộng	31.942.630.094	222.628.140.300	(42.049.342.072)	212.521.428.322

(i) Dự án Công trình nhà máy Westfood Hậu Giang theo Giấy chứng nhận đầu tư số 7133670465 của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hậu Giang ngày 21 tháng 10 năm 2015 mục đích để sản xuất các sản phẩm nông sản IQF và đóng lon, do Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang làm chủ đầu tư với tổng vốn đầu tư 438.000.000.000 VND. Chi phí phát sinh gồm: san lấp mặt bằng, thiết kế dự án, lương ban quản lý dự án,... Dự án hiện tại đang tạm ngừng đầu tư do chưa đủ vùng nguyên liệu trồng khóm để sản xuất. Theo kế hoạch của Tập đoàn, dự án sẽ được tiếp tục được thực vào thời điểm quý III/2022.

(ii) Công trình nhà máy Vikimco theo Giấy chứng nhận đầu tư số 2651067820 của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Long ngày 12 tháng 8 năm 2020 mục đích để sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, do Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas làm chủ đầu tư với tổng vốn đầu tư 350 tỷ VND.

(iii) Công trình nhà máy tại Long An theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6037037488 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Long An ngày 30 tháng 6 năm 2022 mục đích để sản xuất thuốc, dược phẩm và vật tư y tế với tổng vốn đầu tư 1.035 tỷ VND.

(iv) Chi phí theo Hợp đồng ký kết giữa Công ty con là Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas và Labosuan (nay là Torrefarma) vào ngày 21 tháng 3 năm 2017, theo đó Torrefarma sẽ cung cấp các số liệu và thông tin liên quan để Công ty có thể đăng ký hồ sơ kinh doanh thuốc với Cục Quản lý Dược cho hai loại thuốc Capecitabine và Imatinib.

• 15. LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

	Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nông Tín	Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (i)	Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	6.387.565.874	163.255.255.818	12.864.385.324	620.990.283.326	4.723.270.846	808.220.761.188
Số cuối năm	6.387.565.874	163.255.255.818	12.864.385.324	620.990.283.326	4.723.270.846	808.220.761.188
Số đã phân bổ						
Số đầu năm	187.869.585	108.156.606.977	8.361.850.460	31.049.514.166	4.723.270.846	152.479.112.034
Phân bổ trong năm	2.254.435.014	16.325.525.580	1.286.438.534	62.099.028.332	-	81.965.427.460
Số cuối năm	2.442.304.599	124.482.132.557	9.648.288.994	93.148.542.498	4.723.270.846	234.444.539.494
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	6.199.696.289	55.098.648.841	4.502.534.864	589.940.769.160	-	655.741.649.154
Số cuối năm	3.945.261.275	38.773.123.261	3.216.096.330	527.841.740.828	-	573.776.221.694

• 16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	656.529.901
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	-	656.529.901
Phải trả các nhà cung cấp khác	55.439.479.767	88.827.165.215
Lao TTL Agriculture And Industrial Development Sole Co., Ltd	6.722.987.250	7.205.996.000
Ông Trần Văn Phương	-	29.434.950.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa - Nhà máy Nhựa số 2	-	1.994.117.510
Công ty TNHH Sản xuất Constantia Việt Nam	1.457.030.485	3.033.625.983
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại In Phước Châu	929.692.485	2.693.057.785
Các nhà cung cấp khác	46.329.769.547	44.465.417.937
Cộng	55.439.479.767	89.483.695.116

• 17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

17a. Phải thu

	Số đầu năm	Số phải thu phát sinh trong năm	Số đã bù trừ trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.169.064	-	-	114.124.994	120.294.058
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.980.381.853	-	1.710.333.698	-	270.048.155
Thuế xuất, nhập khẩu	283.191.413	-	258.048.620	-	25.142.793
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	89.204.940	89.204.940
Thuế thu nhập cá nhân	54.319.971	13.200.000	42.614.764	65.712.018	90.617.225
Thuế, phí khác	18.475.273	-	-	-	18.475.273
Cộng	2.342.537.574	13.200.000	2.010.997.082	269.041.952	613.782.444

17b. Phải nộp

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.927.000.193	12.030.079.281	(12.470.999.624)	1.486.079.850
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	28.513.006.889	(28.513.006.889)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.497.033.600	(1.497.033.600)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.074.000.188	44.274.559.798	(45.171.087.567)	23.177.472.419
Thuế thu nhập cá nhân	531.191.901	6.622.937.434	(6.490.709.599)	663.419.736
Thuế tài nguyên	167.466.700	2.196.371.500	(2.241.509.900)	122.328.300
Thuế nhà đất, thuế nhà đất	-	2.805.400.683	(2.805.400.683)	-
Các loại thuế và phí khác	16.779.892	194.989.912	(200.564.804)	11.205.000
Cộng	26.716.438.874	98.134.379.097	(99.390.312.666)	25.460.505.305

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng cho các hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ mà Tập đoàn cung cấp theo quy định của Luật thuế GTGT hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Miền Tây nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến nông sản. Các khoản thu nhập khác của Công ty mẹ và các công ty con trong Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty mẹ và các công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

• 18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi tiền vay	1.208.219.272	2.252.098.126
Chi phí hợp đồng hợp tác đầu tư	1.394.831.232	800.416.437
Chi phí hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi, chiết khấu, thuê cửa hàng	21.225.660.823	8.649.415.282
Chi phí vận chuyển	2.338.104.546	2.353.376.807
Chi phí khác	10.701.060.261	7.374.703.745
Cộng	36.867.876.134	21.430.010.397

• 19. PHẢI TRẢ KHÁC

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	106.295.951.799
Công ty Cổ phần Cap Padaran Mũi Dinh- Hợp đồng hợp tác đầu tư (i)	-	106.295.951.799
Gốc phải trả	-	101.997.929.443
Lãi phải trả	-	4.298.022.356
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	75.709.055.345	185.738.484.178
Tài sản thừa chờ giải quyết	172.739.856	172.739.856
Kinh phí công đoàn	1.367.684.708	2.154.266.370
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	57.768.819	650.863.824
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	477.350.566	573.747.816
Phải trả về bản án sơ thẩm	58.431.883.500	58.431.883.500
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	83.802.660	83.802.660
Phải trả về hợp đồng hợp tác đầu tư (ii)	13.050.000.000	121.456.087.997
Ông Nguyễn Duy Thanh- HTĐT	4.000.000.000	-
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại TĐN Việt Nam	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt - Phải trả về hợp tác đầu tư	50.000.000	53.850.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt - Phải trả lãi hợp tác đầu tư	-	773.341.367

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Phố Hiến Việt Nam	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng - Phải trả gốc hợp tác đầu tư	-	56.840.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng - Phải trả lãi hợp tác đầu tư	-	992.746.630
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.067.825.236	2.215.092.155
Cộng	75.709.055.345	292.034.435.977

(i) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 02-10042021/HTDT/MD-FIT ngày 10 tháng 4 năm 2021; số 04-25082020/HTDTMD-FIT ngày 25 tháng 8 năm 2020 và các phụ lục hợp đồng kèm theo giữa Công ty và Công ty Cổ phần Cap Padaran Mũi Dinh, thời hạn hợp tác là 12 tháng. Mục đích nhằm đem lại hiệu quả kinh doanh cao nhất thông qua việc hợp tác đầu tư trong thị trường Bất động sản Việt Nam. Bên góp vốn được hưởng một khoản lợi nhuận cố định là 6%/năm mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hoạt động hợp tác. Trong năm, Công ty đã thực hiện thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư này, thanh toán toàn bộ gốc hợp tác và lãi hợp tác phải trả cho Công ty Cổ phần Cap Padaran Mũi Dinh.

(ii) Bao gồm các khoản hợp tác đầu tư như sau:

- Khoản hợp tác đầu tư với Ông Nguyễn Duy Thanh theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 02-24082020/HTDT/FITLAND ngày 24 tháng 8 năm 2020, thời gian hợp tác đầu tư là 36 tháng từ ngày 24 tháng 8 năm 2020. Công ty sẽ phải trả lợi nhuận cố định 14,8%/365 ngày mà không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của đối tác.

- Là khoản tiền nhận được từ Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại TĐN Việt Nam (giá trị theo hợp đồng là 9.000.000.000 VND) theo hợp đồng Hợp tác đầu tư số 01/HTĐT/2018 ngày 09/5/2018 giữa Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa và Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại TĐN Việt Nam về việc hợp tác đầu tư thực hiện dự án chung cư F.I.T Tower Nha Trang trên lô đất tại số 28 đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Lô đất này là lô đất Công ty được Nhà nước cho thuê dài hạn (trả tiền hàng năm) theo hợp đồng thuê đất số 33/2002/HĐ-TĐ ngày 16/9/2012 với thời hạn thuê 20 năm cho mục đích xây dựng cửa hàng bán nước khoáng. Theo quyết định số 3167/QĐ-UBND ngày 24/10/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã phê duyệt chủ trương thay đổi mục đích sử dụng đất của Công ty thành xây dựng chung cư F.I.T Tower Nha Trang. Đồng thời, theo nội dung của quyết định này, Công ty có trách nhiệm khởi công xây dựng trước ngày 31/10/2018 và hoàn thành công trình đưa vào sử dụng trong 12 tháng kể từ ngày khởi công. Trường hợp Công ty không đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sẽ thu hồi dự án, toàn bộ chi phí đầu tư vào dự án sẽ không được bồi thường. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, sau khi ký hợp đồng hợp tác đầu tư, hai bên vẫn tiếp tục làm việc với cơ quan có thẩm quyền để xin cấp giấy phép đầu tư mới và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cho dự án. Do cả hai bên vẫn chưa hoàn tất các nghĩa vụ theo hợp đồng nên các chi phí liên quan đến dự án này vẫn được Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa phản ánh trên chỉ tiêu "chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" và "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" với số tiền lần lượt là 1.636.363.636 VND và 61.609.091 VND.

19b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư	-	4.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	10.623.430.430	10.320.552.544
Cộng	10.623.430.430	14.320.552.544

• 20. VAY

20a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng(i)	601.817.186.973	600.271.934.262
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	(3.858)	128.962.932.612
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	230.755.886.373	218.295.888.668
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	51.600.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	159.644.435.934	126.511.238.338
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	22.000.731.752	15.998.285.345
Ngân hàng TMCP Quân đội	99.667.119.050	50.606.160.424
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	38.149.017.722	49.897.428.875
Vay ngắn hạn tổ chức khác	39.004.041.769	100.000.000.000
Vay Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect(ii)	39.004.041.769	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng	-	100.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	62.747.773.887	35.011.054.950
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	2.545.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	30.425.000.004	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	31.980.773.883	31.315.674.950
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	342.000.000	
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ	-	1.150.380.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	3.580.080.000	
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	3.580.080.000	
Cộng	707.149.082.629	735.282.989.212

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Công ty Mẹ vay thấu chi)	500 tỷ VND	Không quá 12 tháng	Lãi suất trong hạn tối thiểu bằng lãi suất tiền gửi đối ứng
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam (Công ty Mẹ vay)	9 tỷ	05 tháng	7%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect (Công ty Mẹ)	40 tỷ VND	Tối đa 03 tháng	12%
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Cần Thơ (TSC vay)	50 tỷ VND	Không quá 12 tháng	1,7%-2,4%
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Khánh Hòa (TSC vay)	25 tỷ VND	Không quá 12 tháng	5,2%-5,5%
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Diên Khánh (TSC vay)	25 tỷ VND	Không quá 12 tháng	4,75%-6,8%
Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hai Bà Trưng (FXK vay thấu chi)	19,999 tỷ VND	Không quá 59 ngày	4,9%
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Vĩnh Long (DCL vay)	50 tỷ VND	không quá 12 tháng	7,1%
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Vĩnh Long (DCL vay)	100 tỷ VND	không quá 06 tháng	6,7%
Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh Cần Thơ (DCL vay)	100 tỷ VND	không quá 06 tháng	7,63% -7,64%
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Cần Thơ (DCL vay)	50 tỷ VND	từ 08/06/2022 đến 31/12/2022	8,5% - 8,9%
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam Chi nhánh Thanh Xuân (DCL vay)	50 tỷ VND	không quá 12 tháng	7%

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng bao gồm: Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, Chứng chỉ tiền gửi, Hàng tồn kho, Tài sản cố định hữu hình, Quyền sử dụng đất, Bất động sản đầu tư (xem các Thuyết minh V.2, V.8, V.10, V.11 và V.12).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay Bên liên quan	Vay Ngân hàng	Vay ngắn hạn các tổ chức khác	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Tổng
Số đầu năm	-	600.271.934.262	100.000.000.000	35.011.054.950	-	735.282.989.212
Số tiền vay phát sinh trong năm	80.170.720.000	2.870.050.308.550	241.149.158.970	-	-	3.111.199.467.520
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	-	62.749.269.469	3.580.080.000	66.329.349.469
Số tiền vay đã trả trong năm	(80.170.720.000)	(2.869.920.927.519)	(302.145.117.201)	(35.012.550.532)	-	(3.207.078.595.252)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện tại ngày kết thúc năm	-	1.415.871.680	-	-	-	1.415.871.680
Số cuối năm		601.817.186.973	39.004.041.769	62.747.773.887	3.580.080.000	707.149.082.629

20b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	146.654.686.995	
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (i)	70.264.825.167	102.247.094.632
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ	-	4.313.925.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An (ii)	75.013.259.328	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ(iii)	1.376.602.500	-
Nợ thuê tài chính	14.319.920.000	
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iv)	14.319.920.000	-
Cộng	160.974.606.995	106.561.019.632

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long:

- Theo hợp đồng số 06/HĐĐTDA-VLO.KH ngày 03 tháng 07 năm 2017 với mục đích thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án "đầu tư Nhà máy sản xuất Capsule III - Giai đoạn 1" tại số 21B, Phan Đình Phùng, Phường 8, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long làm chủ đầu tư; hạn mức là 111.915.145.300 VND, nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của Dự án không bao gồm VAT, thời hạn vay tối đa là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ; thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định trong từng văn bản nhận nợ; lãi suất cho vay cố định quy định tại văn bản nhận nợ. Khoản vay được thế chấp là toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3 theo các Hợp đồng thế chấp từ số 200-202/HĐTC-VLO.KH ngày 03/07/2017.

- Theo hợp đồng số 03/HĐĐTDA-VLO.KH ngày 29 tháng 01 năm 2021 với mục đích thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án "đầu tư Nhà máy sản xuất Capsule - Giai đoạn 4" tại số 21B, Phan Đình Phùng, Phường 8, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long làm chủ đầu tư; hạn mức là 140.000.000.000 VND, nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của Dự án không bao gồm VAT, thời hạn vay tối đa là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ; thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định trong từng văn bản nhận nợ; lãi suất cho vay cố định quy định tại văn bản nhận nợ. Khoản vay được thế chấp là toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3 theo các Hợp đồng thế chấp từ số 200-201/HĐTC-VLO.KH ngày 03/07/2017 và Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 03/HĐTC-VLO.KH ngày 29/01/2021.

(ii) Khoản vay trung và dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo hợp đồng số 08/HĐCVTL/N-HCT320-DUOCCL ngày 08 tháng 08 năm 2022 với mục đích thanh toán chi phí thuê đất tại KCN Hựu Thạnh, tỉnh Long An theo Hợp đồng thuê lại đất tại Khu công nghiệp Hựu Thạnh số 42/TCT-ĐT ngày 28/07/2022 ký giữa công ty CP Dược phẩm Cửu Long và Tổng Công ty IDICO; hạn mức là 121.700.000.000 VND, thời hạn vay tối đa là 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Khoản vay được thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của khu đất (xem thuyết minh V.10).

(iii) Khoản vay trung và dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo hợp đồng số 08/HĐCVTL/N-HCT320-DUOCCL ngày 08 tháng 08 năm 2022 với mục đích thanh toán chi phí thuê đất tại KCN Hựu Thạnh, tỉnh Long An theo Hợp đồng thuê lại đất tại Khu công nghiệp Hựu Thạnh số 42/TCT-ĐT ngày 28/07/2022 ký giữa công ty CP Dược phẩm Cửu Long và Tổng Công ty IDICO; hạn mức là 121.700.000.000 VND, thời hạn vay tối đa là 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Khoản vay được thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của khu đất (xem thuyết minh V.10).

(iv) Khoản vay trung và dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo hợp đồng số 08/HĐCVTL/N-HCT320-DUOCCL ngày 08 tháng 08 năm 2022 với mục đích thanh toán chi phí thuê đất tại KCN Hựu Thạnh, tỉnh Long An theo Hợp đồng thuê lại đất tại Khu công nghiệp Hựu Thạnh số 42/TCT-ĐT ngày 28/07/2022 ký giữa công ty CP Dược phẩm Cửu Long và Tổng Công ty IDICO; hạn mức là 121.700.000.000 VND, thời hạn vay tối đa là 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Khoản vay được thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của khu đất (xem thuyết minh V.10).

Kỳ hạn thanh toán các khoản Vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	66.327.853.887	35.011.054.950
Trên 1 năm đến 5 năm	160.974.606.995	106.561.019.632
Cộng	227.302.460.882	141.572.074.582

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	106.561.019.632	39.844.439.997
Số tiền vay phát sinh trong năm	135.227.028.500	78.651.166.971
Số tiền vay đã trả	(14.484.091.668)	-
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(66.329.349.469)	(13.203.585.266)
Số cuối năm	160.974.606.995	105.292.021.702

• 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	2.547.302.470.000	70.045.649.714	-	80.481.887.391	886.852.413	285.815.171.392	981.247.749.804	3.988.148.562.810
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	157.968.627.218	73.502.563.457	231.471.190.675
Giảm do hợp nhất Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (tăng tỷ lệ góp vốn vào Công ty con)	-	-	-	-	-	(7.988.363.066)	(22.411.636.934)	(30.400.000.000)
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long tăng vốn	-	(183.522.237)	-	-	-	(8.852.873.366)	29.036.395.603	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	-	-	-	-	(222.872.785)	(919.762.388)	6.142.635.173	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Miền Tây tăng vốn	-	-	-	-	(17.590.848)	(374.470.468)	2.861.061.316	2.469.000.000
Điều chỉnh do thoái vốn Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	-	-	-	-	-	65.713.758.856	265.214.935.143	330.928.693.999
Tăng do hợp nhất Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (hợp nhất Vikoda)	-	-	-	-	-	4.969.569.288	38.204.992.415	43.174.561.703
Giảm do Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long trích lập quỹ	-	-	-	-	-	(1.574.257.858)	(625.742.142)	(2.200.000.000)
Kết chuyển quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	-	5.398.565.721	-	-	-	-	(7.259.451.008)	(24.229.667.383)
Giảm do Cổ phần Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Miền Tây trích lập quỹ	-	-	-	-	-	(290.729.678)	(441.656.535)	(732.386.213)
Tăng vốn trong kỳ	80.000.000.000	-	-	-	-	-	-	80.000.000.000
Tăng/Giảm khác	-	-	-	-	-	(758.140.395)	(1.594.767.278)	(2.352.907.674)
Số dư cuối năm trước	2.627.302.470.000	75.260.693.198	-	80.481.887.391	646.388.781	493.708.529.535	1.363.877.079.013	4.641.277.047.918
Số dư đầu năm nay	2.627.302.470.000	75.260.693.198	-	80.481.887.391	646.388.781	493.708.529.535	1.363.877.079.013	4.641.277.047.918
Phát hành cổ phần để trả cổ tức	262.723.930.000	-	-	-	-	(262.723.930.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	509.303.940.000	(365.532.556)	-	-	-	-	-	508.938.407.444
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ hợp nhất Công ty con	-	-	-	-	-	15.653.151.486	635.247.434.314	650.900.585.800
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long phát hành cổ phần tăng vốn thu bằng tiền	-	-	-	-	-	76.544.189.621	278.660.960.379	355.205.150.000
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ phát hành cổ phần tăng vốn thu bằng tiền	-	-	-	-	-	(140.952.240)	289.763.162.240	289.622.210.000
Công ty Cổ phần FIT Consumer phát hành cổ phần tăng vốn thu bằng tiền	-	-	-	-	-	795.266.822	(795.266.822)	-
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ sở hữu ở Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	-	-	-	-	-	(55.780.786.264)	(130.132.065.336)	(185.912.851.600)
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ góp vốn của WF tại WFHG	-	-	-	-	-	336.401.093	(1.736.401.093)	(1.400.000.000)
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Miền Tây tại TSS	-	-	-	-	-	(4.414.459.260)	72.414.459.260	68.000.000.000
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ tại Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Miền Tây	-	-	-	-	-	98.878.040	162.987.199.360	163.086.077.400
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ lệ lợi ích do ủy thác mua thêm cổ phần WHT	-	-	-	-	-	-	-	-
Ảnh hưởng của việc VPC mua lại cổ phần của NCI tại Benovas on	-	-	-	-	-	(1.787.531.612)	(35.912.468.388)	(37.700.000.000)
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Fitland	-	-	-	-	-	2.145.286	(2.145.286)	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	48.289.456.878	23.314.945.474	71.604.402.352
Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	-	-	-	(1.521.858.717)	(1.394.508.559)	(2.916.367.276)
Chia cổ tức ở Công ty con	-	-	-	-	-	-	(5.238.455.320)	(5.238.455.320)
Số dư cuối năm nay	3.399.330.340.000	74.895.160.642	-	80.481.887.391	646.388.781	293.405.349.182	2.015.806.494.922	5.864.565.620.918

(i) Thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021, Nghị quyết HĐQT số 23/2021/NQ-HĐQT ngày 09/11/2021, Công ty mẹ đã phát hành 26.272.393 cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2021. Ngày 07 tháng 4 năm 2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã thông báo nhận được tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Báo cáo số 01/2022/BC-FIT ngày 31/03/2022 của Công ty.

(ii) Thực hiện Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 73/GCN-UBCK ngày 04/04/2022 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Công ty mẹ đã phân phối 50.930.394 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu để bổ sung vốn kinh doanh và đầu tư vào dự án, giá phát hành bằng mệnh giá (10.000 VND/cổ phiếu), chi phí phát hành 333.132.556 VND. Ngày 17 tháng 6 năm 2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã thông báo nhận được tài liệu báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo Báo cáo số 47/2022/BC-FIT ngày 13/6/2022 của Công ty.

(iii) Xem các thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn tại Thuyết minh I.5a.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Dũng Tâm	1.033.994.790.000	799.124.230.000
Các cổ đông khác	2.365.335.550.000	1.828.178.240.000
Cộng	3.399.330.340.000	2.627.302.470.000

21c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	339.933.034	262.730.247
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành ra công chúng	339.933.034	262.730.247
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	339.933.034	262.730.247

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận bằng cổ phiếu cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 với số tiền là 262.723.930.000 VND.

• 22. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
USD	100.993,33	299.947,91
EUR	308,96	520,42

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

• 1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

1a. Tổng doanh thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu bán hàng hóa	433.909.375.379	716.740.152.491
Doanh thu bán thành phẩm	1.514.299.633.717	515.079.987.416
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	1.163.285.994
Doanh thu cho thuê bất động sản	3.938.696.373	3.911.414.450
Doanh thu khác	-	-
Cộng	1.952.147.705.469	1.236.894.840.351

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Xem Thuyết minh VII.1.

• 2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chiết khấu thương mại	29.021.672.143	11.587.762.055
Hàng bán bị trả lại	4.390.597.451	4.714.200.720
Giảm giá hàng bán	1.525.891.447	31.990.361
Cộng	34.938.161.041	16.333.953.136

• 3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá vốn của hàng hóa đã bán	421.547.211.029	539.119.968.286
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.029.046.907.244	366.948.361.230
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	501.175.282
Giá vốn dịch vụ cho thuê bất động sản	2.370.607.159	2.601.635.059
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.270.692.857	4.925.695.082
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán khác	-	-
Cộng	1.458.235.418.289	914.096.834.939

• 4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	58.004.449.337	69.395.428.515
Lãi đầu tư chứng khoán kinh doanh, đầu tư tài chính	45.301.293.459	76.631.331.335
Cổ tức, lợi nhuận được chia	194.871.898	179.512.862
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.804.651.316	4.603.717.097
Lãi hợp đồng mua bán nợ	457.254.696	-
Lãi do hợp nhất công ty con	-	84.480.035.685
Lãi đầu tư trái phiếu	-	129.848.888.889
Lãi hoạt động hợp tác đầu tư	113.240.424.475	64.768.019.062
Cộng		

• 5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu và chi phí phát hành trái phiếu	59.162.043.989	44.188.334.550
Lỗ đầu tư chứng khoán kinh doanh, đầu tư tài chính	34.353.166.014	109.232.196.461
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.378.944.013	797.736.979
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	479.762.500	(471.642.175)
Chi phí từ hoạt động hợp tác đầu tư	7.104.225.543	10.514.104.519
Chi phí tài chính khác	401.087.820	1.301.936.953
Cộng	105.879.229.879	165.562.667.287

• 6. THU NHẬP KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	280.122.278	35.000.000
Thu thanh lý, nhượng bán phế liệu	994.676.498	-
Tiền phạt chậm thanh toán, bồi thường	4.328.909.973	-
Tiền điện cho thuê ngoài	-	258.837.545
Thu nhập khác	1.652.938.309	8.636.940.804
Cộng	7.256.647.058	8.930.778.349

• 7. CHI PHÍ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thanh lý phế liệu	54.488.476	-
Tiền điện cho thuê ngoài	-	184.889.599
Phạt do vi phạm hợp đồng	733.226.500	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	519.056.347	-
Chi phí khác	1.679.433.185	578.602.566
Cộng	2.986.204.508	763.492.165

• 8. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí cho nhân viên	90.037.507.471	56.909.062.071
Chi phí vật liệu, bao bì	4.653.650.810	889.176.674
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.536.968.154	1.536.994.017
Chi phí dịch vụ mua ngoài	103.100.868.223	69.246.218.360
Các chi phí khác	21.593.952.032	10.786.866.275
Cộng	220.922.946.690	139.368.317.397

• 9. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí cho nhân viên	57.933.988.155	49.491.415.535
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.486.735.758	1.275.939.741
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.369.671.345	7.894.816.566
Thuế, phí và lệ phí	934.174.383	480.671.848
Dự phòng phải thu khó đòi	22.077.516.657	873.907.411
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.583.726.666	29.905.155.496
Phân bổ lợi thế thương mại	81.965.427.460	51.260.133.125
Các chi phí khác	20.421.644.723	10.066.425.684
Cộng	230.772.885.147	151.248.465.406

• 10. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	48.289.456.878	157.968.627.218
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành (i)	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	48.289.456.878	157.968.627.218
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	317.546.048	281.002.640
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	152	562

(i) Không ước tính số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tại công ty con, do không trọng yếu.

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	262.730.247	254.730.247
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành để chia cổ tức (ii)	26.272.393	26.272.393
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 10 tháng 06 năm 2022	28.543.408	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	317.546.048	281.002.640

(ii) Ngày 10 tháng 6 năm 2022, Công ty mẹ đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số lượng cổ phiếu tăng thêm là 26.272.393 cổ phiếu. Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước đã được điều chỉnh từ 562 VND xuống còn 152 VND do ảnh hưởng của sự kiện này.

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

• 11. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	1.002.834.082.732	633.837.823.557
Chi phí nhân công;	291.355.814.230	223.516.444.039
Chi phí khấu hao tài sản cố định;	67.892.291.579	61.121.467.134
Chi phí dịch vụ mua ngoài;	205.045.788.601	73.380.849.911
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	24.469.810.655	3.221.970.181
Chi phí khác bằng tiền.	70.683.333.428	157.894.880.773
Cộng	1.662.281.121.225	1.152.973.435.595

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

• 1. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt Trong năm, Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch lãi phải thu Ông Cao Trọng Hoan từ hợp đồng hợp tác đầu tư với tổng số tiền là 3.253.298.960 VND (cùng kỳ năm trước là 6.466.196.845 VND)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài công nợ phải thu Ông Cao Trọng Hoan (xem thuyết minh V.6) Tập đoàn không có công nợ khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Số cuối năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc (đến ngày 05/01/2022)	233.879.080	2.334.374.640
Cao Trọng Hoan	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên HĐQT (từ 17/6/2022)	25.866.667	
Vũ Thị Minh Hoài	Thành viên HĐQT (từ 17/6/2022)/ Phó TGD Thường trực	371.623.914	
Vũ Anh Trọng	Thành viên độc lập HĐQT (từ 17/6/2022)	25.866.667	
Đào Hữu Long	Thành viên độc lập HĐQT (từ 17/6/2022)	25.866.667	
Kiều Hữu Dũng	Thành viên HĐQT (đến 17/6/2022)	22.133.333	48.000.000
Phan Minh Sáng	Thành viên HĐQT (đến 17/6/2022)	22.133.333	48.000.000
Đỗ Văn Khá	Thành viên độc lập HĐQT (đến 17/6/2022)	22.133.333	48.000.000
Bùi Tuấn	Thành viên độc lập HĐQT (đến 17/6/2022)	22.133.333	48.000.000
Ngô Thu Trang	Trưởng BKS (từ 17/06/2022)	19.400.000	
Nguyễn Quang Huy	Trưởng BKS (đến 17/06/2022)	16.600.000	24.900.000
Ninh Việt Tiến	Trưởng BKS (đến 22/04/2021)	-	11.100.000
Nguyễn Thị Thảo	Thành viên BKS (từ 17/06/2022)	9.700.000	-
Võ Đình Bảo	Thành viên BKS (từ 17/06/2022)	9.700.000	
Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS (đến 17/06/2022)	8.300.000	18.000.000
Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên BKS (đến 17/06/2022)	8.300.000	18.000.000
Nguyễn Thị Hoài	Tổng Giám đốc (từ 04/04/2022)	1.377.564.379	-
Nguyễn Ngọc Bích	Tổng Giám đốc (từ 06/01/2022-03/04/2022)	16.161.616	-
Nguyễn Ngọc Thắng	Phó Tổng Giám đốc (từ 01/10/2022)	428.061.985	-
Lê Việt Cường	Kế toán trưởng (từ 05/09/2022)	170.673.257	-
Phan Thị Hòa	Kế toán trưởng (đến 01/09/2021)		249.373.787
Nguyễn Thị Nga	Kế toán trưởng (bổ nhiệm từ 01/09/2021 đến 19/04/2022)	222.297.949	144.749.820
Ninh Thị Phương	Kế toán trưởng (đến 19/04/2022)	205.102.876	

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Số cuối năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Dũng Tâm	Cổ đông lớn (sở hữu trên 30%)
	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần Cap Padaran Mũi Dinh	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần Today Cosmetics	Có chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu TH Nam Sài Gòn	Có chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Cao Việt Mỹ	Có chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng và Kinh doanh Nhà Sài Gòn	Có chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Cảnh Viên	Có chung thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	949.295.454	911.323.638
Thu hồi tiền hợp tác đầu tư	-	6.475.000.000
Lợi nhuận từ hợp tác đầu tư	-	1.880.191.783
Thu lợi nhuận từ hợp tác đầu tư	-	1.711.693.150
Mua hàng hóa, dịch vụ	341.032.094	1.425.501.026
Công ty Cổ phần Đầu tư Dũng Tâm		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	179.067.685	176.043.236
Công ty Cổ phần Today Cosmetics		
Thu hồi tiền hợp tác đầu tư	-	10.000.000.000
Lợi nhuận từ hợp tác đầu tư	2.256.301.712	1.347.749.730
Thu lợi nhuận từ hợp tác đầu tư	-	1.375.000.000
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	8.500.000.000	22.710.000.000
Công ty Cổ phần Cap Padaran Mũi Dinh		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	171.743.427	-
Trả tiền hợp tác đầu tư	107.972.630.089	15.268.476.518
Lợi nhuận phải trả từ hợp tác đầu tư	3.078.843.404	6.504.651.248
Lợi nhuận đã trả hợp tác đầu tư	1.402.165.114	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.6 và V.20.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác

2. THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN

2a. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

	Miền Bắc	Miền Nam	Loại trừ	Tổng Cộng
Số cuối năm				
Tài sản				
Tài sản bộ phận	6.097.799.544.918	4.829.059.788.633	(3.929.147.077.638)	6.997.712.255.913
Tổng tài sản				6.997.712.255.913
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	1.152.497.850.928	939.840.813.089	(959.192.029.021)	1.133.146.634.996
Tổng nợ phải trả				1.133.146.634.996
Số đầu năm				
Tài sản				
Tài sản bộ phận	4.272.090.109.355	4.084.510.008.686	(2.372.518.932.132)	5.984.081.185.909
Tổng tài sản				5.984.081.185.909
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	731.274.456.005	1.106.671.095.776	(495.141.413.790)	1.342.804.137.991
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả				1.342.804.137.991

	Miền Bắc	Miền Nam	Loại trừ	Tổng Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	3.938.696.373	1.913.270.848.055	-	1.917.209.544.428
Doanh thu thuần bán hàng cho các bộ phận khác	14.628.114.754	87.961.872	(14.716.076.626)	-
Tổng doanh thu	18.566.811.127	1.913.358.809.927	(14.716.076.626)	1.917.209.544.428
Giá vốn	11.511.790.867	1.455.975.564.410	(9.251.936.988)	1.458.235.418.289
Lợi nhuận gộp	7.055.020.260	457.383.245.517	(5.464.139.638)	458.974.126.139
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	1.750.335.639	(11.647.830.371)	-	(9.897.494.732)
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	47.497.173.902	392.549.740.994	11.648.916.941	451.695.831.837
Lợi nhuận khác	2.623.400.077	3.003.193.208	(1.356.150.735)	4.270.442.550
Doanh thu tài chính	119.029.615.677	132.211.079.462	(31.237.749.958)	220.002.945.181
Chi phí tài chính	55.344.585.806	84.509.058.282	(33.974.414.209)	105.879.229.879
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.616.611.945	103.890.888.540	(15.732.543.063)	115.774.957.422
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.223.633.110	38.050.926.688	-	44.274.559.798
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	(651.337.577)	547.332.850	(104.004.727)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.392.978.835	66.491.299.429	(16.279.875.913)	71.604.402.351

	Miền Bắc	Miền Nam	Loại trừ	Tổng Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	4.440.242.905	1.216.120.644.310	-	1.220.560.887.215
Doanh thu thuần bán hàng cho các bộ phận khác	10.055.220.408	4.994.327.112	(15.049.547.520)	-
Tổng doanh thu	14.495.463.313	1.221.114.971.422	(15.049.547.520)	1.220.560.887.215
Giá vốn	8.925.643.938	911.104.777.878	(5.933.586.877)	914.096.834.939
Lợi nhuận gộp	5.569.819.375	310.010.193.544	(9.115.960.643)	306.464.052.276
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	1.496.058.385	(11.412.512.147)	-	(9.916.453.762)
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	41.204.172.824	239.742.493.806	9.670.116.173	290.616.782.803
Lợi nhuận khác	7.340.132.657	854.503.857	(27.350.330)	8.167.286.184
Doanh thu tài chính	217.072.110.528	329.961.337.378	(117.126.514.461)	429.906.933.445
Chi phí tài chính	42.526.945.356	141.964.355.168	(18.928.633.237)	165.562.667.287
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	147.747.002.765	247.706.673.658	(117.011.308.370)	278.442.368.053
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.720.183.378	33.051.177.451	-	53.771.360.830
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	(5.156.059.397)	(1.644.124.055)	(6.800.183.452)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	127.026.819.386	219.811.555.604	(115.367.184.315)	231.471.190.676

2a. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tập đoàn được chia thành 03 bộ phận hoạt động: Bộ phận tư vấn và đầu tư, Bộ phận sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu sản phẩm nông sản, vật tư kỹ thuật nông nghiệp; Bộ phận sản xuất và kinh doanh thuốc, kinh doanh thiết bị y tế. Tập đoàn lập báo cáo bộ phận theo 03 bộ phận kinh doanh này.

Dưới đây là phân tích doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tập đoàn theo lĩnh vực kinh doanh, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Lĩnh vực tư vấn đầu tư	18.566.811.127	14.495.463.313
Lĩnh vực sản xuất, thương mại các sản phẩm nông nghiệp, vật tư kỹ thuật nông nghiệp	897.673.297.169	517.480.630.845
Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thuốc, kinh doanh thiết bị y tế	(14.716.076.626)	(15.049.547.520)
Loại trừ doanh thu nội bộ	1.917.209.544.428	1.220.560.887.215

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo lĩnh vực kinh doanh của các tài sản đó:

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định vô hình, hữu hình, bất động sản đầu tư	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Loại trừ	Tổng Cộng
Lĩnh vực tư vấn đầu tư	65.777.603.897	64.629.689.131	4.350.570.907	911.217.680
Lĩnh vực sản xuất, thương mại các sản phẩm nông nghiệp, vật tư kỹ thuật nông nghiệp	223.361.405.101	228.417.333.377	18.027.495.494	138.559.024.174
Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thuốc, kinh doanh thiết bị y tế	461.941.592.460	484.077.914.390	16.857.674.337	224.861.934.071
Cộng	751.080.601.458	777.124.936.898	39.235.740.738	364.332.175.925

• 3. SỐ LIỆU SO SÁNH

Công ty thực hiện việc phân loại trình bày lại các khoản hợp tác đầu tư của Công ty từ các khoản mục "Các khoản tương đương tiền" và "Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn" sang khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác" để phản ánh đúng bản chất nội dung của hợp đồng hợp tác đầu tư. Việc thực hiện phân loại trình bày lại này không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính. Ảnh hưởng của việc phân loại trình bày đến số liệu so sánh như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	297.433.758.581	(135.000.000.000)	162.433.758.581	
Các khoản tương đương tiền	112	161.345.945.205	(135.000.000.000)	26.345.945.205	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2.346.857.554.157	(1.043.203.963.522)	1.303.653.590.635	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	1.977.033.063.522	(1.043.203.963.522)	933.829.100.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	635.654.617.950	1.178.203.963.522	1.813.858.581.472	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	553.965.518.961	(195.940.146.389)	358.025.372.572	
Phải thu ngắn hạn khác	136	100.848.698.311	1.374.144.109.911	1.474.992.808.222	
Tài sản cố định	220	666.743.113.460	5.610.794.083	672.353.907.543	
Tài sản cố định vô hình	227	94.989.137.227	5.610.794.083	100.599.931.310	
Nguyên giá	228	106.098.205.814	5.610.794.083	111.708.999.897	
Tài sản dở dang dài hạn	240	47.606.408.831	(5.610.794.083)	41.995.614.748	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	37.553.424.177	(5.610.794.083)	31.942.630.094	
Nợ ngắn hạn	310	1.159.012.073.580	58.431.883.500	1.217.443.957.080	
Phải trả ngắn hạn khác	319	233.602.552.477	58.431.883.500	292.034.435.977	
Vốn chủ sở hữu	410	4.699.708.931.418	(58.431.883.500)	4.641.277.047.918	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	527.630.076.345	(33.921.546.810)	493.708.529.535	
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	1.388.387.415.703	(24.510.336.690)	1.363.877.079.013	
Báo cáo kết quả kinh doanh					
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	620	(58)	562	

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	109.483.282.405	121.067.200	109.604.349.605	
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(254.978.609.329)	(22.794.113.733)	(277.772.723.062)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	181.659.687.904	(22.673.046.533)	158.986.641.371	
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(83.066.445.554)	(77.154.773.022)	(160.221.218.576)	
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	181.481.687.676	24.779.279.851	206.260.967.527	
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(124.188.513.482)	(24.750.000.000)	(148.938.513.482)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	287.580.000	(98.580.000)	189.000.000	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.564.605.200)	44.200.000	(1.520.405.200)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.681.932.496)	(99.852.919.704)	(108.534.852.200)	
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	3.149.200.000	30.000.000	3.179.200.000	
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.367.839.386.931)	4.788.010.286.931	(1.579.829.100.000)	
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.675.236.071.993	(5.191.778.904.381)	1.483.457.167.612	
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(417.571.645.259)	417.571.645.259	-	
Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	405.635.980.000	11.242.097.241	416.878.077.241	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	128.944.707.678	(60.222.205.346)	68.722.502.332	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	269.212.630.447	(35.147.080.296)	234.065.550.151	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	237.790.307.540	(135.000.000.000)	102.790.307.540	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	297.433.758.581	(135.000.000.000)	162.433.758.581	

• 4. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập biểu

Phạm Thị Thương

Kế toán trưởng

Lê Việt Cường

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Bản

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2023
TUQ Tổng Giám đốc





Mời Quý Nhà đầu tư/ Cổ đông tham khảo thêm công bố thông tin của Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T tại link:

[🌐 https://fitgroup.com.vn/quan-he-co-dong/](https://fitgroup.com.vn/quan-he-co-dong/)

THÔNG TIN LIÊN HỆ:
Ban Truyền thông

📞 (84-24) 7309.4688 - Ext: 120 - 122

✉ communication@fitgroup.com.vn